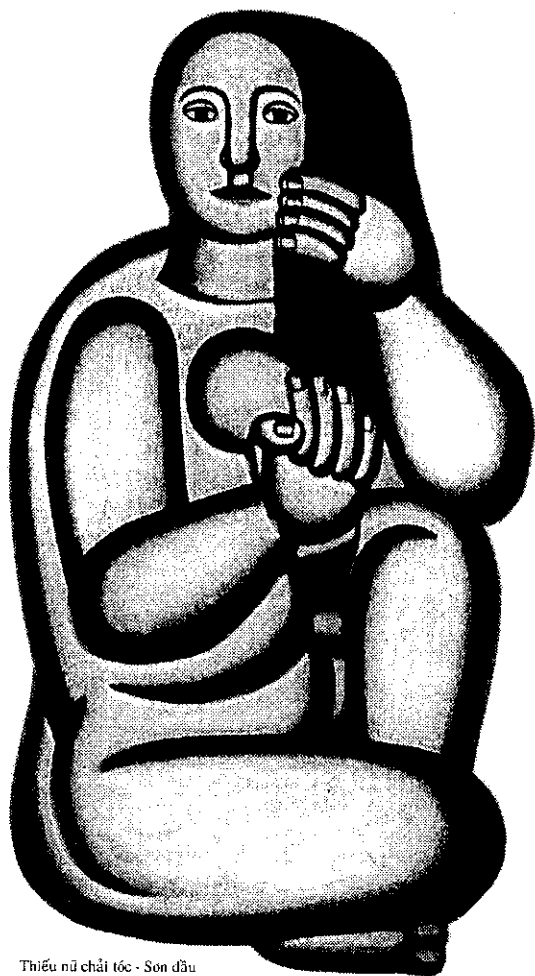


# diễn đàn

Số 47 / 1.12.1995

ISSN 1164-2378

F O R U M



Thiếu nữ chải tóc - Sơn dầu  
Fernand Léger 1927

Nguyễn Ngọc Giao

## Những bài học BA LAN

*Đừng tuyệt vọng, tôi ơi, đừng tuyệt vọng!*

TRINH CÔNG SƠN

Mọi người còn nhớ, cuộc đổi mới ở Việt Nam bắt đầu từ năm 1986, đã tạo ra một bầu không khí chính trị cởi mở hơn trong nội bộ Đảng cộng sản, và từ đó, lan toả một bước ra xã hội. Song đến tháng 8 năm 1989, nghĩa là ba tháng trước ngày Bức tường Berlin sụp đổ, lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam, bắt đầu từ tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, đã tỏ ra hoảng hốt, và đưa ra khẩu hiệu “*đa thể thì được, đa nguyên thì đừng*”, mở đầu chủ trương “*chống diễn biến hoà bình*”.

Tháng 8 năm 1989 được đánh dấu bằng cuộc bầu cử quốc hội tự do đầu tiên ở Ba Lan. Chính phủ của Đảng công nhân thống nhất Ba Lan (POUP, tên chính thức của đảng cộng sản) đã phải nhường chỗ cho nội các của thủ tướng Mazowiecki, cộng tác viên gần gũi của lãnh tụ công đoàn Đoàn Kết Lech Walesa. Sự thay đổi hoà bình ấy, báo Nhân Dân đã gọi là một “*cuộc đảo chính phản cách mạng*” trong một bài xã luận nổi tiếng (ngày 26.8.1989).

(xem tiếp trang 9)

## mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn  
4 Sách mới

### thời sự & những vấn đề

1 Những bài học Ba Lan Nguyễn Ngọc Giao  
4 Tin Việt Nam  
10 Vụ án Hoàng Minh Chính & Đỗ Trung Hiếu

### Hồ sơ Đại hội 8 ĐCSVN :

11 Nhìn lại và chiêm nghiệm  
quá trình đổi mới  
12 Việt Nam “*đổi mới*” 1979 và 1986 Lữ Phương

### văn hoá & nghệ thuật & khoa học

19 Cái lo mất gốc sao bằng  
cái lo lạc hậu Nguyễn Văn Tiến Hùng  
20 Gốc rễ văn hoá và hiện đại Bùi Mộng Hùng  
23 ‘Gốc ruộng’ là điều tôi muốn giữ N.V.H.  
24 Hạt gạo nhà trời Lê Bá Đảng  
26 Ea Sola và Hận hán và Cơn mưa Miêng  
28 Nhạc Việt trên đất Pháp E.M. Hoanna  
30 Miền thơ ấu Vũ Thư Hiên

## Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ 43 29 60 89  
(ouvert tous les jours, sauf le lundi)  
programme de décembre 1995

EXPOSITION DE PEINTURE ET D'ART GRAPHIQUE

**Bui Minh Dung, Trân Nguyên Hiêu,  
Nguyễn Trung Phan, Nguyễn Văn Cuong**  
exposition du 29 novembre au 31 décembre  
vernissage : samedi 1er décembre à 18 h

EXPOSITION DE PHOTOS

**Bruno Vagnini**  
exposition du 29 novembre au 31 décembre  
vernissage : samedi 1er décembre à 18 h

CONFERENCE :

*Naissance du roman moderne*  
par M. Nguyễn Văn Ky, historien  
Vendredi 8 décembre à 20 h 30

VENTE ANNUELLE d'objets artisanaux  
en faveur de la Fondation N.T.  
et des orphelins de My Xuyên  
Dimanche 10 décembre de 10h30 à 18h00

THEATRE RENOVE **cải lương** :

*Bên cầu dệt lụa (nguyên vở)*  
với Hà Mỹ Xuân, Bạch Lê, Hà Mỹ Liên, Hương Huyền  
Vendredi 15 décembre à 20 h, Petite Salle de l'UNESCO, 7 place  
de Fontenoy, PARIS 7 (PAF : 120 F)

# Bạn đọc

# & diễn đàn

## Người Việt tại Đức bị ép ký giấy hồi hương

Khi ký kết hiệp định nhận người hồi hương với chính phủ Đức, chính phủ Việt Nam hứa sẽ không trừng phạt những người trở về. Đó chỉ là một lời hứa suông. Nếu Đảng Cộng sản Việt Nam có thiện chí đối với những người bất đồng chính kiến thì tại sao không xin lỗi và minh oan cho những nạn nhân của các vụ án oan ức cách đây 30 năm ? tại sao lại vội vã khai trừ hai ông Lê Hồng Hà và Nguyễn Trung Thành chỉ vì họ đứng ra đòi giải oan cho những nạn nhân ấy ?

40 000 người Việt Nam tị nạn ở Đức đang sống trong hoàn cảnh

*Bâng khuâng đứng giữa hai dòng nước  
Chọn một dòng hay để nước trôi*

Hiệp định Việt-Đức đã tác động tiêu cực đến các cơ quan phụ trách ngoại kiều, các toà án, thậm chí các luật sư Đức. Người ta thường viện dẫn lời cam kết của chính phủ Việt Nam. Được thế, Sở ngoại kiều Đức đã ép người Việt tị nạn ký vào mẫu đơn HO3, tức là tờ khai lý lịch tự nguyện xin hồi hương, dọa ai không ký sẽ không được gia hạn giấy phép cư trú và sẽ bị trục xuất sớm.

Chúng tôi chỉ còn biết trông đợi vào sự đoàn kết giúp đỡ của các hội đoàn Việt Nam hải ngoại, của các hội đoàn nhân quyền, từ thiện Đức và quốc tế, gây sức ép với chính phủ Đức.

Trần Văn Độ (Saarburg, Đức)

## Cáo lỗi

Diễn Đàn số 46 còn để sót nhiều lỗi chính tả (đặc biệt trong bài của ông Trần Độ) và lỗi kỹ thuật (đặc biệt trong bài Hà Nội nhớ của Mỹ Linh). Chúng tôi thành thực xin lỗi các tác giả và bạn đọc.

Trách nhiệm việc này hoàn toàn không thuộc về bộ phận "thầy cò" và "cô cò" vốn có cao vọng giữ cho Diễn Đàn là "tờ báo Việt ngữ ít lỗi chính tả nhất". Những trang nói trên đã được sửa lỗi kỹ lưỡng như thường lệ, nhưng vào giờ chót, chúng tôi đã sơ sót trao nhà in những trang chưa sửa lỗi.

Lỗi kỹ thuật trong bài của Mỹ Linh chủ yếu là những dấu Õ (thay vì ngoặc kép mở ") và Ậ (thay vì ngoặc kép đóng "). Sở dĩ có tình trạng này vì tiếng Việt có 6 dấu thanh và quá nhiều nguyên âm, nên chương trình quốc ngữ trên máy tính chiếm hết bàn phím và các ô ký hiệu, không còn chỗ cho các ký hiệu như " , " ... Chính vì thế mà sách báo Việt ngữ (trong

*Lưu ý bạn đọc Ba Lan & Đông Âu*

Trương mục ngân hàng của ANNA LE DUC là XO/PBP Warzawa (chú không phải là (...)PKP(...) như chúng tôi đã in lầm trong số 45).

Diễn Đàn tiếp tục tặng báo cho bạn đọc Đông Âu, chỉ xin các bạn hàng năm xác nhận địa chỉ để tránh lãng phí.

Bạn đọc eo hẹp tài chính, xin trả 11 USD một năm (số tiền này vừa đủ để trang trải cước phí bưu điện) vào trương mục Anna Le Duc.

Bạn đọc có điều kiện tài chính, xin trả 60 USD /năm.

# SKI ALPE D'HUEZ

**DU 09 MARS AU 16 MARS**

# 2500F

### COMPRENANT

- Transport en car avec vidéo/toilettes.
- Hébergement en bungalow \*\*\*.
- Pension complète.
- Forfait remontées mécaniques 6 jours.
- Assurance.

### EN OPTION

- Location Skis + Chaussures 350 F

### RENSEIGNEMENTS

- TEBÉ 42 72 72 90 (bureau)  
45 85 12 69 (le soir)
- JÉROME 42 72 85 24 (la journée)

### BULLETIN INSCRIPTION

NOM .....  
PRÉNOM .....  
DATE NAISSANCE .....  
TÉLÉPHONE .....  
ADRESSE .....

Pour participer aux activités de l'UJVF, il faut en être membre.

**Adhésion 1996 :**

- 85 F/étudiant, chômeurs
- 150 F/travailleurs.

### ATTENTION

Le nombre de places est limité, par conséquent envoyez vos inscriptions au plus vite avec :

- Le bulletin d'inscription rempli.
- Un chèque de 1000 F/r d'acompte.
- Un chèque d'adhésion UJVF pour les non-adhérents à l'ordre de l'UJVF.
- Une photo d'identité.

### A ENVOYER CHEZ :

M. NGUYEN Thai-Binh  
7 square Dunois ap' 1021  
75013 PARIS

NOTA : l'acompte n'est remboursé qu'en cas d'annulation du séjour par l'UJVF.

- Séjour SANS option location matériel  
Montant à régler : 2 500 F
- Séjour AVEC option location matériel  
Montant à régler : 2 850 F

nước cũng như ngoài nước) thường dùng dấu " mà không phân biệt ngoặc mở và ngoặc đóng. Chúng tôi cố gắng duy trì sự phân biệt đó, mặc dầu làm như vậy đòi hỏi thời giờ và công phu. Và khi sơ xuất, thì gây ra những sự cố như trong số tháng trước. Một lần nữa, Diễm Đan xin cáo lỗi cùng các tác giả và bạn đọc.

## SÁCH MỚI SÁCH MỚI

📖 **Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Lối xưa xe ngựa...**, biên khảo, nhà xuất bản An Tiêm, Paris 1995, 300 tr, 95 FF.

Tập hợp 10 bài biên khảo mà tác giả đã công bố những năm qua trên các tạp chí *Làng Văn, Văn Lang, Thế Kỷ 21, Văn Học*. Từ khoa cử triều Nguyễn, triều Hậu Lê... đến hai nhà văn mang nửa dòng máu Việt (Hồ Dzếnh và Kim Lefèvre...), tác giả muốn chia sẻ với bạn đọc sự say mê và tò mò của mình đối với một số khía cạnh văn hoá Việt Nam. Cũng như các cuốn sách khác của nhà xuất bản An Tiêm (30 năm hoạt động), *Lối xưa xe ngựa...* trình bày tao nhã, in đẹp. Nhiều minh hoạ có ghi rõ xuất xứ.

📖 **Lê Thị Thắm Vân, Mùa trắng...**, truyện, địa chỉ liên lạc : Trần Mạnh, POBox 360923, Milpitas, CA 95035, 1995, 204 tr, 10 USD.

Bạn đọc Diễm Đan đã làm quen với Lê Thị Thắm Vân qua tập truyện ngắn *Đôi bờ*, với nhận xét của Đặng Tiến : " *Tập truyện phản ánh đời sống người Việt trẻ tuổi tại Hoa Kỳ. Lời văn trong sáng, giản dị, giàu cảm xúc. Tác giả viết tự nhiên và chân thành, không theo thời thượng, nhưng có phong cách và nghệ thuật* ". *Mùa trắng...* là cuộc hành trình của Thu Nguyệt, từ một " *mái nhà thiếu vắng bóng dáng đàn ông* " vào trong cộng đồng Việt Nam và xã hội Mỹ, và chắc cũng là thử nghiệm truyện dài đầu tay của tác giả.

📖 **Hoàng Phê, Từ điển chính tả**, Nhà xuất bản Đà Nẵng & Trung tâm Từ điển học, Hà Nội & Đà Nẵng, 1995, 514 tr, giá đề bán ở Việt Nam 54 000đ, mua tại Pháp 105 F.

Đây là cuốn chính tả hoàn chỉnh, đầy đủ và dễ dùng nhất từ trước đến nay. Cùng với cuốn *Từ điển tiếng Việt* (Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ, Hà Nội 1992), cũng do Hoàng Phê chủ biên, nó là công cụ không thể không có cho tất cả những ai viết và in tiếng Việt.

### DIỄM ĐÀN FORUM

*Chủ nhiệm:* Hà Dương Tường

*Tổng biên tập:* Trần Hải Hạc

*Ban chủ biên:* Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường,

*Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:*

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Vân

## Giá biểu quảng cáo và rao vặt

**Rao vặt :** từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

**Quảng cáo :**  
1/8 trang : 180 F  
1/4 trang : 300 F  
1/2 trang : 550 F  
1 trang : 1000 F

(giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %)

**Đăng liên tiếp nhiều số báo**

lần thứ hai : bớt 10 %  
từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

**Chứng từ đăng tải :** sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

## Phiếu mua báo Diễm Đan

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....Điện thoại : .....

mua một năm báo Diễm Đan kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo ( Pháp nội địa : 250 FF, châu

Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Bắc Mỹ** (Hoa Kỳ & Canada) xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xcm trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : 300 000 zloti / năm, sec đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa, 1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trường mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trường mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễm Đan*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

# Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

## Nghe thấy tại kỳ họp quốc hội

– **Đất đai.** Trong chương trình làm việc của kỳ họp quốc hội tháng 10 vừa qua, điểm nóng bỏng và gay gắt nhất là pháp lệnh 14.10.1994 của ủy ban thường vụ quốc hội và nghị định 18 của chính phủ theo đó các tổ chức kinh tế chỉ được thuê đất chứ không được nhà nước giao đất như trước đây (xem Diễn Đàn tháng 5.95). Theo ông Vũ Mão, trưởng đoàn thư ký quốc hội, có tranh chấp giữa lập trường của chính phủ yêu cầu ủy ban thường vụ quốc hội sửa đổi pháp lệnh 14.10 và lập trường của ủy ban thường vụ quốc hội cho rằng chính phủ chỉ cần sửa đổi nghị định 18. Những cuộc họp giữa Ban cán sự đảng của chính phủ và Đảng đoàn của quốc hội đã không đưa đến kết quả. Cuối cùng, chủ tịch quốc hội Nông Đức Mạnh đã phải tuyên bố dời cuộc tranh luận này sang kỳ họp sau của quốc hội ...

– **Đê điều.** Trong việc truy cứu trách nhiệm những vi phạm luật đê điều ở Hà Nội (xem Diễn Đàn tháng 4 và 5.95), thủ tướng Võ Văn Kiệt cho biết Ban cán sự đảng của chính phủ có đề ra những mức kỷ luật đối với bộ trưởng thủy lợi Nguyễn Cảnh Dinh, thứ trưởng Trần Nhơn, chủ tịch ủy ban nhân dân Hà Nội Lê Ất Hợi, phó chủ tịch Lê Sinh Tặng, đồng thời đã triệu hồi đại sứ Trương Tùng về nước để kiểm điểm. Mặc dù vậy, trong thành phần chính phủ mới mà quốc hội đã thông qua, người ta vẫn thấy xuất hiện tên ông Nguyễn Cảnh Dinh ở chức vụ bộ trưởng chủ tịch ủy ban sông Mêkông và trưởng ban phòng chống bão lụt !

Cũng như, trong những thứ trưởng bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn vừa được bổ nhiệm lại vẫn còn tên của ông Nguyễn Thiện Luân là người trách nhiệm chính trong một vụ mất cắp 51,8 tấn bột ngọt mà công luận chờ đợi nhà nước xử lý từ nhiều năm nay.

– **Xi măng.** Theo kết luận của cơ quan cảnh sát điều tra, cơn sốt xi măng cuối tháng 4, đầu tháng 5 vừa qua (xem Diễn Đàn tháng 6.95) không hoàn toàn do những nhân tố khách quan về sản xuất hay nhập khẩu xi măng, mà còn do hoạt động đầu cơ của chính cơ quan có chức năng điều phối trong cả nước là Tổng công ty xi măng Việt Nam. Thủ tướng Võ Văn Kiệt cho biết, chịu trách nhiệm về cơn sốt xi măng trước hết là tổng giám đốc, phó tổng giám đốc của tổng công ty và các giám đốc tiêu thụ của các công ty Hoàng Thạch, Bỉm Sơn, Hà Tiên : sau khi làm rõ trách nhiệm cá nhân, chính phủ sẽ đưa họ ra truy tố trước pháp luật. Ngoài ra, các bộ trưởng xây dựng, bộ trưởng thương mại và trưởng ban vật giá chính phủ cũng phải chịu trách nhiệm về những thiếu sót trong công tác quản lý nhà nước : chính phủ để cho họ tự nhận hình thức kỷ luật thích hợp (?).

Thủ tướng còn kết luận : nguyên nhân chính của vụ đột biến giá xi măng là sự độc quyền của Tổng công ty xi măng,

cho nên dù tổng công ty có đủ điều kiện ổn định thị trường nhưng lại tạo điều kiện cho những cán bộ lãnh đạo cố ý làm trái để mưu lợi riêng.

– **Ngân sách.** Trong 5 năm trở lại đây, theo bộ trưởng Đỗ Quốc Sam (chủ nhiệm ủy ban kế hoạch nhà nước), nhà nước đã giảm mức bội chi ngân sách từ 8 % tổng sản phẩm quốc nội (GDP) xuống còn 4 %, và dự kiến giữ nó ở mức 3 % GDP trong năm 1996 (9 200 tỷ đồng). Trong bối cảnh đó, ông Sam cho rằng : thực trạng ngân sách không đến nỗi quá lo ngại.

– **Y tế.** Bộ trưởng Nguyễn Trọng Nhân cho biết kinh phí y tế cho một người dân năm 1989 là bao nhiêu thì năm 1995 và 1996 vẫn giữ nguyên như vậy : con số này của Việt Nam là 0,83 đô la/người trong khi ở Lào là 3,03 đô la/người và ở Thái Lan là 13,84 đô la/người.

Theo bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Phượng (đại biểu Thành phố Hồ Chí Minh), kinh phí ngành y năm 1994 bằng 4,5 % tổng chi ngân sách nhà nước, năm 1995 bằng 3,6 % và theo kế hoạch năm 1996 chỉ bằng 3,4 %. Bà cho biết một ca trực của bác sĩ được nhà nước trả 3 000 đồng (một ca phẫu thuật lớn là 5 000 đồng, bằng một bát cháo tim gan) còn một đêm thức trắng của y tá cũng chỉ là 2 000 đồng .

– **Giáo dục.** Năm 1996, kinh phí dự kiến dành cho giáo dục và đào tạo là 7 100 tỷ đồng, tăng 13 % so với năm vừa qua. Song thực trạng ngành giáo dục theo ông Mai Thúc Lâm (đại biểu Quảng Nam-Đà Nẵng) là : ở nhiều nơi, người dân không đủ tiền cho con em đi học ; ở cấp thấp, người dân phải đối phó với tệ dạy thêm ; ở cấp cao, có hiện tượng mua bằng, bỏ tiền ra cho người thi thuê và làm thuê luận án phó tiến sĩ.

– **Bộ máy nhà nước.** Theo bà Trần Thị Kim Vân (đại biểu Sông Bé) và ông Đỗ Hoàng Hải (đại biểu Thành phố Hồ Chí Minh), chính phủ đã giảm được 5 bộ, song biên chế của bộ máy nhà nước đồng thời đã tăng 120 000 người. Quĩ tiền lương đã tăng gấp ba, mặc dù đời sống cán bộ vẫn khó khăn.

Ông Nguyễn Thanh Phong (đại biểu Đồng Nai) dẫn chứng : Thu nhập của một cán bộ khoa học kỹ thuật hiện nay cao lắm là 400 nghìn đồng/tháng, kém xa một người bán vé số hay giữ xe đạp mà thu nhập bình quân hơn 1 triệu đồng/tháng. Được hỏi về vấn đề này, thủ tướng Võ Văn Kiệt trả lời : Ai cũng thấy rằng nên trả lương đầy đủ để các công nhân viên làm hết sức mình ; nhưng không phải đồng lương thấp là nguyên nhân làm hư hỏng con người và dẫn đến tham nhũng (?).

– **Chống tham nhũng.** Ông Trần Chu Toàn (đại biểu Gia Lai) kiến nghị quốc hội có nghị quyết ngay để kiểm kê tài sản của các quan chức. Trả lời của thủ tướng Võ Văn Kiệt : Việc đó không đơn giản. Kiểm kê tài sản bất minh của những người liên quan đến tham nhũng thì đơn giản thôi, nhưng nếu tất cả các cán bộ, công chức đều phải kiểm kê tài sản thì rất phức tạp ; những người sống chân chính, làm ăn chân chính mà khá lên là rất chính đáng, không nên lẫn lộn giữa hai loại này. Vấn đề nghe thì hay, nhưng rất phức tạp (?).

– **Tư pháp.** Theo ông Lê Thanh Đạo, viện trưởng kiểm sát nhân dân tối cao, trên số 178 267 vụ án dân sự, chỉ mới có 54 567 vụ được thi hành xong, 61 994 vụ đang thi hành dở dang, 61 706 chưa thi hành. Ông Đạo còn cho biết có tới

7 283 người phạm tội có án tù nhưng vẫn ở ngoài trại giam. Trong khi đó có khá nhiều người đang bị giam giữ lại bị oan sai : qua kiểm tra ở một trại giam, có tới 50 % người bị giam không có bản án !

– **Đầu tư nước ngoài.** Nước ngoài có chán nản trong việc đầu tư vào Việt nam không ? Trả lời chất vấn của một đại biểu, bộ trưởng Đậu Ngọc Xuân cho biết : trước năm 1994, đầu tư nước ngoài tăng hằng năm 40 %, nhưng năm 1995 tăng hơn 80 %. Tuy nhiên, ông Xuân thừa nhận các nhà đầu tư nước ngoài phàn nàn không ít về : sự lạc hậu của cơ sở hạ tầng, mức độ rủi ro còn quá cao, nạn tham nhũng, chế độ thuế khoá và thủ tục không rõ ràng ; chính phủ đã qui định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải hoàn tất trong vòng 30 ngày, nhưng chỉ có 10 % trường hợp thực hiện được thời hạn đó.

– **Cải cách hành chính.** Năm 1995, chính phủ đặt nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính là khâu đột phá của công cuộc cải cách hành chính. Phó thủ tướng Nguyễn Khánh phải công nhận : Việc thi hành thủ tục hành chính mới còn chậm và chưa nghiêm chỉnh. Người dân khi có việc đến cơ quan nhà nước vẫn phải chầu chực, chờ đợi, nhiều khi phải cầu cạnh. Tệ của quyền, sách nhiễu, gây phiền hà chưa giảm được là bao.

Được hỏi về ý kiến bổ nhiệm những người ngoài đảng cộng sản vào chính phủ, thủ tướng Võ Văn Kiệt trả lời : Theo chính phủ thì đây là một đề xuất hợp lý nhất. Nhưng việc này còn tùy thuộc vào đại hội đảng sắp tới...

– **Đổi mới.** Theo phó thủ tướng Phan Văn Khải phân tích, thời gian qua do tình thế hiểm nghèo của đất nước bắt buộc nên dễ tạo ra sự nhất trí tiến hành đổi mới. Giờ đây, những thành tựu đổi mới đã đạt được dễ gây tâm lý chủ quan, nhất là khi sức ép của tình hình cũng không gay gắt như khi nền kinh tế còn khủng hoảng trầm trọng. Bên cạnh đó những thiếu sót, sơ hở khi chuyển sang nền kinh tế thị trường đã tạo cơ hội cho một số hiện tượng tiêu cực phát sinh hoặc diễn ra trầm trọng hơn. Những nhân tố đó làm giảm sự thúc ép và làm tăng sự do dự đối với công cuộc đổi mới. (ghi lại theo các báo Lao Động, Tuổi Trẻ và Phụ Nữ TPHCM – miễn bình !)

## **Bảo vệ trẻ em**

Mười tám nước Đông Á - Thái Bình Dương đã cam kết đặt vấn đề bảo vệ trẻ em lên hàng đầu trong những chính sách ưu tiên của mình, sau một hội nghị do UNICEF tổ chức tại Hà Nội ngày 17.11.1995. Cụ thể là tăng ngân sách y tế, (xem mục Y tế trong đoạn tin về quốc hội !) giáo dục và tăng cường chống nạn ngược đãi trẻ em. Theo bà Carol Bellamy, giám đốc chấp hành UNICEF, hầu hết các nước trong vùng đã giải quyết được nạn trẻ sơ sinh chết yểu, đưa tỷ lệ tử vong trẻ dưới 5 tuổi xuống còn 56/1 000, bằng phân nửa con số trung bình của các nước đang phát triển. Tuy nhiên, theo bà, trước những thay đổi xã hội với tốc độ lớn, vấn đề bảo vệ trẻ em đang trở thành những thách thức phải được cấp bách đối phó. Theo một quan chức Philippin, cần đầu tư nhiều mới chống trả được nạn cưỡng bức trẻ em lao động hoặc bán dâm. Bản tuyên bố của hội nghị đặt mục tiêu sử dụng 20 % ngân sách và tiền viện trợ vào các chương trình phát triển xã hội.

Ở Việt Nam, tệ nạn cưỡng hiếp trẻ em tăng nhanh, chủ yếu ở các vùng nông thôn hẻo lánh, là một nhức nhối tới mức chính phủ đang phải đặt ra một chương trình liên bộ để đề ra các giải pháp bảo vệ nạn nhân và trừng trị tội phạm. Theo luật hình sự, tội này có thể đưa tới án tử hình nhưng các toà án thường chỉ kết án dưới 7 năm tù. Một chuyên viên của Uỷ ban quốc gia bảo vệ trẻ em, bà Đỗ Ngọc Phượng, vừa lên tiếng đòi hỏi toà án phải nghiêm khắc hơn. Thống kê của công an cho biết, trong hai năm qua tỉ lệ trẻ em là nạn nhân của những vụ cưỡng dâm đã tăng từ 14,6 % năm 1993 lên 30 % từ đầu năm nay. Theo báo Thanh Niên, riêng ở tỉnh Đồng Tháp tỉ lệ này lên tới hơn 60 % trong 7 tháng đầu năm nay.

Mặt khác, công an thành phố HCM cũng vừa khám phá một mạng lưới buôn trẻ sơ sinh bán cho người nước ngoài. Sáu người dính líu đã bị bắt giữ. (AFP 31.10, 1 và 17.11.1995)

## **Thông qua bộ luật dân sự**

Sau 8 tháng thu thập ý kiến và thảo luận 3 kỳ họp liên tiếp, cuối tháng 10 vừa qua, quốc hội đã thông qua bộ luật dân sự gồm 838 điều và có hiệu lực từ ngày 1.7 1996. Bộ luật chế định một lãnh vực quan hệ xã hội rộng lớn bao gồm hợp đồng dân sự, hôn nhân và gia đình, nhà ở, quyền sử dụng đất đai, thừa kế, tác quyền, sở hữu công nghiệp, chuyển giao công nghệ...

Bản dự thảo luật đã được sửa đổi và bổ sung cả thảy 400 điều, tuy nhiên trên hai vấn đề quan trọng có nhiều ý kiến phản đối, ban dự luật đã từ chối chỉnh lý : 1. Trong các chủ thể của quan hệ dân sự, ngoài cá nhân và pháp nhân, bộ luật đưa vào hai thành phần khác là hộ gia đình và tổ hợp tác ; 2. Trong các hình thức sở hữu, bộ luật đưa vào phạm trù sở hữu các tổ chức chính trị-xã hội, bao gồm đảng cộng sản và các đoàn thể thuộc hệ thống chính trị, nhưng gạt ra ngoài các tổ chức tôn giáo và phi chính quyền (xem Diễn Đàn tháng 4.95). Ngoài ra, không ít điều trong bộ luật có những nội dung không chính, lẫn lộn công pháp và tư pháp (như khi không phân biệt pháp nhân “ công quyền ” và “ phi công quyền ”) hoặc những nội dung bấp bênh, không làm cho người dân an tâm về mặt pháp lý (như khi xác định nội dung quyền tự do cư trú “ theo qui định của nhà nước ”).

Mặc dù có những thiếu sót, giới hạn, song sự ra đời của bộ luật dân sự, bản thân nó, là một bước tiến đáng kể trong quá trình hình thành xã hội dân sự và nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Đặc biệt, bộ luật dân sự xác định nội dung của quyền sở hữu, có nghĩa là sự an toàn về dân sự của quan hệ nền tảng trong một nền kinh tế thị trường được pháp điển hóa. (Phụ Nữ TPHCM 25.10 và Tuổi Trẻ 14.11.95).

## **Thiên tai : 300 người chết và mất tích trong một tháng**

Theo một báo cáo chính thức nhưng chưa đầy đủ, từ đầu tháng 10 đến đầu tháng 11, lũ ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và bão ở các tỉnh miền Trung đã làm cho 253 người thiệt mạng, 46 người mất tích và 300 người bị thương, đồng thời đã gây những thiệt hại về hạ tầng cơ sở và sản lượng nông nghiệp ước tính là 90 triệu đô la.

Ở miền Trung, ba cơn bão liên tiếp đã làm cho 137 người chết, 49 người mất tích, 199 người bị thương và nhiều thiệt hại vật chất nặng nề tại các tỉnh Quảng Bình (hơn 70 tỷ đồng), Thừa Thiên-Huế (hơn 66 tỷ đồng), Quảng Nam-Đà Nẵng (hơn 55 tỷ đồng), Quảng Ngãi (hơn 70 tỷ đồng) và Bình Định (hơn 50 tỷ đồng).

Trước đó, ở đồng bằng sông Cửu Long, 116 người đã thiệt mạng và 101 người bị thương (thiệt hại vật chất lên đến hơn 280 tỷ đồng) do lũ lụt tại các tỉnh Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang và Kiên Giang. (AFP 15.11.95 và theo các báo trong nước)

## **Canada và Việt Nam ký hiệp định thương mại**

Qua một hiệp định thương mại, Canada và Việt Nam đã quyết định dành cho nhau quy chế tối huệ quốc, nhằm tăng cường trao đổi buôn bán giữa hai nước. Hiệp định được ký kết ngày 13.11 tại Hà Nội, giữa bộ trưởng thương mại Lê Văn Tríết và ngoại trưởng Canada André Ouellet, trong chuyến đi thăm Việt Nam của ông này. Theo ông Ouellet, kim ngạch trao đổi buôn bán giữa hai nước hiện nay, ở mức 60 triệu đôla Canada (43 triệu đôla Mỹ), là quá thấp so với khả năng của hai bên. Cùng trong một buổi lễ, ông Ouellet cũng đã ký với bộ trưởng tài chính Hồ Tế hai nghị định thư qua đó Canada hứa giúp Việt Nam 20 triệu đôla Canada trong lĩnh vực quản lý tài chính (10 triệu) và môi trường (10 triệu). Trong một cuộc gặp các nhà báo, ông Ouellet cho biết ông đã nêu lên các vấn đề nhân quyền trong buổi hội đàm với ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm, và đã đưa ra một số trường hợp cụ thể. Nhưng ông không chịu nói rõ thêm với nhà báo. Ngoại trưởng Ouellet cũng cho biết Canada sẽ hỗ trợ Việt Nam trong việc đăng cai tổ chức hội nghị thượng đỉnh Francophonie (các nước sử dụng tiếng Pháp) năm 1997. Việc này sẽ được quyết định trong hội nghị thượng đỉnh Francophonie sắp họp vào tháng 12 này.

Sau ngày làm việc ở Hà Nội, kết thúc bằng một cuộc hội đàm với thủ tướng Võ Văn Kiệt, ông Ouellet đã bay vào thành phố Hồ Chí Minh sáng thứ ba 14.11 để khánh thành tổng lãnh sự Canada tại thành phố, trước khi rời Việt Nam sang Osaka dự hội nghị ngoại trưởng các nước thuộc Diễn đàn kinh tế các nước châu Á - Thái Bình Dương APEC. (AFP 8, 13 và 14.11.1995)

## **Thủ tướng Tân Tây Lan thăm Việt Nam**

Từ Osaka, sau hội nghị APEC ngày 16-17.11, thủ tướng Tân Tây Lan Jim Bolger đã tới Hà Nội ngày 20.11, mở đầu chuyến đi thăm chính thức đầu tiên của một thủ tướng Tân Tây Lan tại Việt Nam. Năm ngoái, Tân Tây Lan đã tiếp tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam Đỗ Mười, và trước đó, vào tháng 5.1993, đã tiếp thủ tướng Võ Văn Kiệt.

Trong ba ngày tại Việt Nam, ông Bolger đã gặp gỡ chủ tịch Lê Đức Anh, tổng bí thư Đỗ Mười và thủ tướng Võ Văn Kiệt, hội đàm với ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm, với chủ đề chính là các quan hệ kinh tế giữa hai nước. Kim ngạch thương mại Tân Tây Lan - Việt Nam từ 2,5 triệu đôla Tân Tây Lan năm 1991 đã tăng lên tới 40 triệu (22,5 triệu đôla

Mỹ) năm 1994. Ông Bolger nhấn mạnh, chính sách ngoại giao của Tân Tây Lan là dứt khoát gắn chặt với Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Ông đã thông báo với ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm là, theo ông, Việt Nam sẽ được công nhận làm thành viên của APEC vào năm tới, sau thời hạn 3 năm không kết nạp hội viên mới mà tổ chức này đã tự đặt ra vào năm 1993.

Ông Bolger cũng đã khánh thành toà đại sứ Tân Tây Lan đầu tiên tại Hà Nội ngày 21.11, và một toà lãnh sự tại thành phố HCM ngày hôm sau. (AFP 20, 21.11.1995)

## **Helmut Kohl : tăng cường sự hiện diện của Đức ở Việt Nam**

Thủ tướng Đức Helmut Kohl đã mang theo một phái đoàn quan trọng bao gồm bộ trưởng kinh tế Gunter Rexrodt và 45 nhà kinh doanh đại diện cho những tập đoàn lớn của Đức như Daimler, Siemens, Thyssen, Krupp, Hoechst v.v... trong chuyến đi thăm Việt Nam lần đầu tiên của một thủ tướng cường quốc này, vào những ngày 16-19.11 vừa qua. Chuyến đi nằm trong nỗ lực tăng cường sự hiện diện kinh tế và thương mại của Đức ở châu Á, sau năm năm đã tập trung sức giải quyết những vấn đề đặt ra với việc thống nhất đất nước, và sau khi đạt thoả thuận với Hà Nội về việc đưa 40 ngàn người Việt về nước (xem Diễn Đàn các số 41, 43 và 45). Năm ngoái, Đức cũng đã ký với Việt Nam một hiệp định hoãn nợ hơn 100 triệu đôla, với nhiều điều kiện rất ưu đãi cho Hà Nội. Việt Nam là nước châu Á có nhiều người nói tiếng Đức nhất, với hàng chục ngàn người từng được đào tạo kỹ thuật ở nhiều cấp tại Đông Đức trước kia, nhưng cho tới nay các nhà doanh nghiệp Đức mới chỉ ngấp nghé đặt chân tới. Tuy là nước thứ ba viện trợ nhiều nhất cho Việt Nam, và là bạn hàng thứ năm của Việt Nam, với kim ngạch xuất khẩu 240 triệu Đức Mã (chủ yếu là máy móc), và nhập khẩu 670 triệu các mặt hàng vải vóc, giày và cà phê trong năm qua, Đức chỉ đứng thứ 23 trong các nước có đầu tư vào Việt Nam với không tới 50 triệu đôla.

Thủ tướng Helmut Kohl đã khẳng định nội dung hướng về kinh tế trong chuyến đi của mình trong những cuộc hội đàm với các nhà lãnh đạo Việt Nam cũng như trong các tuyên bố với báo chí. Ông kêu gọi Việt Nam “*kiên trì trong đường lối đổi mới kinh tế*”, tuyên bố sẵn sàng “*đưa những kinh nghiệm phát triển kinh tế thị trường của mình*” để giúp Việt Nam, và cho rằng, về vấn đề nhân quyền, “*khi một nước mở cửa, gửi nhiều thanh niên đi học hỏi ở nước ngoài, thì cũng có nhiều triển vọng để nhân quyền được tôn trọng*”.

Về hiệp định đưa người trở về, thủ tướng Kohl thừa nhận rằng có những khó khăn trong việc thực hiện, “*cả từ phía Việt Nam và phía Đức*”, khiến cho mục tiêu của năm nay (đưa 2 500 người về) sẽ không đạt được. Nhưng ông nhấn mạnh rằng hiệp định phải được tôn trọng, và con số không đạt của năm nay sẽ được đưa vào kế hoạch năm tới.

Trong ngày đầu tới Hà Nội, ông Kohl đã dự lễ ký kết 4 thoả thuận Đức - Việt, về các vấn đề tránh đóng thuế hai lần, về viện trợ của Đức cho Việt Nam năm nay (100 triệu DM), về hợp tác trong lĩnh vực truyền thông, và về việc thiết

lập một diễn đàn thường xuyên giữa hai nước. Ông cũng đã nói chuyện với gần 3 000 sinh viên trường đại học Bách Khoa Hà Nội, dự lễ đặt viên đá đầu tiên cho nhà máy lắp ráp xe Mercedes tại thành phố HCM, và thúc đẩy phía Việt Nam mau xúc tiến việc mở viện tiếng Đức Goethe tại Hà Nội v.v... (AFP 13-19.11.1995)

## McNamara gặp Võ Nguyên Giáp

Nguyên bộ trưởng quốc phòng Mỹ những năm 1961-68, Robert McNamara, người vừa viết sách thừa nhận những sai lầm trong chính sách chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam (xem Diễn Đàn số tháng 5.1995), đã đến Hà Nội trong ba ngày 7-9 tháng 11 năm nay. Mục tiêu của chuyến đi này, theo ông

McNamara, là thuyết phục các nhà lãnh đạo Việt Nam cùng mở một hội nghị lịch sử Việt - Mỹ về cuộc chiến tranh vừa qua. Phía Mỹ, người đứng ra tổ chức sẽ là Hội đồng các quan hệ đối ngoại (Council for Foreign Relations - CFR), một tổ chức tư nhân tại Nữu Ước mà một số quan chức, sử gia đã cùng đi với ông McNamara tới Hà Nội lần này. Phía Việt Nam, sau các cuộc gặp của ông McNamara với một số nhà lãnh đạo đang tại chức hoặc đã về hưu như ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm, thủ tướng Trần Quang Co, cựu ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch, cựu bộ trưởng quốc phòng Võ Nguyên Giáp..., tỏ ra đã đồng ý về nguyên tắc sẽ tham gia hội nghị. Ông Đào Huy Ngọc, viện trưởng Viện quan hệ quốc tế, đã cùng họp báo với cựu bộ trưởng quốc phòng Mỹ ngày

## Quyền con người trong bộ Luật dân sự

“ Phát huy dân chủ, bảo đảm công bằng xã hội, bảo đảm quyền con người ” về dân sự là mục tiêu đầu tiên được khẳng định trong lời nói đầu bộ Luật dân sự được quốc hội thông qua trong tuần qua. Có thể nói trong chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đây là lần đầu tiên “ vai trò cá nhân và các quyền về nhân thân ” được pháp điển hóa trong một bộ luật khá đồ sộ : 7 phần, 33 chương, 54 mục với 834 điều.

Cuộc tranh luận đầu tiên nổ ra ở quốc hội khi thông qua bộ luật này là cuộc tranh luận về một chi tiết có liên quan đến thân nhân. Điều 31 của bộ luật qui định : “ việc mổ tử thi chỉ được thực hiện khi đã có sự đồng ý của người quá cố, sự đồng ý này phải được thể hiện rõ ràng trước khi người đó chết ” (trong trường hợp không có ý kiến của người quá cố thì phải có sự đồng ý của những người thân nhân). Điều này có vẻ như xảy ra rất hiếm hoi trong thực tế nên giáo sư Hoàng Đình Cầu (đại biểu Hà Tây) đề nghị không cần ghi vào. Tuy nhiên bộ trưởng tư pháp Nguyễn Đình Lộc đề nghị phải giữ nguyên, không những vì thực tế những người hiến thi thể cho y học bắt đầu có ở nước ta và đã khá phổ biến trên thế giới, mà còn vì “ điều này nói trước hết đến quyền nhân thân cho nên phải thể hiện được ý chí của người đó, thể hiện quyền của người đó với thân thể của mình ”. Một đa số biểu quyết ủng hộ ý kiến của bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc.

Chính vì tầm quan trọng của nó mà tại điều 26 mục 2 qui định rất rõ ràng : khi quyền nhân thân của một cá nhân bị xâm phạm thì người đó có quyền yêu cầu người vi phạm hoặc tòa án buộc người vi phạm “ chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai ; tự mình cải chính trên các phương tiện thông tin đại chúng ”. Và việc bồi thường phải được thực hiện không chỉ đối với các “ thiệt hại về vật chất ” mà cả với “ những thiệt hại về tinh thần ”.

Quyền bất khả xâm phạm gia cư, quyền thay đổi họ tên ... cũng đã được xác lập rõ ràng trong bộ luật này. Và để bảo vệ uy tín, danh dự và nhân phẩm cho con người, bộ luật đã tính đến những tình huống đôi khi xảy ra rất oái oăm : “ cá nhân chỉ bị coi là bệnh tâm thần trên cơ sở kết

l luận của tổ chức giám định có thẩm quyền ”. Trên thực tế có những cá nhân đã từng bị xúc phạm nặng nề chỉ vì các thể lực trù dập vu họ mắc bệnh tâm thần.

Điều 33 của bộ luật cũng đã khẳng định quyền con người đối với đời tư của mình : “ việc thu thập, công bố thông tin, tư liệu về đời tư của cá nhân phải được người đó đồng ý hoặc thân nhân của người đó đồng ý, nếu người đó đã chết ”. Điều 30 của bộ luật cũng đã xác lập quyền của cá nhân đối với hình ảnh của mình : “ việc sử dụng hình ảnh của cá nhân phải được người đó đồng ý hoặc thân nhân của người đó đồng ý nếu người đó đã chết ”. Tất nhiên quyền này không áp dụng trong trường hợp ảnh của cá nhân được chụp nơi công cộng, khi biểu diễn nghệ thuật ... mà Luật báo chí đã ghi.

Cũng trong bộ luật này, các quyền con người quan trọng : tự do tín ngưỡng, tự do đi lại, cư trú ... cũng đã được qui định chi tiết hơn : “ việc đi lại, lựa chọn nơi cư trú là do cá nhân quyết định cho phù hợp với nhu cầu, khả năng, hoàn cảnh của mình ”. Quyền này chỉ có thể bị hạn chế bởi tòa án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật qui định. (...)

Trên cơ sở bảo đảm các quyền con người về dân sự mà bộ luật này đã xác lập các nguyên tắc : bình đẳng, thiện chí, trung thực, “ không bên nào được lừa dối bên nào ”. Theo đại biểu Trần Du Lịch (TPHCM) thì đây là một nguyên tắc rất quan trọng của bộ Luật dân sự. Có nghĩa là một người, “ khi mà họ được suy đoán thì phải theo hướng ngay tình, ngay thẳng ” ; khi nói họ không ngay thẳng thì phải có chứng cứ. Quốc hội đã đồng ý với ý kiến này và qui định trong luật : “ nếu một bên cho rằng bên kia không trung thực thì phải có bằng cứ ”.

Nhưng điều quan trọng hơn, trong giao lưu dân sự, các bên hoàn toàn tự nguyện, không bên nào được áp đặt, đe dọa. Và không ai được “ hình sự hóa ” các tranh chấp dân sự : “ cấm dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong việc giải quyết các tranh chấp dân sự ”. Những chuẩn mực pháp lý mới này rõ ràng sẽ đóng một vai trò quan trọng làm văn minh hóa, lành mạnh hóa các quan hệ xã hội của xã hội Việt Nam ngày nay. (Huy Đức - Lê Thọ Bình, Tuổi Trẻ chủ nhật 29.10.95)

9.11, cho biết Việt Nam muốn hội nghị họp tại Hà Nội vào mùa thu năm tới. Mục đích chính của hội nghị, theo ông McNamara, là tìm hiểu “ *những lý do đã dẫn tới cuộc chiến, và tại sao những cơ hội chấm dứt nó sớm hơn đã không được thực hiện, cùng những bài học có thể rút ra từ cuộc chiến* ”.

Cuộc gặp giữa hai cựu bộ trưởng quốc phòng Mỹ-Việt đã kéo dài một giờ đồng hồ ngày 9.11, không có mặt của báo chí. Ông McNamara cho biết, ông đã muốn biết “ *Điều gì đã thực sự xảy ra trong những ngày 2-4.8.1964* ” (mở đầu cho cuộc lên thang của Mỹ vào cuộc chiến). Tướng Giáp đã trả lời : “ *Ngày 2.8, tàu Maddox đã xâm phạm lãnh hải Việt Nam và một đơn vị hải quân Việt Nam đã bắn vào nó. Còn ngày 4.8 thì chẳng có gì xảy ra* ”. (AFP và Reuter 7-10.11.1995)

## Hai nhà khoa học Việt kiều

Viện hàn lâm khoa học Pháp vừa bầu giáo sư Bùi Huy Đường, chuyên gia về những vấn đề rạn gãy (fracture) trong cơ học chất rắn, làm viện sĩ chính thức (tiểu ban Cơ học và toán học ứng dụng). Ông Đường đã là viện sĩ thông tấn của hàn lâm viện từ nhiều năm nay. Ngoài ra, Trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học Pháp (CNRS) đã trao tặng huy chương bạc năm nay trong ngành khoa học của kỹ sư cho giáo sư Đặng Văn Kỳ, giám đốc nghiên cứu CNRS. Cả hai giáo sư Bùi Huy Đường và Đặng Văn Kỳ đều làm việc trong Phòng thí nghiệm Cơ học chất rắn của trường Bách Khoa (Ecole Polytechnique) Paris.

## Tin ngắn

• Tiếp theo cuộc họp ngày 14.10 tại TPHCM của các quan chức phụ trách chuẩn bị hội nghị các thủ tướng ASEAN cuối năm nay, Việt Nam lại tiếp đón một hội nghị của các

trách nhiệm thuế quan ASEAN, vào ngày 27-28.11 tại Hà Nội. Cuộc họp sẽ thảo luận về các biện pháp cắt giảm thuế giữa các nước trong hiệp hội.

• Việt Nam và Trung Quốc đã tiến hành tại Hà Nội từ ngày 13 đến 15.11.1995 đợt thương lượng đầu tiên, ở cấp chuyên viên, về những tranh chấp trên biển. Hai bên đã đồng ý sẽ dựa trên luật quốc tế, kể cả công ước Liên hiệp quốc năm 1982 về Luật biển, để tìm kiếm những giải pháp “ có bản và lâu dài ”.

• Tổng thống Togo Gnassingbe Eyadéma là tổng thống Togo đầu tiên đã tới thăm Việt Nam, đầu tháng 11 vừa qua, dù hai nước đã thiết lập quan hệ ngoại giao từ năm 1975. Hai bên đã ký một hiệp định hợp tác trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi, thương mại và giáo dục.

• Hai người Mỹ gốc Việt, các ông Trần Quang Liêm và Nguyễn Tấn Trí, bị bắt giữ tại Việt Nam từ tháng 11.1993 vì liên quan tới “ vụ Stephen Young - Nguyễn Đình Huy ”, bị kết án 4 và 7 năm tù ngày 12.8.1995 (xem Diễn Đàn số 44), vừa được trả tự do và trực xuất về Mỹ.

• Trong phiên toà phúc thẩm xử các nhà sư Thích Không Tánh, Thích Nhất Bản và cư sĩ Nhật Thường, bị buộc tội “ *phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc* ” khi họ tổ chức một đoàn cứu trợ nạn nhân trận lụt ở đồng bằng sông Cửu Long năm 1994, toà án tối cao thành phố HCM đã tuyên bố y án cũ : các đại đức Không Tánh bị 5 năm tù, Nhất Bản bị 4 năm và cư sĩ Nhật Thường bị 3 năm.

• Một chiến dịch phòng chống bệnh Sida đã diễn ra trong cả nước suốt tháng 11, trên tất cả các phương tiện truyền thông. Theo một người phát ngôn của Ủy ban quốc gia chống Sida, cho tới nay có 3 241 trường hợp bị nhiễm HIV (vi khuẩn bệnh) trong 38 tỉnh (cả nước có 53 tỉnh), 293 người đã phát bệnh và 134 người chết.

## Giáo dục

### Giá như nhiều người xấu hổ !

Nếu sự xấu hổ làm phát sinh sự quan tâm đến người khác, không chỉ vì lợi ích cá nhân, thì thật tình tôi mong xã hội ngày càng nhiều người biết xấu hổ !

Tôi cũng đã từng xấu hổ. Bởi đang học một lớp đại học tại chức, và đã vài lần vi phạm qui chế thi cử. Thật tình mà nói, ở tuổi 40, việc học đối với tôi thật khó – đã lâu thuộc, lại chóng quên ! Vừa học, vừa làm, tôi không muốn xao lãng việc cơ quan, lại cũng muốn học không quá tẻ, nên tôi đã có nhiều cố gắng.

Ngoài chuyện cố gắng học, tôi còn phải đấu tranh tư tưởng để đừng “ quay cốp ” ở phòng thi, như một vài trường hợp ! Song, điều mong muốn của tôi về một cuộc thi nghiêm túc, đã được đáp lại : “ Xem ai chết cho biết ? ”. Rồi cụ thể hơn, lớp tôi như được bật đèn xanh – tình trạng quay cốp từ “ bí mật ” chuyển sang “ công khai ”; từ số ít người làm, đến cả lớp (tất nhiên có tôi !). Lần đầu tôi quay, tuy không hề lén lút, tôi vẫn tự trấn an “ đi với bụi ...”. Bây giờ, gần đến kỳ thi chuyển giai đoạn II, tôi thật sự lo lắng vì đã quen “ đèn xanh ”, đâm ra sợ “ đèn đỏ ”!

Tôi đã trực tiếp phản ánh với thầy thuộc một trường đại

học ở Thành phố Hồ Chí Minh (nơi kết hợp đào tạo). Tức thì tôi gặp ngay làn sóng xăm xì ... Bạn chung lớp cho rằng tôi sẽ là nguyên nhân làm cho các thầy ở Cần Thơ bực mình và “ siết ” lại, thế là “ ai chết cho biết ! ”. Điều tôi đã biết trước.

Nhưng, tôi không thể không nói lên tâm trạng băn khoăn, lo lắng của mình. Bởi học tại chức thì mỗi học phần chỉ có thể lên lớp khoảng 50 % tiết, so với học chính qui. Còn thời gian tự nghiên cứu, tư liệu tham khảo ... cũng khó đầy đủ – phần do bị động công việc, phần thiếu nỗ lực chủ quan ! Học đã vậy, thi lại như vậy – ai siêng thì làm bài sẵn đem vào phòng thi chép, nộp ; bằng không cứ đem tập, sách vào phòng thi để làm bài (không kể các đề tham khảo tài liệu !). Thủ hồi việc đào tạo tại chức (như kiểu ở lớp tôi) sẽ cho “ ra lò ” các sản phẩm thế nào ?! Nếu bằng cấp chỉ để dành treo, ngắm cho vui, cũng đành ! Đằng này, việc lên lương, thăng chức – ngoài tiêu chuẩn thâm niên, phẩm chất đạo đức – còn tùy thuộc ít nhiều vào bằng cấp !

Tôi thật sự xấu hổ. Ngoài việc không đấu tranh nổi với bản thân, tôi còn thiếu dũng khí vạch trần những sai trái ấy.

Giá mà có nhiều người xấu hổ ?

Nguyễn Thị Ngọc Bích, Cần Thơ

(Tuổi Trẻ chủ nhật 29.10.95)



# Những bài học Ba Lan

(tiếp theo trang 1)

6 năm sau, thậm trọng hơn, báo Nhân Dân không đăng xã luận về kết quả cuộc bầu cử tổng thống Ba Lan ngày 19.11, mặc dầu tổng thống Lech Walesa đã thua phiếu ông Alexandre Kwasniewski, ứng cử viên của Liên minh phe tả dân chủ (hoá thân của Đảng cộng sản). Thế là 6 năm sau khi mất hết chính quyền, đảng cộng sản cũ của Ba Lan đã giành lại toàn bộ quyền hành pháp sau khi đã chiếm đa số ở quốc hội (từ năm 1993). Sự im lặng của báo Nhân Dân cũng dễ hiểu : bất luận thế nào, cũng không thể gọi thắng lợi của tân tổng thống Kwasniewski là một cuộc “ đảo chính cách mạng ” bởi vì đây là một cuộc bỏ phiếu dân chủ, hợp pháp, và Liên minh phe tả dân chủ đã dứt khoát đoạn tuyệt với chủ nghĩa xã hội theo kiểu Lenin-Stalin và tuyên bố đi theo con đường xã hội dân chủ. Một bộ phận cử tri Ba Lan còn e ngại rằng với Kwasniewski, giới quan liêu trong chính quyền cũ sẽ củng cố quyền bính, và người ta có thể nghi ngờ về khả năng thành công của con đường xã hội dân chủ ở Ba Lan, song toàn bộ cử tri cũng như giới quan sát đều đồng ý trên một điểm : chính quyền cộng sản cũ sẽ tiếp tục các cuộc cải tổ kinh tế theo chiều hướng kinh tế thị trường, và sẽ đưa Ba Lan gia nhập Liên hiệp châu Âu và xin vào khối NATO.

Tình hình Ba Lan hoàn toàn khác tình hình Việt Nam. Mọi sự so sánh do đó đều là khập khễnh và vô bổ. Song, trong quá trình tiến hoá từ cùng một mô hình “ chủ nghĩa xã hội hiện tồn ”, hai nước, trong những điều kiện khác nhau, phải xử lý những vấn đề cơ bản chung. Đối chiếu những vấn đề ấy, và vượt qua những đặc thù quốc gia, thiết tưởng ta cũng có thể rút ra những bài học bổ ích. Ít nhất, qua đó, ta cũng có thể gột rửa được những định kiến về tình hình các nước Đông Âu trong năm, sáu năm qua, những định kiến khá phổ biến trong não trạng đồng bào trong nước (và tất nhiên, chính quyền cũng đã tận dụng để biện minh cho chủ trương “ ổn định chính trị ”).

Các nhà quan sát đều nêu bật ý nghĩa lớn nhất của cuộc bầu cử tổng thống Ba Lan : sự thất bại của Lech Walesa của giáo hội Công giáo, và của giáo hoàng Jean-Paul 2.

Chỉ sau 5 năm cầm quyền, người hùng của công đoàn Solidarnosc, biểu tượng của cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài cộng sản trong suốt thập niên 80, đã lộ rõ những khuyết tật nghiêm trọng : cá tính thì độc đoán, đối với những đồng chí trí thức thì khinh mạn, bực bội, đối với giáo hội thì theo đuôi ngay cả trong những chủ trương lạc hậu nhất (chẳng hạn trong việc ngừa thai và phá thai). Về phần giáo hội Công giáo Ba Lan, niềm tự hào là đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc đã nhanh chóng biến thành sự tự mãn, kiêu căng, kèm theo đó là ý muốn toàn trị về tinh thần và tư tưởng đối với một xã hội đã trưởng thành và muốn hoà nhập vào thế giới hiện đại. Còn giáo hoàng Jean-Paul 2, sự can thiệp của ông vào nội tình Ba Lan (và một tuần sau, vào nội tình Á Nhĩ Lan) cũng như não trạng của ông trong những vấn đề nam-nữ (sinh đẻ có kế hoạch, làm chủ cuộc sống tình dục, trở thành linh mục, phòng chống bệnh SIDA...) cho thấy rõ hạn chế của nhiệt tình tín ngưỡng khi nó không đi kèm sự nhạy cảm và hiểu biết về thế giới hiện đại. Phải chăng lịch sử muốn chơi khăm : sự tự mãn, độc đoán và thiếu hiểu biết về thế giới hiện đại nói trên, người ta đã gặp ở... lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam sau chiến thắng 1975.

Bài học đầu tiên có thể rút ra từ tình hình 5 năm qua ở Ba Lan phải chăng là sự cáo chung của cả chủ nghĩa cộng sản (như nó đã được thi hành trong thế kỷ 20) lẫn chủ nghĩa chống

cộng (ngay cả dưới dạng sạch sẽ nhất, là chống sự độc tài của chủ nghĩa cộng sản).

Ghi nhận sự thất bại của chủ nghĩa xã hội hiện thực cũng như của chủ nghĩa chống cộng không có nghĩa là ta có thể phủ nhận được những thành quả tích cực. Trong 5 năm qua, các chính quyền hậu cộng sản ở Ba Lan đã làm được hai việc lớn : (1) tránh trả thù và bôi mọc quá khứ (giới trí thức Ba Lan, tiêu biểu là Mazowiecki, Kuron, Geremek, Michnik... đã đóng vai trò quyết định và gương mẫu trong việc này) ; (2) tiến hành những cuộc cải tổ kinh tế cần thiết, nhờ đó, sau hai ba năm hết sức khó khăn, nền kinh tế quốc gia Ba Lan đã có chiều hướng tốt : tăng trưởng kinh tế 6,5 %, giảm lạm phát (tuy còn ở mức cao : 24 %), giảm bớt nạn thất nghiệp (tuy còn ở mức cao : 14,7 %). Phải nói cho công bằng : những cuộc cải tổ từ năm 1990 không rơi xuống từ trên trời, mà là tiếp tục, mạnh mẽ hơn, các cuộc cải tổ mà ĐCS Ba Lan đã tiến hành từ thập niên 1970 (ở Hungari cũng vậy). Mặt khác, như nhiều nhà bình luận đã nhấn mạnh, sự thắng cử của ông Kwasniewski một phần cũng do cử tri không chấp nhận lối phủ nhận sạch trơn đối với quá khứ, nhất là khi sự thiết lập kinh tế thị trường dẫn tới tình trạng phân hoá giàu-nghèo quá mức.

Sự thất bại của tổng thống Walesa còn làm nổi bật một dữ kiện quan trọng nữa : cái thế kẹt của công đoàn Solidarnosc, vừa là đảng cầm quyền, nhất thiết phải tiến hành những cuộc cải tổ kinh tế cần thiết (với cái giá phải trả về mặt xã hội), lại vừa là công đoàn phải bảo vệ quyền lợi của người lao động. Trong chừng mực nào đó, chính đảng của ông Walesa đã lặp lại sai lầm của chính quyền các nước xã hội chủ nghĩa trước đây : biến công đoàn thành một bộ máy thừa hành chỉ thị của đảng, triệt tiêu vai trò đối tác của giai cấp công nhân nói riêng và của xã hội công dân nói chung. Kết quả không tránh khỏi là sau vài ba năm, công đoàn Solidarnosc đã mất hết uy tín, và đảng cầm quyền cũng không còn được tín nhiệm.

Giai đoạn 5 năm qua ở Ba Lan còn mang lại một bài học nữa, không kém quan trọng, về vai trò của cộng đồng người Ba Lan ở nước ngoài. Mọi người đều biết, từ mấy chục năm nay, người Ba Lan ở nước ngoài, đặc biệt ở Bắc Mỹ, đã góp phần quan trọng về kinh tế cho cố hương. Người ta vẫn nói đùa, mà không ngoa, rằng : thành phố Ba Lan lớn nhất không phải là Varsovie, mà là New York. Tác động tinh thần của giáo hoàng Jean-Paul 2 cũng đã đóng một vai trò đáng kể vào diễn biến tình hình Ba Lan, song được như vậy, cũng là vì bản thân giáo hội Ba Lan là một lực lượng xã hội và chính trị rất lớn ở Ba Lan, nhất là trong tình hình Ba Lan phải lệ thuộc vào Liên Xô trong suốt nửa thế kỷ. Từ hai đặc điểm đó, người ta đã có xu hướng cường điệu hoá sức nặng của cộng đồng Ba Lan hải ngoại. Bàn văn hoá – tư tưởng của ĐCS Việt Nam đã thời phồng hai đặc điểm này để giải thích “ cuộc đảo chính phản cách mạng ” năm 1989, và từ đó, vẫn dùng “ những phần tử phản động ” làm bung xung cho “ âm mưu diễn biến hoà bình ”. Ở đây có ngón nghề tuyên truyền dễ dãi của mọi chính quyền, song nó cũng xuất phát từ một sự đánh giá sai lầm. Công bằng mà nói, người đầu tiên mắc sai lầm chính là ông Tyminski và những cử tri đã bỏ phiếu cho ông ta trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1990. Nhưng rất nhanh chóng, huyền thoại một Ba Lan kiều tử phú, hiện thân của kinh tế thị trường và thế giới tự do, cứu tinh của đất nước từ hải ngoại trở về, đã vỡ tan như bong bóng xà phòng trước gió. Cuối cùng, cử tri Ba Lan đã chứng tỏ sự trưởng thành của mình, và con đường dân chủ hoá, với tất cả những hạn chế và khó khăn của nó, vẫn là con đường lành mạnh nhất để phát triển đất nước.

Nguyễn Ngọc Giao

**8.11.95 : Toà sơ thẩm Hà Nội  
tuyên án hai ông  
ĐỖ TRUNG HIẾU  
và  
HOÀNG MINH CHÍNH  
15 và 12 tháng tù giam**

Sáng ngày 8.11.1995, Toà án nhân dân Hà Nội đã xử sơ thẩm hai ông Hoàng Minh Chính (75 tuổi) và Đỗ Trung Hiếu (57 t). Sau một phiên toà chớp nhoáng (5 tiếng đồng hồ) ông Đỗ Trung Hiếu bị kết án 15 tháng tù giam, ông Hoàng Minh Chính 12 tháng, với tội danh “ *lợi dụng quyền tự do dân chủ, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tổ chức xã hội và của công dân* ” (điều 205 a của Bộ luật hình sự).

Theo báo *Sài Gòn giải phóng* (9.11.1995), thì “ *Đỗ Trung Hiếu là kẻ chịu trách nhiệm chủ yếu, bởi chính y đã trực tiếp biên soạn, in ấn và tán phát tài liệu xấu* ”, còn ông Hoàng Minh Chính (tên khai sinh là Trần Ngọc Nghiêm) “ *là kẻ giúp sức đắc lực cho Đỗ Trung Hiếu trong việc tán phát các tài liệu xấu. Y còn lợi dụng quyền tự do ngôn luận, trả lời phỏng vấn của một số người nước ngoài với nội dung xuyên tạc sự thật, vu khống các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức xã hội* ”.

Tài liệu “ *xấu* ” nói ở trên là hai bài *Những người kháng chiến cũ, tất cả để hoà hợp, hoà giải dân tộc, và Lý tưởng và thực tế* trong đó ông Hiếu (tức Mười Anh) kể lại hoạt động của Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ (1988-1990), việc ông bị công an bắt năm 1990 cùng với ông Michael Morrow.

[Ông Morrow nguyên là nhà báo Mỹ độc lập, đã có công phanh phui vụ thẩm sát Sơn Mỹ, và cùng Don Luce tố cáo chương cọp Côn Đảo, sau năm 1975 làm kinh doanh, năm 1990 bị vu cáo làm gián điệp cho CIA, bị bắt và trục xuất. Thực chất vụ này là đàn áp Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ, vu cáo để bắt giam bốn ông Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tông, Đỗ Trung Hiếu và Hồ Hiếu. Chúng tôi sẽ trở lại tình tiết trong một số sau. Bạn đọc có thể tìm mua tập tài liệu *Những người kháng chiến cũ / Lý tưởng và thực tế* nơi nhà xuất bản TIN, 54 Ave Léon Blum, 92160 ANTONY, France, giá 75 FF / 15 USD chưa kể cước phí].

Bình luận về bản án, giới ngoại giao ở Hà Nội cho rằng so với các vụ án Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Thích Quảng Độ, thì đây là một bản án “ *nhẹ* ” (*sic*), chứng tỏ chính quyền phải tính tới phản ứng của dư luận quốc tế ; mặt khác, họ cho rằng việc kết án hai cựu đảng viên nhằm ngăn đe hàng ngũ đảng viên vào lúc Đảng cộng sản chuẩn bị họp Đại hội 8 (dự trù vào giữa năm 1996). AFP cũng như tạp chí FEER đều nhận xét : khi hai ông Chính và Hiếu mãn hạn tù, thì chắc Đại hội 8 cũng đã họp xong rồi !

Lời bình luận trên đã nói rõ thực chất vụ xử án ngày 8 tháng 11 : một vụ đàn áp và ngăn đe chính trị, bất chấp pháp luật và dư luận. Thật vậy, phiên toà 5 giờ đồng hồ chỉ là một màn kịch sơ sài, không tôn trọng thể thức tố tụng dù chỉ là hình thức :

– gọi là xử công khai, nhưng viện có phòng nhỏ, công an

chỉ cấp cho hai gia đình mỗi nhà 5 “ *vé* ” vào cửa, phóng viên các hãng thông tấn quốc tế không được vào theo dõi, và khoảng 50 bạn bè của ông Chính và ông Hiếu (trong đó có cụ bà Phạm Thị Tề, quả phụ Vũ Đình Huỳnh, bà Nguyễn Khoa Diệu Hồng, nguyên chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Hà Nội, ông Lê Trang, cựu đại sứ Việt Nam tại Ba Lan) phải đứng ngoài.

– Ông Hoàng Minh Chính yêu cầu hoãn xử tới ngày 28 vì ông bị bệnh tim, đang lên cơn sốt... , toà từ chối. Toà án do ông Nguyễn Quang Đầu làm chánh án, với hai thẩm phán làm trợ lý, còn hai bồi thẩm nhân dân thì vắng mặt.

– Ông Chính yêu cầu có 4 người làm cố vấn pháp luật (các luật sư Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Thành Vĩnh, Antoine Comte, và ông Lê Hồng Hà) và viện dẫn 20 nhân chứng (trong đó có luật sư Nguyễn Hữu Thọ, cựu chủ tịch quốc hội Lê Quang Đạo, bác sĩ Nguyễn Khắc Viện... ), tất cả những yêu cầu trên (phù hợp với Luật tố tụng hình sự hiện hành) đều bị toà án bác bỏ.

– Trước toà, ông tuyên bố : “ *Tôi chờ đợi phiên toà này từ gần 30 năm nay* ”, hàm ý Nhà nước Việt Nam còn nợ ông một vụ xét xử công khai về vụ án xét lại (tổng cộng, ông đã bị giam giữ 11 năm, quản thúc 9 năm, mà không hề xét xử). Nhưng mỗi lần ông nói tới vụ đàn áp bắt đầu từ năm 1967, thì chánh án rung chuông ngắt lời “ *anh Nghiêm* ”.

Công ty xe lửa Pháp có một khẩu hiệu rất đạt : *mỗi con tàu có thể che khuất một con tàu khác*. Phiên toà xử tù giam hai ông Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu cũng che khuất hai vụ án khác. Một là *vụ án xét lại* hay *vụ án Hoàng Minh Chính & Đặng Kim Giang & Vũ Đình Huỳnh* mà các nạn nhân và gia đình liên tục đòi mang ra ánh sáng, song ĐCS vẫn kiên quyết trốn nợ. Việc khai trừ các ông Nguyễn Trung Thành và Lê Hồng Hà chứng tỏ bộ máy chuyên chính của ĐCS muốn ngăn chặn dư luận ngay từ trong hàng ngũ đảng viên (đặc biệt là giới cán bộ lão thành).

Thời sự hơn và nghiêm trọng không kém là một vụ án mới bắt đầu, có thể gọi tắt là *vụ án Trần Độ*. Tháng 6 vừa qua, tướng Trần Độ, nguyên uỷ viên Trung ương, đã gửi bài góp ý kiến về Đại hội 8 (xem *Diễn Đàn* số 46). Tháng 7, trong cuộc hội nghị cán bộ lão thành do ông Đào Duy Tùng chủ trì, ông Lê Minh Hương, thủ trưởng nội vụ, đã đưa ra một “ *sơ đồ tổ chức của nhóm xét lại chống đảng* ” trong đó nhân vật chủ chốt không phải là Hoàng Minh Chính, hay Đặng Kim Giang, mà chính là... Trần Độ “ *hiện nay đang chống đảng* ”.

Nơi chín suối, chắc ông Lê Đức Thọ cũng mãn nguyện thấy sự nghiệp của mình *đời đời bền vững*.

### **Dòng chảy Mêkông tác nghệ**

Dòng chảy Mêkông [Courant du Mékong] là một chương trình hợp tác văn hoá của Pháp. Hàng năm, Bộ văn hoá Pháp mời những nhà hoạt động văn hoá ở các nước Đông Nam Á sang Pháp trong thời gian từ 4 đến 6 tuần để tìm hiểu kinh nghiệm tổ chức, quản lý và đào tạo trong cách lãnh vực văn học, sân khấu, tạo hình, báo tàng... Tháng 11 năm nay, 5 khách mời Việt Nam là nhà văn Nguyễn Ngọc, đạo diễn Nguyễn Đình Nghi, hoạ sĩ Nguyễn Trung, nhà khảo cổ Võ Sĩ Khải và ông Trần Đăng Khoa, phụ tá giám đốc Alliance Française Hà Nội. Giờ chót, nhà văn Nguyễn Ngọc và đạo diễn Nguyễn Đình Nghi không được chính quyền Việt Nam cấp chiếu khán xuất ngoại. Đây là lần thứ nhì nhà văn Nguyễn Ngọc được mời mà không sang được Pháp. Năm ngoái, ở Ban bí thư Trung ương ĐCSVN, người ta sợ rằng cùng lúc đó, nhà văn Dương Thu Hương có mặt tại Pháp, họ sẽ chuẩn bị... đại hội Hội nhà văn ! Còn lần này ?

Dự thảo báo cáo chính trị

## Nhìn lại và chiêm nghiệm quá trình đổi mới

*LTS. Trung tuần tháng 11 vừa qua, ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Việt Nam đã họp hội nghị lần thứ 9 để chuẩn bị bản báo cáo chính trị cho đại hội 8 của đảng, dự kiến triệu tập vào cuối quý hai năm 1996. Diễn Đàn trích đăng lại dưới đây điểm thứ 3 mang tựa đề “ Nhìn lại và chiêm nghiệm quá trình đổi mới ” của phần đầu, “ Đất nước sau 10 năm đổi mới ”, trong bản dự thảo báo cáo chính trị đề ngày 18.4 1995. Đối chiếu với những quan điểm của ban lãnh đạo đảng, Diễn Đàn cũng xin giới thiệu phần nói về “ mốc đổi mới 1979 ” trong tài liệu Việt Nam “ đổi mới ” : 1979 và 1986 của Lữ Phương. Tuy được viết vào tháng 9 năm 1994, bài phân tích của Lữ Phương đáp lại hầu như từng điểm các lập luận đưa ra trong bản dự thảo báo cáo chính trị.*

Những thành tựu đạt được trong 5 năm qua là rất nổi bật và đáng phấn khởi, đó không phải chỉ là kết quả phấn đấu của những năm 1991-1994 mà của cả một quá trình tìm tòi, đổi mới và phấn đấu gian khổ của đảng ta và nhân dân ta từ nhiều năm qua, nhất từ sau đại hội VI của đảng.

Từ khi nước ta lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội nghiêm trọng vào cuối những năm 70, đảng ta trên cơ sở tổng kết thực tiễn, đặc biệt là tổng kết những cách làm sáng tạo của nhân dân, của các ngành và các địa phương, đã đề ra nhiều những chủ trương có tính chất đổi mới từng phần. Đó là : nghị quyết hội nghị trung ương 6 khóa IV (1979) bắt đầu ban hành những chính sách khuyến khích sản xuất “ bung ra ” ; chỉ thị 100 (1981) của ban bí thư về khoán sản phẩm cuối cùng đến hộ nông dân trong nông nghiệp ; các quyết định 25, 26-CP (1981) của thủ tướng chính phủ về nhiều nguồn cân đối và ba phần kế hoạch ; đại hội V (1982) của đảng với việc xác định lại thứ tự ưu tiên trong phát triển kinh tế, khẳng định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu ; các đợt cải cách giá, lương, tiền quy mô lớn đầu những năm 1980 và nhất là kết luận của bộ chính trị khóa V về một số vấn đề thuộc quan điểm kinh tế tháng 8 năm 1986 ... Tất cả những thử nghiệm ban đầu về đổi mới từng bộ phận nói trên chính là tiền đề hình thành đường lối đổi mới toàn diện tại đại hội VI (1986). Đường lối ấy đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn và sự mong đợi của nhân dân nên đã đi vào cuộc sống rất nhanh chóng.

Song đổi mới là một sự nghiệp cách mạng đầy khó khăn. Ở nước ta, khó khăn của quá trình đổi mới càng đặc biệt gay gắt vì nó bắt đầu diễn ra vào lúc nước ta đang khủng hoảng nghiêm trọng về kinh tế-xã hội và còn phải chịu gánh nặng rất lớn về quốc phòng để bảo vệ biên giới, giúp đỡ nhân dân Campuchia và nhân dân Lào anh em, và lại bị bao vây, cấm

vận. Đứng vào lúc đó, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, tác động nặng nề về chính trị, tâm lý đối với nhân dân ta và gây thêm những khó khăn lớn và đột ngột cho nền kinh tế nước ta. Vì những lý do đó, quá trình thực hiện đổi mới đã trải qua những năm tháng đầy sóng gió, có lúc tưởng như khó vượt qua nổi. Đó là những năm lạm phát lên đến 600-700 %/năm, đời sống của những người ăn lương điều đứng, là lúc các xí nghiệp quốc doanh đình đốn, thua lỗ, sản xuất cầm chừng, thậm chí phải đóng cửa và giải thể hàng loạt, công nhân bị buộc phải ra khỏi dây chuyền sản xuất và biên chế, tự tìm đường sống ; nhiều cán bộ sự nghiệp văn hóa, giáo dục lương không đủ ăn phải bỏ nghề. Đó là những vụ lừa đảo, đổ vỡ tín dụng có lúc dây chuyền, gây cho người mất vốn, xí nghiệp công ty nợ nần ách tắc - tính chung trong cả nước lên hàng chục tỉ đồng ...

Mặc dù vậy, đảng ta, nhân dân ta đã vượt qua hết khó khăn này đến thử thách khác, đưa công cuộc đổi mới từng bước đi đến thành công, điều đó là do những nguyên nhân chủ yếu sau đây :

- Đảng ta đã phát huy dân chủ, tinh thần tự phê bình, phê bình của một đảng cộng sản chân chính, lắng nghe tiếng nói của cán bộ, đảng viên, nhân dân, dám nhìn thẳng vào sự thật để nhận ra những sai lầm, khuyết điểm và khi đã sai lầm thì thẳng thắn công khai thừa nhận, chân thành và quyết tâm sửa chữa, quyết tâm đổi mới. Ngược lại chúng ta đã có nhiều bài học thấm thía là lúc nào đảng chủ quan, tự mãn, kiêu ngạo hoặc quan liêu, mất dân chủ, xa rời quần chúng, coi thường ý kiến của nhân dân thì lúc đó đảng khó tránh khỏi sai lầm, gây tổn thất cho cách mạng. Đó là điều chúng ta không được phép để tái diễn.

- Trong quá trình đổi mới, đảng ta luôn giữ vững độc lập, tự chủ, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, trân trọng những sáng kiến của nhân dân, của các cấp ủy, các địa phương và cơ sở, coi trọng tổng kết thực tiễn Việt Nam ; đồng thời coi trọng, tham khảo, học tập kinh nghiệm thế giới. Coi trọng học kinh nghiệm nước ngoài nhưng không sao chép, rập khuôn mà chú ý chọn lọc những điều phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam.

Nhiều đường lối, chính sách, chủ trương lớn về đổi mới, nhất là đổi mới về kinh tế trong thời gian qua là đúc kết từ kinh nghiệm của địa phương và cơ sở, là sự gặp nhau giữa những suy nghĩ của lãnh đạo và nhân dân, đảng và lòng dân. Thực tế cho thấy thực tiễn công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân ta trong giai đoạn sôi động hiện nay là rất phong phú, chứa đựng nhiều điều sáng tạo rất quý báu, nếu ta làm tốt công tác nghiên cứu tổng kết thực tiễn trên thì chắc chắn sẽ tìm ra nhiều lối đi đúng, những giải pháp hay cho những vấn đề mà cuộc sống đang đặt ra.

Chủ nghĩa xã hội khoa học là giai đoạn phát triển cao hơn các xã hội mà đến nay nhân loại đã trải qua, xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải tiếp thu được những đỉnh cao tri thức của loài người. Nước ta chậm phát triển, đi sau, vì vậy việc tìm hiểu, học tập kinh nghiệm của các nước, các dân tộc lại càng vô cùng cần thiết. Thành tựu đổi mới vừa qua một phần là nhờ chúng ta học hỏi và kịp thời nhận thức được yêu cầu và xu thế đổi mới, cái cách tất yếu của các nước xã hội chủ nghĩa và nhiều nước khác trên thế giới. Ngày nay chúng ta có điều kiện thuận lợi hơn bao giờ hết để hội nhập vào đời sống của cộng đồng quốc tế, nghiên cứu, tiếp thu những bài học kinh

nghiệm của chính phủ và của nhân dân các nước về nhiều lĩnh vực. Đó là cơ hội quý báu chưa từng có mà chúng ta phải biết khai thác tốt nhất.

Song những bài học thành công và sai lầm trong quá khứ đã giúp chúng ta nhận thức sâu sắc rằng học tập kinh nghiệm nước ngoài phải biết phân tích, cân nhắc, chọn lọc mới tiếp thu được những điều cần thiết, phù hợp với thực tế của nước ta. Mọi sự sao chép máy móc, đơn giản theo hướng này hay hướng khác đều sai lầm và có thể đem lại những thiệt hại, tổn thất khó lường cho đất nước, cho nhân dân.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp cách mạng lớn lao nhưng chưa có tiền lệ và mô hình thành công sẵn để ta noi theo, nên đòi hỏi, chờ đợi rất nhiều tìm tòi, khám phá mới mẻ. Nhưng những tìm tòi xuất phát từ thực tế phải được nghiên cứu, khái quát thành lý luận thì những kết luận rút ra mới chặt chẽ, chính xác, đủ tầm sâu để chỉ đạo thực tiễn. Theo hướng đó, mấy năm gần đây đảng ta ngày càng chú trọng tăng cường hoạt động nghiên cứu lý luận, lần lượt cụ thể hóa từng bước cương lĩnh, đường lối của đảng trên các lĩnh vực ngày càng sâu sắc, đồng bộ hơn và do đó đem lại hiệu quả cao hơn.

Nghiên cứu tổng kết thực tiễn và tham khảo học tập kinh nghiệm nước ngoài gắn với tăng cường nghiên cứu lý luận, đó là cơ sở để chúng ta xác định được đường lối, chính sách, chủ trương đi lên đúng đắn và vững chắc.

– Đảng ta thực hiện đổi mới nhưng luôn luôn khẳng định và kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới nhưng không phủ nhận sạch trơn quá khứ, luôn trân trọng những truyền thống quý báu của dân tộc, bảo vệ, kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được trong lịch sử, khẳng định những việc đã làm đúng trong quá trình cách mạng. Đối với những cách làm trước đây là đúng nhưng nay không còn thích hợp hoặc những việc trước đây làm sai, nay phải sửa cũng lưu ý đến hoàn cảnh lịch sử đã qua để rút ra những đánh giá đúng đắn, có lý, có tình. Đổi mới sâu sắc với những chủ trương mang tính thật sự cách mạng, nhưng không chạy theo những khuynh hướng cực đoan, không đòi xóa bỏ hết thảy, “đổi mới” hết thảy, không cho rằng “càng đổi mới càng tốt”, bất kể đổi mới như thế nào.

Chính nhờ thế mà trong quá trình đổi mới, chúng ta phê phán cái sai cũ nhưng không làm quần chúng suy sụp lòng tin, hoang mang, mất phương hướng; không để cho kẻ địch lợi dụng; không từ thái cực này nhảy sang thái cực khác và ít mắc những sai lầm mới.

Bản lĩnh và sự sáng suốt trên đây của đảng ta đặc biệt thể hiện rõ trong xử lý vấn đề dân chủ. Như trên đã nói, đổi mới là kết quả của sự phát huy dân chủ. Một nội dung và yêu cầu trọng yếu của đổi mới chính là phát huy ngày càng sâu rộng dân chủ trong đảng và trong nhân dân, xác lập quyền làm chủ thật sự của nhân dân trong đời sống xã hội, trong công việc đất nước. Mười năm qua, đảng và nhà nước ta đã làm nhiều việc theo hướng này, đã mở rộng dân chủ từ kinh tế đến các lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, thông tin, báo chí, các sinh hoạt chính trị đối nội, đối ngoại, từ sinh hoạt trong đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể đến sinh hoạt xã hội. Song đảng ta luôn kiên quyết bác bỏ mọi khuynh hướng chạy theo những mô hình dân chủ, công khai cực đoan, quá khích được sao chép từ nước ngoài hoặc do những kẻ có ý đồ xấu khởi xướng, xúi dục.

(xem tiếp trang 25)

## Giấc mộng vàng và đà trượt của cuộc chiến tranh

Việc chấm dứt chiến tranh năm 1975 đối với những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam là bước đột biến chưa từng có trong lịch sử để đất nước chuyển hẳn sang một trang mới hoàn toàn. Không phải vì Việt Nam đã thống nhất, độc lập để phát triển (điều này đã quá muộn) mà là độc lập, thống nhất để phát triển một cách vô cùng rực rỡ dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản với học thuyết Mác-Lênin vạn năng: Việt Nam sẽ mau chóng trở thành một quốc gia hiện đại, hùng cường, văn minh không những giữ được vai trò làm “tiền đồn” cho phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á mà còn là hình mẫu về phát triển hết sức hài hòa tốt đẹp để các nước thứ ba noi gương nữa (15). Và bí quyết của sự thành công đó cũng được các nhà lãnh đạo đảng nói ra nhiều lần, ngay cả trong những ngày chưa chấm dứt chiến tranh (16), bằng công thức: đảng lãnh đạo với chủ nghĩa Mác-Lênin, *cộng với* chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân, *cộng với* khoa học kỹ thuật hiện đại (sẽ học tập của thế giới). Đại hội Đảng lần thứ IV (tháng 12-1976) đã mở ra triển vọng ấy trong khí thế chiến thắng “ngất trời” và lòng tin mãnh liệt vào tương lai (ông Lê Duẩn thường dự đoán trong khoảng 15 năm thôi).

Chúng ta nên đặc biệt lưu ý đến cái không khí ấy bởi vì tất cả đường lối “cách mạng” của Việt Nam trong thời kỳ mới sẽ được đặt trên cơ sở đó, trong một thời gian khá dài (17). Về mặt đối ngoại, đảng sẽ tiếp tục đường lối “độc lập tự chủ” của mình, không những tranh thủ những thuận lợi của “bạn bè” để xây dựng mà còn phất cao ngọn cờ cộng sản chân chính để chống lại mọi thứ chủ nghĩa xét lại, từ tả sang hữu, lời cuốn Đông Dương vào một khối thân hữu chặt chẽ với Việt Nam, làm bàn đạp phát triển phong trào chống đế quốc ở Đông Nam Á. Còn về mặt xây dựng trong nước thì cái khí thế chiến thắng đã biểu hiện ở chỗ đem áp dụng trên cả đất nước đã thống nhất cái mô hình nửa Xtalinít, nửa Mao-it đã từng áp dụng ở miền Bắc sau 1954, lý do: đó là một mô hình đã được thử thách trong chiến tranh, đã tạo ra được “tính ưu việt và sức mạnh của chủ nghĩa xã hội”, “đã từng làm cho miền Bắc giữ được nhiệm vụ quyết định đối với sự phát triển của toàn bộ phong trào cách mạng ở Việt Nam” (18).

Trong chừng mực nào những ý tưởng trên đây là thực tế và trong chừng mực nào chúng tỏ ra quá “tếu” thì điều đó không phải đợi những người viết sử sau này thẩm định mà chỉ vài năm sau đó thôi mọi việc cũng đã bắt đầu lộ rõ. Bởi vì cũng chỉ một vài năm sau đó, tất cả những gì được hình dung ra một cách vô cùng tươi đẹp, hào hứng thì đều phát triển theo chiều hướng ngược lại, chẳng những không có đủ gạo ăn, thuốc uống mà còn đưa đất nước vào tình trạng tởm tệ cùng cực trên tất cả mọi phương diện. Tất nhiên những người lãnh đạo, trong những trường hợp như thế bao giờ cũng tìm cách giải thích để biện minh cho lấy được sự lãnh đạo “tài tình” của mình. Nhưng điều đó đã chứng tỏ là không đúng và về sau chính họ cũng phải phần nào thừa nhận, bởi vì tất cả đã bị chi phối bởi cái não trạng đặt biệt do cuộc chiến thắng 1975 mang đến – và đó là cái não trạng ngạo mạn vì thắng lợi, say sưa với thắng lợi cho nên đã tự nâng mình lên quá xa với cái tầm mà mình đang có. Thái độ ấy đã bị đánh trả trên tất cả các lĩnh vực.

Trước hết là về đường lối “cách mạng thế giới” của đảng. Ai cũng biết rằng trong chiến tranh, những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã gặp khó khăn như thế nào giữa sự giằng xé của các thế lực cộng sản quốc tế, đặc biệt về sau này với sự căng thẳng tột độ giữa Trung quốc và Liên xô: có

## Việt Nam “Đổi Mới” : 1979 và 1986

lúc đã theo Liên xô để chủ trương đường lối hoà bình (sau 1954), có lúc chống Liên xô theo Trung quốc để giải phóng miền Nam bằng bạo lực (sau 1960), có lúc hoà dịu lại với Liên xô thì lại bắt đầu căng thẳng với Trung quốc (sau Hiệp định Paris về Việt Nam). Tuy vậy do phải tập trung vào chiến tranh nên họ đã không đẩy những bất đồng đến chỗ rạn nứt. Nhưng khi đã thắng lợi rồi, tự tin quá mức vào uy tín cách mạng của mình (19), hy vọng sớm chiêu có thể trở thành cường quốc, họ không cần phải theo đuổi chính sách cân bằng trên đây nữa. Với Hiệp ước hữu nghị 25 với Liên xô (1978) mà tinh thần của nó là “hợp tác toàn diện”, Việt Nam đã ra mặt chống lại Trung quốc. Kết quả của thái độ ấy là gì thì mọi người đều còn nhớ : muốn làm “tiền đồn” cho phe chủ nghĩa xã hội chống đế quốc, Việt Nam đã trở thành tiền đồn của phe Liên xô để chống Trung quốc, đưa đất nước vào một cuộc chiến tranh mới mà sự xâm lấn Kampuchia 1978 và nhận “bài học” của Trung quốc ở biên giới phía Bắc 1979 là kết quả. Những sự việc không thuận lợi gì cho phát triển đó đã được những người lãnh đạo đảng gọi là một “sứ mệnh lịch sử” theo thói quen thích ồn ào của họ, nhưng như nhiều người đã nhận xét : đó chỉ là cái đà trượt của một cuộc chiến tranh vừa nóng vừa lạnh mà các phe liên hệ chưa tìm ra được giải pháp căn bản để giải quyết đến nơi đến chốn. Vì thế tuy đã thắng lợi hoàn toàn (cuống lại nhiều lần sự sắp xếp của những cường quốc), Việt Nam vẫn còn phải trả giá cho sự thắng lợi ấy.

Cái đà trượt ấy nếu đã gây ra những điều kiện bất ổn cho xây dựng (bị cô lập hoàn toàn) thì ở trong nước cái mô hình xây dựng mệnh danh là “chủ nghĩa xã hội” cũng không hề mang lại được chút kết quả nào. Như chúng ta đều biết, cái mô hình ấy chỉ là con đẻ của chiến tranh giải phóng dân tộc, nó theo con đường ủng hộ cuộc chiến tranh ấy của “phe” xã hội chủ nghĩa mà du nhập vào Việt Nam, hết Xtalin, Mao Trạch Đông rồi đến Brojnep. Khi đem cái mô hình ấy ra xây dựng, nó không chứng tỏ một tí gì là “ưu việt” như những nhà lãnh đạo thường hay thổi phồng lên. Thực hiện ở một miền đất nước nghèo nàn, lạc hậu, lại diễn ra trong điều kiện mà người dân luôn luôn phải thắt lưng buộc bụng hy sinh cho chiến tranh, nhiều lắm nó chỉ là một thứ sản xuất tự túc để thích ứng với chiến tranh, tất cả đều được “kế hoạch hoá” trên những gì mà “bầu bạn” đã viện trợ để tiếp tục cuộc chiến tranh ấy, nó không thể là một hình mẫu để thúc đẩy sự phát triển toàn diện của xã hội, đưa xã hội vào thế giới hiện đại, văn minh. Người ta thường nhắc đến Kim Ngọc, bí thư tỉnh Vĩnh Phú ở miền Bắc trước 1970 đã bị phê phán và trừng trị thích đáng vì đã dám qua mặt Trung ương cho phép “khoán chui” với lý do : “nếu cứ xây dựng chủ nghĩa xã hội kiểu này thì cháo cũng không có mà ăn” ! Đối với những người lãnh đạo, thật ra không phải họ không thấy tính chất khó nuốt của cục xương gọi là “xây dựng chủ nghĩa xã hội” đó — ít nhất thì nó rất khó thuyết phục người dân hy sinh cho nó một cách dễ dàng như trong chiến tranh. Nhưng do lù mù lâu ngày trong cái đám lý luận sơ khai về cái “thiên đường hạ giới” gắn chặt với chiến tranh, lại nhờ nó mà lấy được chính quyền, không thể hình dung ra một con đường nào khác

hay hơn, họ cứ phải bám vào đó, ngoài việc sơn cho nó những lớp sơn huyền hoặc, họ còn thường xuyên khai thác lòng yêu nước của người dân để giúp nó thêm động lực nữa (20). Về phía người dân thì phần phải hy sinh quá nhiều cho chiến tranh, trong lòng tuy không có vẻ mặt mà gì lắm, nhưng hy vọng vu vơ rằng mọi thứ sẽ khá hơn khi đất nước trở lại hoà bình.

Khi được bộ nguyên xi vào áp dụng ở miền Nam Việt Nam sau khi thắng lợi hoàn toàn, cái mô hình đó lập tức đã không chịu nổi thử thách trong phạm vi xây dựng, trái lại nó đã phát huy được sức mạnh tàn phá của nó đối với tất cả những thành quả mà miền Nam đã đạt được trong suốt quá trình công nghiệp hoá (dù còn ở bước đầu) và hiện đại hoá. Chỉ có vài năm, bắt đầu là “tiếp quản” rồi sau đó là “cải tạo” tư sản ở thành phố, “hợp tác hoá” ở nông thôn, đời sống người dân đã bị đẩy lùi lại tình trạng trước đó khoảng vài ba chục năm, khốn khổ như chưa bao giờ đã xảy ra, dưới bất cứ chế độ phong kiến, phát xít hay thực dân. Nền sản xuất hàng hoá mở rộng đã bị phá vụn thành những khu vực nhỏ bé, chiếm lĩnh bởi những cái gọi là “ngành” hay “lãnh thổ” ; bất cứ cơ quan nào hay địa phương nào (kể cả xã, ấp) cũng có thể lập ra các hàng rào, trạm gác để chặn xe cộ lại xét hỏi, tịch thu, đánh thuế ; còn nếu có gì gọi được là sản xuất thì cũng chỉ là những phong trào vận động ở ạt người ta đi “lao động xã hội chủ nghĩa” (đắp mương, làm thủy lợi...) hoặc rủ nhau đi ra khỏi thành phố xin đất để làm rẫy kiểu “tự túc” như thời trong rừng, tốn không biết bao xăng nhớt, thì giờ mà kết quả chẳng đi đến đâu (21). Còn những chương trình gọi là “kinh tế mới”, dần dần về các miền nông thôn để sản xuất thì chỉ là một công việc “đem con bỏ chợ”, đầy đoạ con người qua mọi khổ sở, cuối cùng không chịu nổi nên đã nhếch nhác kéo nhau về lại thành phố, ngã đường ngã chợ sau khi đã tán gia bại sản. Trong khi nông thôn trở về nền kinh tế tự cung tự cấp (thiếu máy móc, phân, giống) dưới danh nghĩa “tập đoàn” thì thành thị lại bị biến thành một thứ nông thôn lạc hậu, đi đâu cũng thấy người ta phá các luống hoa để trồng rau, còn nhà cửa thì hầu hết đều bị biến thành những chuồng heo, chuồng gà, chuồng thỏ nồng nặc mùi cám, mùi phân. Các công sở, vốn là chỗ làm việc trang nghiêm, cũng đã biến thành một thứ chợ nhỏ : cả ngày người ta chỉ lo mua bán, cung cấp xăng dầu, nhu yếu phẩm (một tí gạo, một tí xà phòng, cá, thịt...). Là một cái vựa thóc, trong những năm tháng ấy, người dân miền Nam đã phải ăn độn với khoai lang, khoai mì và khủng khiếp nhất là với cái gọi là ...bo bo do Liên xô viện trợ.

### Từ sự phản ứng trong xã hội đến sự chuyển động trong đảng

Sự phản ứng của xã hội đối với cái mô hình ấy là tất yếu chỉ vì một lẽ rất giản đơn là : nó nói quá nhiều, nó hứa quá nhiều nhưng nó chẳng làm được gì cho đời sống cả. Và như chúng ta đã biết : điều đó đã xảy ra từ lâu ở miền Bắc. Có điều cần gì nói thêm thì chúng ta chú ý rằng cái phản ứng ấy đã diễn ra một cách khá đặc biệt mà chỉ có những người sống

lâu năm trong chế độ cộng sản có được : đó là thái độ hai mặt, bên ngoài thì vâng dạ, cảm ơn rồi rít, nhưng trong lòng thì hoàn toàn nghĩ khác, trước mặt các “ ảnh ”, các “ bác ” thì ghi ghi chép chép ra điều “ quán triệt ” lắm nhưng về nhà thì lại làm khác đi hoặc làm ngược lại. Người ta thường cho thái độ ấy là “ tiêu cực ” hoặc “ thụ động ” ; nhưng đó chỉ là bước đầu — tất cả những thứ tệ hại khác như vô trách nhiệm, dối trá, báo cáo láo, trây lười... đều bắt nguồn từ đó. Thái độ ấy cũng tràn vào miền Nam sau 1975 một cách thật nhanh chóng : sau một thời gian ngắn ngủi “ hồ hởi ” đón chào “ các anh ”, đầu tiên người ta không biết làm gì hơn là “ chôm đồ, nhà ” ( “ chà đồ nhôm ” — nói lái) đem đi bán ăn dần, nhưng sau đó người ta cũng phải làm một cái gì đó để tồn tại (“ chẳng lẽ lại lăn ra mà chết ” ? như người ta hay nói). Và làm gì để tồn tại trong một khung cảnh kỳ khó khăn như vậy thì chỉ có Trời mới biết rõ thôi. Nhờ hàng ở nước ngoài gửi về ? Xếp hàng mua giá chính thức đem ra bán lại cao hơn để lấy lời ? Ăn cắp mọi thứ có thể ăn cắp được (điện, thuốc, xăng dầu, hoá chất...) ? Trốn thuế ? Buôn lậu ? Tất cả đều có thể. Và tất cả đều diễn ra âm thầm, không ai nói ra, không ai hỏi ai, nhưng mọi người đều biết và đều giả vờ làm như không biết, thậm chí trong nhiều trường hợp còn bắt chức cán bộ lên lớp người khác về sự “ cần kiệm liêm chính chí công vô tư ” nữa ! Tất cả đều diễn ra trong mối quan hệ giữa dân và nhà nước, giữa cái không chính thức và cái chính thức. Và nói theo ngôn ngữ kinh tế thì đó là mối quan hệ giữa **thị trường** và **thị trường đen**. Khi thị trường có gì khiếm khuyết thì thị trường đen sẽ bổ sung vào ; nhưng vì ở Việt Nam, theo lý luận chủ nghĩa xã hội, thì thị trường nói chung không được thừa nhận một cách đầy đủ và hợp pháp cho nên trong thực tế nếu có gọi được là thị trường thì chỉ có thị trường đen thôi — tác dụng của nó trong những năm tháng ấy không đơn giản. Một mặt nếu nó giúp người ta tìm ra được những thứ cần dùng với một giá cao mà trên thị trường trắng không có, nếu nó cũng góp phần lưu thông hàng hoá giữa vùng này sang vùng khác, giữa nông thôn và thành thị, thì mặt khác nó cũng tạo ra một cung cách làm ăn qua lại giữa hai thị trường ấy, là việc đục khoét, moi móc tất cả những gì có thể moi móc được trong kho nhà nước, trong thương nghiệp và xí nghiệp quốc doanh để đưa ra bổ sung cho thị trường đen ; tham gia lối làm ăn này không phải chỉ có những người cán bộ cách mạng gọi là “ con phe ” mà còn bao gồm cả chính những cán bộ cách mạng ở trong guồng máy nhà nước nữa.

Có lẽ cũng nên dừng lại một chút ở một loại thị trường đen khá đặc biệt vào lúc bấy giờ : đó là **thị trường vượt biển** (một hình thức tổ chức vượt biên bằng thuyền, phổ biến hơn những hình thức khác). Muốn tham gia thị trường này ai cũng biết là người mua lẫn người bán phải có một số tiền khá lớn (tính bằng vàng). Cùng với những chi phí bỏ ra để đóng thuyền và chạy những giấy má để làm bộ hành nghề với chiếc thuyền ấy (chuyên chở, đánh cá), giá các suất vượt biển còn tùy thuộc rất nhiều vào chi phí mà những người tổ chức phải trả cho những viên chức liên hệ (quân đội, công an, uỷ ban nhân dân...) gọi là để “ mua bãi ” : mua rẻ thì ít ra 1, 2 cây, mua mắc thì 3, 4 cây, đi bán chính thức, do nhà nước đứng ra tổ chức thì 8 đến 10 cây, còn đi chui hoàn toàn thì khoảng 1 cây trở xuống. Cuộc mua bán khá tấp nập một thời nếu đã phá tan tành không biết bao sự nghiệp, cướp đi không biết bao sinh mạng thì nó cũng đã làm xuất hiện một lớp “ nhà giàu mới ” với một nếp sống cực kỳ xa hoa, truy lạc (chủ yếu đả đàng các quan chức) trong khung cảnh nhếch nhác chung của xã hội. Tại sao người ta lại bỏ xứ ra đi với

những phương tiện mong manh, nguy hiểm như vậy ? Có thể là vì lý do chính trị, là kinh tế, là thấy người ta đi cũng đi theo... nhưng với lý do nào đi nữa thì điều đó cũng đã là lời tố cáo không thể biện minh được đối với một chế độ lúc nào cũng ra rả khoe khoang về “ chính sách nhân đạo ” của mình. Nhưng nó cũng chứng tỏ cái phản ứng của người dân lúc bấy giờ là tuyệt vọng đến như thế nào trước một chế độ mà họ hầu như không còn tin được vào sự đổi thay. Có thể nói đó mới chính là cái kết quả tổng hợp nhất giải thích sự thất bại của tham vọng “ tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội ” của đảng ; góp phần làm thất bại tham vọng ấy gồm đủ tất cả những nhân tố, từ sự trả đũa của Mỹ và Trung quốc về màn sau của cuộc chiến tranh đến sự ngạo mạn của những người thắng lợi cuộc chiến tranh ấy, từ sự phá sản trên thực tế không gì biện minh được của cái mô hình “ chủ nghĩa xã hội ” xuất phát từ một ý thức hệ hoang tưởng đến những phản ứng đau đớn vùng vẫy của những người dân bị trị, và về sau còn có sự suy thoái ngày càng tảo tợn của chính cái guồng máy nhà nước thống trị nữa.

Những cảnh tượng thảm hại nói trên đã tác động gì đến hàng ngũ những người lãnh đạo vào những năm tháng ấy khiến họ phải quyết định điều chỉnh đường lối ? Câu hỏi rất khó trả lời nếu người ta chỉ dừng lại ở những ý định của con người. Về mặt này nếu ai có được những kinh nghiệm trực tiếp thì đều thấy rằng, ngoại trừ một số người dường như chìm đắm trong những giấc mộng du, phần đông những đảng viên có liên hệ với thực tế đều bất mãn, phẫn nộ trước những gì xảy ra — ít nhất thì những cảnh tượng ấy cũng đã đi ngược lại với những gì mà họ đã ý thức rõ ràng khi vào đảng. Nhưng vấn đề ở đây không phải là những ý định của con người mà là vấn đề cái guồng máy tổ chức của đảng, là cái cơ chế quan hệ từ trên xuống dưới do đảng lập ra để tiếp nhận những phản ứng của xã hội để có thể đề ra những thay đổi cần thiết, kịp thời và có hiệu quả. Và về mặt này mà nói thì người ta lại phải khẳng định một điều không giống bao nhiêu với những phản ứng nói trên : bộ máy do đảng lập ra không phải để đáp ứng nhanh chóng những nguyện vọng đang có của nhân dân, nó được lập ra để thực hiện những nguyên vọng **lâu dài, bền vững** của nhân dân, những biện pháp này chỉ có thể do đảng hiểu được nắm được bằng cách “ vận dụng ” chủ nghĩa Mác-Lênin khoa học thôi. Bởi thế nhiệm vụ của guồng máy đảng là phải căn cứ vào cái khoa học tương lai ấy để “ uốn nắn ” lại những gì tự phát, giáo dục lại những gì lệch hướng trong nhân dân và cả trong đảng viên cán bộ, làm cho toàn xã hội nhận thức được tính tất yếu của sự lãnh đạo của đảng, do đó mà một lòng một dạ theo đảng để xây dựng sự nghiệp mới, tạo nên một “ thế giới mới ” hoàn hảo hơn cái thế giới này muôn ngàn lần. Guồng máy cầm quyền vì thế cũng phải được tổ chức từ trên xuống dưới một cách chặt chẽ để có thể thực hiện nhanh chóng câu “ nhất hô bá ứng ” trong sự nghiệp xây dựng cuộc đời mới.

Tuy thế nếu căn cứ vào lý thuyết mà hình dung ra guồng máy cầm quyền của đảng như một cái gì đó thật sít sao, ăn khớp rầm rập như cái máy cái kéo theo hàng loạt những máy con thì lại là điều không thực tế. Bởi vì cái guồng máy ấy đã chứa trong bản thân nó những mâu thuẫn (không ăn khớp) không bao giờ có thể giải quyết được.

Trước hết là mâu thuẫn giữa lý thuyết và thực hành. Lý thuyết thì đẹp như mơ nhưng cách thức thực hiện lại quá cứng rắn, tàn bạo, lươn lẹo ; nói thì quá hay nhưng lại quá viển vông không bao giờ thực hiện được nên trở thành đối trá, huênh hoang. Riêng trong lý luận về phát triển, chúng ta nên

chú ý đến tính chất đặc biệt trong chủ nghĩa Mác, coi sự tăng trưởng kinh tế là quan trọng nhất, chỉ có giải quyết được một cách có hiệu quả thì mới có cơ sở để tạo nên những biến đổi trên mặt thượng tầng và ý thức. Tuy thế, với sự phát triển của Lênin trong đó, đối với những nước chưa phát triển thì chính trị chính là khâu then chốt để xây dựng kinh tế : việc xây dựng ấy lại tỏ ra bất khả thi xét về lâu dài vì những biện pháp tập trung quá đáng, biểu hiện thành việc nhà nước khống chế toàn bộ đời sống kinh tế đã quay lại huỷ diệt cái động cơ phát triển. Chủ nghĩa tập thể ở đây, cùng đi chung với nó là sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất đã không thích hợp cho sự phát triển trong điều kiện xã hội đã vượt qua thời kỳ cách mạng để xây dựng trong hoà bình.

Một mâu thuẫn khác có ý nghĩa khá nghiêm trọng là mâu thuẫn giữa tập trung và dân chủ. “Tập trung và dân chủ” là hòn đá tảng trong tổ chức của đảng và đã được đem áp dụng cho toàn xã hội khi đảng đã cầm quyền. Dân chủ là thừa nhận sự khác nhau của nhiều khuynh hướng, nhưng khi đã tập trung rồi thì những khác nhau ấy phải được giữ kín trong sự “bảo lưu”, không được truyền bá, không được nói ra. Điều đó nếu hoàn toàn thích hợp với những hoạt động quân sự, cách mạng, chiến tranh thì lại hoàn toàn không mang đến hiệu quả trong những hoạt động kinh tế, văn hoá. Các tìm tòi về mặt khoa học và tư tưởng nếu không được tự do bộc lộ thì sẽ không tạo ra được cái không khí sáng tạo kích thích sự đổi mới liên tục. Các địa phương, cơ sở, cá nhân vì luôn luôn phải nhìn lên trên trông chờ chỉ thị, sẽ không dám tự ý tháo gỡ những vướng mắc nảy sinh trong quá trình hành động, vì thế sẽ không tránh khỏi chìm ngập vào trong vũng bùn trì trệ, xơ cứng. Đối mỗi đích thực bao giờ cũng là kết quả của những cái gọi là “xé rào” thường bao giờ cũng bị buộc phải trả giá đắt.

Sau hết là mâu thuẫn giữa các thành phần tạo ra bản thân cái cơ cấu quyền lực của chế độ. Mặc dù là một tổ chức dựa trên một ý thức hệ độc nhất, nhưng thực tế vẫn bao gồm nhiều thành phần khác nhau (các tầng lớp, các ngành nghề, các địa phương) nên vẫn phải có cách thoả thuận nào đó để giữ được sự nhất trí trong hành động. Tuy thế, do cơ chế ấy nghiêng về tập trung để bảo vệ việc thiết lập kế hoạch, nên trong những hoàn cảnh nào đó, việc thiết lập kế hoạch không suông sẻ thì tất yếu sẽ xảy ra những khuynh hướng ly tâm trong các thành phần nói trên. Cái mà người ta quen gọi là “cấu tạo” trong các tổ chức đảng và nhà nước (bao gồm các địa phương, đoàn thể, ngành nghề...) đều dần dần trở thành hình thức, không phản ánh tính chất lỏng lẻo bên trong những tổ chức ấy.

Tất cả những mâu thuẫn trên đây cho chúng ta thấy cái cơ chế tập trung đặc biệt cộng sản mà người ta thường gọi là “toàn trị ý thức hệ” (22) để phân biệt với những hình thức chuyên chế khác, đã chứa trong bản thân đó những nhân tố làm vô hiệu hoá tính thống nhất của nó một cách dai dẳng : thay vì được bộc lộ ra ngoài để giải quyết nhanh chóng thì chúng lại luồn sâu vào trong làm cho nội bộ ngày càng ruộng nát nhưng bên ngoài thì vẫn nguyên vẹn. Trong những trường hợp khủng hoảng thì những mâu thuẫn nội tại ấy sẽ tìm cách phá vỡ phần nào cái vỏ xơ cứng và bộc lộ ra bằng những hình thức mà người ta gọi là “xé rào”, “vô kỷ luật”, rất thường gặp trong cách nói năng, viết lách hoặc hành động không chịu theo những khuôn phép đã quy định. Thông thường những hành vi và lời nói như thế bao giờ cũng bị “phê phán”, trấn áp khá dữ dội, nhưng sau đó thế nào cũng sẽ được đưa vào Nghị quyết mới dưới một hình thức nào đó với

tư cách là “tư duy của tập thể đảng”. Cuộc vận động cải cách trong chế độ cộng sản vì thế bao giờ cũng chậm chạp và mang tính chất tranh giành quyền lực nội bộ rất gay gắt, nhiều khi đẫm máu.

## Những hiện tượng xé rào

Có thể gọi sự phác thảo trên đây là một thứ cơ chế thay đổi đặc biệt của chế độ cộng sản. Tuy thế có điều cần lưu ý là cơ chế ấy đã tùy theo tình hình mà biểu hiện. Vào thời điểm 1979, chúng ta thấy những chuyển động trong bản thân đảng cộng sản Việt Nam đã bị quy định bởi một số tiền đề khách quan sau đây :

◊ Chính sách trả đũa của Mỹ đã gây cho Việt Nam những khó khăn trầm trọng, nhưng xét về mặt uy tín và văn hoá thì lại không có gì đáng kể — dù sao Mỹ cũng tàn phá không thương tiếc Việt Nam và đã thất bại về sự tàn phá đó. Những người Việt Nam sang Mỹ hoàn toàn có lý do của mình để phất cao ngọn cờ “chống cộng” nhưng đối với suy nghĩ chung của người trong nước thì những người Việt Nam ấy đã trở nên những con người của quá khứ — họ cũng chỉ là sản phẩm thất bại của Mỹ thôi. Hành động có ý nghĩa của những người trong nước (được Mỹ cổ vũ) là vượt biên, nhưng chúng ta đã biết, đó chỉ là những hành động tuyệt vọng, mặt khác nó tạo ra một tâm lý xỉ hơi, một lối thoát ở ngoài cho những khó khăn bên trong.

◊ Cuộc chiến tranh với Trung quốc cũng có một tác động tương tự. Tuy có tác động phân hoá hàng ngũ đảng, nhưng so với truyền thống chống Bắc phương của người Việt Nam thì vẫn được chấp nhận trong xã hội. Xét về một mặt khác, điều đó cũng lại là một kích thích mới cho những canh tân tư tưởng và văn hoá. Nương theo đường lối chống “bành trướng Bắc kinh”, những trí thức và văn nghệ sĩ đã đặt vấn đề chống chủ nghĩa Mao ít ở Việt Nam, điều mà những người lãnh đạo đảng không công khai thừa nhận nhưng trong thực tế đã đè nặng lên đời sống tinh thần của Việt Nam từ lâu, nay vẫn chưa chấm dứt (23).

◊ Việc Việt Nam ngã hẳn sang phía Liên xô, trong bối cảnh ấy, đã có tác dụng thuận lợi cho xu hướng cải cách : trong sự giới hạn về tư duy lúc bấy giờ, dù sao chủ nghĩa xã hội thực hiện theo kiểu Liên xô vẫn nhân đạo hơn, cởi mở hơn (24) và điều đó đã giả định trên phương diện giá trị, vẫn tồn tại một thứ mô hình nào đó mà người ta vẫn có thể noi theo, một thứ học thuyết về “chủ nghĩa xã hội” chân chính nào đó mà người ta có thể “vận dụng”. Có hiểu điều này chúng ta mới hiểu được cái hướng cải cách bấy giờ ở Việt Nam vẫn chưa thoát khỏi cái mà người ta gọi là những “điều chỉnh” hoặc những “cải cách xã hội chủ nghĩa”. Và đây chính là hợp điểm để các xu hướng khác nhau trong đảng tạo ra được Nghị quyết tháng 9-1979.

Tất nhiên, như chúng ta đã biết, để có được quyết định công khai ấy, trong đảng và xã hội đã diễn ra không ngừng những hoạt động tạo ra áp lực ngày càng mạnh mẽ mà chúng ta có thể kể ra một số hiện tượng đáng lưu ý như sau :

**Về mặt kinh tế :** Cùng với phản ứng tiêu cực của toàn bộ xã hội (lấn công, ăn cắp...) các hành động thực hiện chống lại đường lối chung (kiểu Kim Ngọc ở Vĩnh Phú hồi thời còn chiến tranh) vẫn tiếp tục. Những gì xảy ra ở miền Nam, bên những kiểu cách đó, đã biểu hiện được thành một phong trào có quy mô lớn, diễn ra công khai và được những người lãnh

đạo địa phương ủng hộ lúc khởi đầu. Nhiều người đã viết về đề tài này, ở đây chúng tôi không đi sâu vào mà chỉ dẫn ra một số thí dụ được ông Nguyễn Văn Linh, Bí thư thành uỷ lúc bấy giờ xác nhận : “ ... đầu năm 1979 (tôi nhấn mạnh, LP) đã xuất hiện một số mô hình tháo gỡ trong một số cơ sở sản xuất công nghiệp như Công ty bột giặt miền Nam, Xí nghiệp thuốc lá, Dược phẩm 2-9, Nhà máy bia Sài Gòn, Xí nghiệp Dược thú y, Xí nghiệp dệt Thành công, Phong phú, Phước Long, Thắng Lợi, Dệt day 13, Xí nghiệp cơ khí Caric, Silico, Vinappo, Sinco, vv... Điển hình là Công ty bột giặt miền Nam đã tổ chức lại sản xuất, liên kết với nhiều tỉnh miền Tây và miền Trung khai thác nguyên liệu, trao đổi thành phẩm, xây dựng phương án xuất ngoài kế hoạch, pháp lệnh, nâng cao được thu nhập cho công nhân bằng áp dụng lương khoán, lương sản phẩm, vận dụng các chế độ thưởng linh hoạt hơn, giải quyết cho công nhân thêm cho nhiều mặt hàng ngoài 10 mặt hàng cung cấp theo định lượng, giải quyết bữa ăn...” (25).

Qua sự trình bày trên, người ta thấy nội dung “ tháo gỡ ” về mặt kinh tế đã mang ý nghĩa chống tập trung quá đáng theo mô hình “ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ” áp đặt vào miền Nam : đó chính là phản ứng tự nhiên của sản xuất muốn mở rộng, giao lưu, nó không chấp nhận đường lối bất mọi thứ phải tập trung vào nhà nước, còn nhà nước thì cái gì cũng muốn nắm, cái gì cũng muốn phân. Đây chính là những cựa quậy ban đầu để dần dần tiến tới đòi quyền tự trị cho cơ sở được phát triển về sau. Chủ trương “ tháo gỡ ” này bắt đầu từ thành phố Hồ Chí Minh (chứ không phải nơi nào khác) đã mang ý nghĩa đặc biệt : nó xuất phát từ trung tâm kinh tế, văn hoá của một miền đất đã có truyền thống lâu năm về tiếp cận với những biến chuyển nhanh chóng của thế giới, đã từng một thời hội nhập với thế giới trong phát triển toàn diện. Đè bẹp cái khuynh hướng tự nhiên ấy, và nhân danh một mô hình sản xuất lạc hậu, thấp kém để đè bẹp nó, là điều không thể được.

**Về mặt tư tưởng, nếp sống :** Đồng thời với việc chống áp đặt kinh tế cũng đã xuất hiện xu hướng của những người tham gia cách mạng ở miền Nam (vào chiến khu cũng như ở nội thành), nhân danh tính đặc thù của miền Nam để chống lại sự xâm nhập của lề lối quản lý hẹp hòi, mang từ miền Bắc vào đối với những vùng gọi là “ mới giải phóng ”. Vào lúc bấy giờ, đây là một hiện tượng đáng chú ý, đặc biệt với lệnh giải tán Trung ương cục R và sau đó không kèn không trống khai tử cái gọi là “ Chánh phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam ”. Tuy mang màu sắc “ kỳ thị Bắc Nam ” (vốn là vấn đề ngày càng tỏ ra giả tạo), nhưng bấy giờ ý nghĩa chính trị và tâm lý của sự phản ứng đó rất là rõ rệt : nó không chấp nhận bị áp đặt bởi một nếp sống — gọi là “ văn hoá xã hội chủ nghĩa ” mang đầy những sự lạ lẫm, kém cỏi. Các hiện tượng sau đây có lẽ sẽ không bao giờ xoá được khỏi ký ức con người vào cái thời cực kỳ đen tối ấy : cùng với việc đi truy lùng, tịch thu (và cả phá phách) những thứ gọi là “ chiến lợi phẩm ”, người ta bắt đầu tiến hành những chiến dịch cải tạo rầm rộ như chặn đường xe gắn máy, cắt quần thanh niên, chặn đường rút xăng trong xe gắn máy (để gọi là chống nguồn tiêu thụ xăng nhà nước), (có nơi) bắt xe đạp phải mang biển số, nhập kinh thánh và từ điển vào hàng sách “ đòi truy và phản động ” cần phải tịch thu... Tất cả đều nhân danh cho một cái gì đó gọi là “ cách mạng ”, “ lành mạnh ”, “ tiến bộ ” nhưng tất cả đều tỏ ra kỳ quái, lóm thóm, thấp kém đến chỗ khó tưởng tượng ra được là như thế.

Những người cầm bút ở miền Nam lúc bấy giờ (phần đông đều là những thành phần tham gia cách mạng “ tại chỗ ”) đã bày tỏ sự bất bình một cách công khai và gay gắt trong các cuộc họp hoặc trên báo chí. Nguyễn Trọng Văn (lúc bấy giờ ở Hội Trí thức yêu nước) đã phát biểu thẳng thừng rằng những hành vi trịch thượng, ngu dốt của những cán bộ luôn luôn gồng lập trường lên để dạy dỗ người khác đó chính là một thứ chuyên chính gọi là “ chuyên chính vô học ”. Tạp chí *Đứng dậy* của Nguyễn Ngọc Lan đã đề hãn một số đặc biệt (26) đả kích thái độ chụp mũ bừa bãi trong những cuốn sách, bài báo gọi là “ phê phán văn hoá thực dân mới ” nhưng nhìn đâu cũng thấy những “ tàn dư ” của Mỹ nguy, cố ý bôi nhọ cả một miền đất đã không ngừng biết giữ phẩm giá của mình trong những hoàn cảnh khắc nghiệt. Hiện tượng cán bộ đảng biến chất, xa rời thực tế, xa rời nhân dân, đẩy đất nước vào nghèo khổ, lạc hậu cũng đã được báo Tin Sáng của Ngô Công Đức vạch ra trong mấy số (27). Đó không phải là sự phê phán nhằm những sự kiện rời rạc mà còn muốn báo động với xã hội hiện tượng suy thoái của một đảng cách mạng khi bắt đầu nắm được chính quyền.

Những phê phán trên đây đã gây nên những phản ứng quyết liệt trong giới quan chức có nhiệm vụ gác cổng về mặt tư tưởng cho đảng ; tất cả đều đã bị kết án gay gắt bằng những các chữ nghĩa chết người như : “ phản động ”, “ chống đảng một cách tinh vi ” vv...

Cũng về mặt văn hoá, vào lúc bấy giờ ở miền Bắc đã xảy ra hiện tượng **chống chủ nghĩa Mao** trong văn nghệ, mang tính lý luận khá căn bản mà ảnh hưởng của nó đã kéo dài mãi đến sau này. Khởi đầu là bài viết của Hoàng Ngọc Hiến đăng trên báo Văn Nghệ (28) để tiếp ngay sau đó là **Đề cương đề dẫn về sáng tác văn học** do Nguyễn Ngọc (29) trình bày tại Hội nghị đảng viên tổ chức tại Hà Nội vào tháng 6-1979, một bên là ý kiến của một nhà nghiên cứu, một bên là gợi ý của một nhà văn được cấu tạo vào đội ngũ lãnh đạo, nhưng cả hai đều thống nhất với nhau trên lập luận cho rằng phải đưa việc phê phán chủ nghĩa Mao trong lĩnh vực chính sang văn nghệ, phê phán luận điểm “ văn chương phục vụ chính trị ”, “ văn nghệ phản ánh hiện thực ”, từ đó trả lại cho văn nghệ chức năng riêng biệt của nó là sáng tạo ra một thế giới có cá tính và tự do. Tất nhiên các bài viết này, xuất hiện vào lúc bấy giờ, vẫn chưa dám vượt khỏi ngưỡng cửa của đường lối chính thống, nó chỉ nhân danh đường lối ấy để chần chỉnh những cái quá ngô nghê, thô bạo ; tuy vậy khi xuất hiện, chúng cũng bị những người lãnh đạo cao cấp coi là một thứ “ tà khí ” cùng với những thứ tà khí trước đó, góp phần “ phủ định những thành tựu văn học trong chiến tranh ”, và “ dao động ngay trên những nguyên tắc cơ bản của nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa ” (30).

Hiện tượng bị đả kích ấy thật ra quy mô không lớn lắm, sự phê phán không mang tính trực diện như những gì đã xảy ra trước đó (Nhân văn Giai phẩm) và sau đó (văn nghệ đổi mới sau 1986), nhưng sở dĩ nó làm cho những người lãnh đạo đảng tức giận là do những thứ lý luận đó đang muốn đưa văn nghệ ra khỏi cái thân phận làm những người cần vụ cho đảng, hoặc đang toan tính không thừa nhận tính chất “ tuyệt vời ” trong cái hiện thực do đảng tạo ra bằng cuộc cách mạng gọi là “ xã hội chủ nghĩa ” của mình. Cũng như trong kinh tế, văn nghệ cũng đã bắt đầu không chịu nổi cái cơ chế từ lâu đã không còn giữ được tính hợp pháp để lãnh đạo xã hội, nhất là lãnh đạo đời sống tinh thần một cách thực dụng, hẹp hòi.



## Hội nghị Trung ương 6, khoá IV, tháng 9-1979

Nghị quyết này có phần nói hẳn về kinh tế mang tên *Về phương hướng nhiệm vụ phát triển hàng công nghiệp tiêu dùng và công nghiệp địa phương* nhưng có một phần khác toàn diện hơn gọi là Tình hình nhiệm vụ cấp bách (31), qua đó người ta thấy nổi bật lên mấy quan điểm nhận thức :

◊ Việc đánh giá tình hình đã trở nên thực tế hơn, chứ không quá “ tếu ” như trước ; đà trượt của chiến tranh cũng đã được tính đến (mất viện trợ Mỹ, chiến tranh biên giới) cùng với những hậu quả gay gắt (nạn thất nghiệp, đời sống sút kém...). Tiềm năng của miền Nam do Mỹ để lại có lúc được cán bộ “ hồ hởi ” đón nhận như là một thứ chiến lợi phẩm dùng đó làm bàn đạp tiến nhanh thì nay đã được đánh giá lại một cách vừa phải hơn sau một thời gian làm cho thất thoát, hư hỏng.

◊ Việc đánh giá những sai lầm chủ quan của lãnh đạo cũng được đề cập thẳng thắn hơn : từ bệnh duy ý chí, muốn đổi giai đoạn, bất chấp quy luật đến sự suy thoái của cán bộ và phương pháp quản lý thiếu hiệu lực đều được nêu ra. So với trước đây, đó là một bước tiến lớn vì đã phần nào đỡ huênh hoang hơn, đỡ ngạo mạn hơn.

Chính từ những đánh giá trên đây mà những biện pháp đưa ra cũng tỏ ra thiết thực hơn. Cùng với tư thế “ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ” (chiến tranh với Trung quốc), việc chống các hiện tượng tiêu cực (ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng) cũng được đặc biệt nhấn mạnh bên cạnh nội dung chính yếu về kinh tế với một số điểm căn bản sau đây :

◊ Tháo gỡ một số hạn chế trong các chính sách, chế độ quản lý để các khu vực quốc doanh, tập thể, lưu thông phân phối “ bung ra ” hoạt động. Nhưng việc “ bung ra ” ấy, theo Nghị quyết thì phải có kế hoạch, chứ không muốn làm gì thì làm. Thực chất đây chỉ là những biện pháp gỡ bó, cho phép các cơ sở sản xuất tự xoay xở tìm nguyên liệu, vật tư, thị trường, vốn liếng để chấm dứt tình trạng nhà máy bị đóng cửa, công nhân không có việc làm, sản xuất bế tắc, đời sống thấp kém vốn là những hiện tượng phổ biến vào lúc bấy giờ.

◊ Cho phép những thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và tập thể hoạt động gọi là để “ tận dụng ” mọi khả năng về lao động, kỹ thuật, vốn liếng có lợi cho sản xuất. Biện pháp này không phải mới nhưng nay nhắc lại cũng là để gỡ bó phần nào cho sự thất bại quá rõ rệt của khu vực quốc doanh trong việc đáp ứng các nhu cầu thiết thực của xã hội. Cần chú ý là về mặt lý luận, những biện pháp này chỉ được chấp nhận trong thời kỳ quá độ, chứ không phải là vĩnh viễn. Vì thế ngay trong khi thừa nhận sự cần thiết của các thành phần tư nhân thì cũng chỉ trong lĩnh vực sản xuất thôi, hơn nữa chỉ cho phép những xí nghiệp loại nhỏ, vừa hoạt động chứ không phải là tất cả. Đặc biệt tư thương thì phải xoá bỏ. Nói chung nếu để cho các thành phần tư nhân, cá thể (gọi là phi xã hội chủ nghĩa) lấn áp, xói mòn những thành phần quốc doanh, tập thể (gọi là xã hội chủ nghĩa) là sai lầm về quan điểm.

◊ Tất cả những biện pháp trên đây đều xuất phát từ quan điểm lý luận về thời kỳ quá độ là vận dụng các quan hệ thị trường để bổ sung cho kế hoạch nhưng không để cho thị trường chi phối sản xuất một cách “ tự phát ” như trong chủ nghĩa tư bản, vì thế khi nói đến thị trường thì phải phân biệt thị trường có kế hoạch với thị trường ngoài kế hoạch để sử

dụng cái thứ hai “ bổ sung ” cho cái thứ nhất. Còn cái gọi là “ thị trường có kế hoạch ” thì chỉ có nghĩa là để cho các cơ sở sản xuất quốc doanh tự xoay xở, tự kinh doanh theo cách thức của thị trường, có hạch toán lời lỗ chứ không hoàn toàn là mặt bằng thụ động, tùy thuộc vào cơ chế “ giao nộp cấp phát ” như cũ. Thị trường có kế hoạch chỉ là một cách diễn tả về mặt lý luận mấy chữ “ kinh doanh xã hội chủ nghĩa ” thôi : nó chỉ dừng lại ở chỗ trao đổi hàng hoá chứ chưa phải được quan niệm rộng rãi như hiện nay, ngoài thị trường hàng hoá còn có thị trường vốn, lao động, kỹ thuật... nữa.

Nghị quyết còn đề cập nhiều vấn đề khác nữa (ngoại thương, quốc phòng, làm chủ tập thể...) nhưng trọng điểm của nó vẫn là kinh tế mà nội dung cốt lõi của nó không có gì khác hơn là hợp pháp hoá những thí nghiệm “ xé rào ” của một số địa phương, một số ngành trước đây, hợp pháp hoá bằng cách đặt ra những giới hạn mang tính nguyên tắc để những hành động ấy không tái diễn nữa, hoặc không vượt qua. Theo ngôn ngữ của guồng máy, người ta gọi đó là “ lãnh đạo ”, theo nghĩa là sau khi đã chạy theo sự kiện người ta liền gò các sự kiện ấy vào những định hướng mang tính ý thức hệ và kỷ luật của tổ chức (32). Đúng như Nghị quyết đã khẳng định : đó chỉ là một thứ nhiệm vụ “ cấp bách ” đưa ra để đối phó với tình hình đã bị đẩy tới chân tường.

Ý nghĩa đó của Nghị quyết tháng 9-1979 sẽ bộc lộ rõ hơn khi chúng ta đặt nó vào toàn bộ đường lối của đảng từ Đại hội IV (tháng 12-1976) đến cuối Đại hội V (cuối năm 1985) mà những nội dung sau đây là rất nhất quán :

◊ Trước sau vẫn coi Liên xô là chỗ dựa vững chắc về mọi phương diện, cho nên những thay đổi về lý luận ở Liên xô đều được giới thiệu, học tập ở Việt Nam. Trong khi đó thì Trung quốc vẫn bị coi là kẻ thù “ trực tiếp ” lúc nào cũng phải chuẩn bị để đối phó. Do việc chiếm đóng Kampuchia kéo dài, Việt Nam tiếp tục bị cô lập trên thế giới, do đó dù có được Liên xô viện trợ, việc xây dựng trong nước vẫn tiếp tục bất lợi. Chỉ khi sau Đại hội VI một thời gian, mối quan hệ giữa Liên xô với Trung quốc trở nên hoà hoãn lại, Việt Nam chấp nhận rút quân khỏi Kampuchia thì mối quan hệ của Việt Nam với thế giới mới được cải thiện, có lợi cho xây dựng.

◊ Trong xây dựng, đường lối vẫn tiếp tục đi theo chiến lược đã vạch, dựa theo đường lối ngoại giao đã nói trên. Thân Liên xô cho nên mọi chuyển động từ Liên xô đều được giới thiệu, vì vậy mô hình Xtalin cũng dần dà bị pha loãng bớt vào thời Brejnev ; chống Trung quốc nên việc chống chủ nghĩa Mao về *mặt dân tộc* (bành trướng) đã có ảnh hưởng gỡ bớt những phần khác của chủ nghĩa Mao đã xâm nhập vào Việt Nam trong thực tế. Tuy vậy, tất cả những thuộc tính của một thứ “ chủ nghĩa xã hội ” du nhập vào Việt Nam từ thời chiến tranh và bị cuộc chiến tranh khốn nạn khá nặng nề thì vẫn giữ nguyên “ truyền thống ” của nó : ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, công hữu về tư liệu sản xuất, chủ nghĩa tập thể, tập trung dân chủ, nông trường vô sản bản cố nông, tư duy làng xã xa lạ hoàn toàn với những biến đổi của thế giới... Chính những thuộc tính mang tính hầu như “ bản chất ” của đảng cộng sản Việt Nam đã giải thích việc, mặc dù đã có Hội nghị tháng 9-1979 với những tháo gỡ nào đó, sau đó liên tục người ta vẫn đặt vấn đề đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa (33) hoặc thúc đẩy phải hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp vào năm 1985 (34).

◊ Về mặt ý thức hệ thì đường lối trên đây càng rõ ràng hơn. Mặc dù đã có không ngớt những cựa quậy trong giới văn

nghệ sĩ (đặc biệt trong giới làm văn học) đòi nói lỏng vòng kiểm soát của đảng đối với tư tưởng, mặc dù mô hình “ chủ nghĩa xã hội ” nửa Xtalin nửa Mao đã bị sự cọ xát giữa Liên xô Trung quốc làm bớt đi tính cực đoan, nhưng những nguyên lý sơ khai về “ chủ nghĩa xã hội ” đối với đảng cộng sản Việt Nam, nhất là áp dụng vào lĩnh vực chính trị và văn hoá trong nước, nội bộ thì vẫn không hề suy xuyển trên những nét căn bản. Tất cả những nỗ lực tìm tòi trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, một phần nào triết học để làm cho những giáo điều cũ bớt thô thiển đi, mang được một phần nào hơi hướng mềm mỏng hơn, vẫn bị những người lãnh đạo đảng liệt vào những thứ “ xét lại ”, “ tu sản ”, “ tiểu tu sản ” thù địch với hệ tư tưởng Mác-Lênin. *Có thể thay đổi về cách làm kinh tế, có thể bắt tay cả với những kẻ thù về mặt chính trị, nhưng nhất quyết phải đập tắt từ trứng nước những xu hướng khác nhau nảy sinh trong nội bộ - truyền thống mang tính “ quốc tế ” này, những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam không bao giờ quên.*

Như vậy nếu đặt Nghị quyết tháng 9-1979 vào đường lối chung của hai Đại hội (IV và V), chúng ta thấy những cái gọi là “ đổi mới ” ở đây chỉ có nghĩa là *nhân nhượng chiến thuật*, qua những nhân nhượng ấy, đảng vẫn hy vọng bảo vệ được những nguyên lý gọi là “ khoa học ”, “ phổ biến ” của mình (“ dĩ bất biến ứng vạn biến ” — như ông Hồ Chí Minh hay nói). Nhưng vấn đề không giản đơn. Những nhân nhượng ấy đưa ra trong tình thế mà sự khủng hoảng đã đi đến tột độ, tuy có “ tháo gỡ ” được cái ngòi nổ, nhưng tác dụng lại hoàn toàn không góp phần giữ nguyên được những nguyên lý ấy. Những mâu thuẫn căn bản trong bản thân chủ nghĩa cộng sản cũng không giải quyết được và đối với xã hội Việt Nam thì những mâu thuẫn ấy lại trở nên căng thẳng hơn : một bên là cái nhu cầu về hiện đại hoá của đất nước ngày càng trở nên bức bách, một bên là một quan niệm về quản lý và tổ chức xã hội dựa trên một ý thức hệ ngày càng tỏ ra lạc hậu, lỗi thời. Những gì diễn ra sau Nghị quyết tháng 9-1979 cho mãi đến trước Đại hội VI tháng 12-1986 đã chứng minh cho điều đó. (còn tiếp)

### Lữ Phương

(15) Ông Phạm Văn Đồng phát biểu tại Paris tháng 4-1977 : “ Về phần chúng tôi, chúng tôi sẽ làm điều đó (quyết tâm xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn) để chứng minh cho các dân tộc khác, những dân tộc bé nhỏ, những dân tộc trung bình, những dân tộc chưa phát triển rằng họ cũng có thể làm được điều đó ” (Bulletin de l'Association d'Amitié Franco-Vietnamienne, Mai 1977). Xem Alain Ruscio : *Vivre au Vietnam*, Editions sociales, Paris, 1981, p. 59

(16) Sau hiệp định Paris 1972, ông Tố Hữu vào Nam, nói chuyện với cán bộ R (Trung ương cục miền Nam) ông đã làm người ta bùng bùng với những lời lẽ sau đây : *Việt Nam không có gì phải sợ Nhật ; sự hưng thịnh của Nhật là sự kết hợp giữa chủ nghĩa quân phiệt với khoa học kỹ thuật ; ta có chủ nghĩa anh hùng cách mạng cao hơn Nhật nhiều lần, nếu chịu khó gấp rút tiếp thu khoa học kỹ thuật thì không mấy chốc mà trở thành cường quốc. Theo ông Tố Hữu thì xét về tinh thần, thế giới hiện nay chỉ có Việt Nam là “ ngon ” nhất, vì Việt Nam là “ lương tâm của loài người ”, mỗi sáng mở mắt thức dậy rất nhiều người Tây phương đã mong mỏi có thể biến thành người Việt Nam. Cái ý ghê gớm nhất của ông là : Việt nam có thể khởi đầu một cái gì có thể giống như một “ thời phục hưng ” vậy !*

(17) Trong bài nói chuyện trước Hội nghị cán bộ chuẩn bị kỷ niệm 50 năm ngày thành lập đảng (tổ chức tại Hà Nội vào cuối tháng 7-1979), trước tình hình căng thẳng vào lúc bấy giờ ông Lê Duẩn vẫn phát biểu hùng hồn về nỗi ước mong của ông rằng *dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, người Việt Nam sẽ trở thành con người tiêu biểu cho văn hoá, mà văn hoá theo ông là tình thương, tình thương là*

*cách mạng, là cái alternative (ông dùng tiếng Pháp) thay cho tôn giáo. Ông cho biết ông đã nói với các nhà tu hành rằng : chúng ta không cần paradis, không cần nirvana, chúng ta vẫn có thể xây dựng hạnh phúc ở trần gian. Theo ông, cái chìa khoá mở cửa vào cái thiên đàng hạ giới ấy chính là quyền làm chủ tập thể (ông phê phán Lênin chưa biết điều đó), là cái motivation để chủ nghĩa xã hội chiến thắng chủ nghĩa tư bản về mặt tinh thần. Những khó khăn vào lúc bấy giờ (ăn bo bo) không đáng căng thẳng, nhưng linh tính không giải quyết được gây ra lộn xộn, làm yếu tinh thần, xao xuyến tâm lý !*

(18) Báo cáo chính trị Đại hội IV (Học tập tháng 12-1976, tr. 46)

(19) Ông Đỗ Mười, tổng bí thư đảng khoá VII, đã nói trong một cuộc gặp gỡ cán bộ, trí thức tại thành phố Hồ Chí Minh (ngày 8-9-1991) : *Trước đây khi đề cập đến món nợ 8 tỷ USD trong chiến tranh, tôi đã nói với những người lãnh đạo Liên xô : các anh đã giúp vũ khí cho chúng tôi đánh giặc, chúng tôi thắng là chính các anh thắng. Hơn nữa mỗi khi hạ được những vũ khí mới như kiểu cánh cụp cánh xoè thì ta chở qua Liên xô. Cũng nhờ mười mấy năm ta đánh Mỹ mà Liên xô mạnh hẳn lên. Cần phải xoá món nợ ấy đi. Lẽ ra Liên xô phải trả thêm cho Việt Nam 10 tỷ nữa kia !*

(20) Ông Phạm Văn Đồng trước năm 1975 cũng hay nói đến đề tài này. Sau khi chiến thắng đề tài đó được tiếp tục khai thác. Ông Văn Tiến Dũng đã viết trong *Đại thắng mùa xuân* (Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1976, tr.320) : “ Sức mạnh phối hợp của cả nước và tài tổ chức làm nên cuộc toàn thắng lịch sử sẽ làm nên những kỳ tích trong cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước ta ”. Cái lôgic ở đây là : hễ làm được cái này ắt cũng làm được cái kia.

(21) Có nơi đi đào kênh làm thủy lợi, khi đào xong, nước không lên tới vì không tính đến độ dốc của đất, còn nơi nào nước vào được thì cả một vùng cây trái bị chết vì nhiễm phèn.

(22) Xem Hannah Arendt : *The Origin of Totalitarianism*, The World Publishing Company, Cleveland & New York, 1958.

(23) Sau cuộc chiến tranh biên giới với Trung Quốc ở Việt Nam đã xuất hiện khá nhiều sách chống chủ nghĩa “ bành trướng Đại hán Mao-ít ”, nhiều nhất là dịch từ Liên Xô.

(24) Lúc bấy giờ, các *Tập bài giảng về quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa* của các giáo sư Liên Xô tại Trường Quản lý kinh tế trung ương đã được in và phổ biến rộng. Trong văn học, cuốn tiểu thuyết *Chuyến thường ngày ở huyện* của Oveskin có nội dung chống các hiện tượng quan liêu trong xã hội Liên Xô, đã được dịch và được chào đón nồng nhiệt ở Việt Nam.

(25) Nguyễn Văn Linh : *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*, Sự Thật, Hà Nội, 1985, tr. 104.

(26) ĐD : *Mấy ý kiến về vấn đề chống văn hoá thực dân mới*, Đứng Dậy, Xuân 1978.

(27) Lữ Phương : *Bản chất của Đảng*, Tin Sáng, 6.6.1979 ; *Sức mạnh của đất*, Tin Sáng, 6.1979.

(28) Hoàng Ngọc Hiến : *Về một đặc điểm của văn học và nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua*, Văn Nghệ số 23, 29.6.1979.

(29) Nhà văn quân đội, được đề bạt làm bí thư Đảng đoàn Hội nhà văn, chuẩn bị tổ chức Đại hội Hội nhà văn lần thứ 3. Nguồn cảm hứng khiến ông xây dựng *Đề dẫn* là những điều trông thấy trong cái gọi là “ chủ nghĩa xã hội ” thực hiện theo mô hình của Mao ở Kampuchia : đó là một thứ chủ nghĩa xã hội đàn bầy, ở đó không những không xài tiền, mà nhà của cũng không có số nữa. Sau khi trình bày *Đề dẫn* ông bị gạt ra khỏi “ cấu tạo ” lãnh đạo, để sau Đại hội VI trở lại là tổng biên tập báo Văn Nghệ.

(30) Hà Xuân Trường : *Sự nghiệp văn hoá, văn nghệ dưới ánh sáng của Đại hội V*, Sự Thật, Hà Nội, 1983, tr. 63.

(31) Xem : - Lê Thanh Nghị : *Một số vấn đề phát triển công nghiệp sản xuất và công nghiệp địa phương*, Tạp chí Cộng Sản, số 11-1979; - Tố Hữu : *Năm chắc đường lối của Đảng, vững bước tiến lên*, Tạp chí Cộng Sản, 1-1980; - *Mấy vấn đề kinh tế cơ bản dưới ánh sáng của Nghị quyết 6*, Thông tin Lý luận, số 3-1980.

(32) Có một vị uỷ viên Trung ương Đảng đã phát biểu trong một Hội nghị trung ương : “ *Đảng ta luôn luôn chạy theo để giải quyết những chuyện đã rồi, tôi chẳng thấy Đảng đi tiên phong bao giờ cả* ”.

(33) Nguyễn Văn Linh, sdd, tr 152-153.

(34) Xã luận, TCCS số 11.1982

# Cái lo mất gốc sao bằng cái lo lạc hậu

**L. T. S. Báo Tuổi Trẻ** tháng 9 vừa qua mở ra diễn đàn “Thanh niên bảo vệ và phát triển văn hoá dân tộc” với một bài dẫn của nhà văn Sơn Nam. Ngày 16. 9, báo trích đăng lá thư ngỏ “Cái lo mất gốc sao bằng cái lo lạc hậu” của bạn Nguyễn Văn Tiến Hùng gửi nhà văn lão thành. Với một giọng cười cợt, bài viết đặt ra nhiều vấn đề... hắc húa cho những ai quan tâm tới vấn đề, nhưng lại tạo sự phản hồi mạnh mẽ từ đồng đảo bạn đọc **Tuổi Trẻ**.

Nguyễn Văn Tiến Hùng viết thư ngỏ gửi Sơn Nam nhưng lại nói với những ai. Bác sĩ Bùi Mộng Hùng, người thầy võ của **Diễn Đàn**, bèn mượn ngay sức đẩy, đi thêm một đường...

Để bạn đọc rộng đường tham khảo, **Diễn Đàn** cũng xin đăng lại bài của Tiến Hùng và một bài trả lời, của N.V.H. trên **Tuổi Trẻ** ngày 23. 9. 1995.

Sài Gòn đêm 7.9.1995

Thưa cụ,

Tôi sinh ra ở đồng bằng, có thể trên một chiếc xuồng chèo giữa cơn ngược nước : má tôi đón đầu và ba tôi quấy mái chèo trong nỗi tuyệt vọng... Rồi lớn lên không chỉ bằng “phù sa sông nước” mà bằng vị mặn của mồ hôi tháo đổ, bằng bòn rút sức lực kiệt cùng của mẹ cha trên cái đồng bằng thảo thức sinh lây, chất chứa những âu lo, nghèo khó.

Có thể tự hào rằng tôi thuộc dạng hậu sinh – đồng hương miền Tây với cụ. Cụ có lúc sống nhờ vào dòng sữa của một người Khơme, lớn lên trong trời đất triển miên của hai cuộc chiến rồi trụ lại hoá thành người Sài Gòn. Thế hệ trẻ – tôi và bạn bè của mình – giờ cũng ngấp nghé làm người Sài Gòn, dù với đủ mọi vai trò : học hành, làm thuê muốn, bán buôn.

Vấn đề là chuyện cụ làm được những quyển sách khảo cứu để dựng dậy trong lũ trẻ chúng tôi và cả những người già lớp cụ – một miền quê tồn tại như những trang bị sử. Còn cái mà chúng tôi hôm nay sẽ làm là phải phóng tầm mắt xuyên lục địa, thu nhận hết mọi cái hiện đại (thông tin, kỹ thuật, công nghệ và v.v...) mà đích cuối cùng là làm hiện rõ một Việt Nam hôm nay cho thế hệ sau chúng tôi. Thưa, chắc cụ đồng ý ?

Nhưng cũng như ba má tôi, chắc cụ chẳng quên buông một lời nhắc dè chừng : “*Gì thì gì chứ ráng giữ, coi chừng mất gốc !*”. Tất nhiên, để vui lòng ba má và cụ, lũ tôi hứa đại, hứa tràn : “*Còn ăn cơm bằng đũa, dạ thua bằng tiếng Việt thì gốc vững trôn lo gì mất. Nhật hôm nay giàu có cỡ nào mà gốc có mất đâu ?*”. Âu cũng là lời nói gió bay : chuyện giữ gốc sao bằng cái lo lạc hậu tri thức, thiếu vốn bạc tiền, mất đi cơ hội... Ăn cơm bằng đũa mãi có khi thêm, lén ao ước một bữa ăn bánh pizza bằng dao nĩa ở nhà hàng ?

Vâng chúng tôi đang làm cái việc thời đại thúc bách phải làm là miệt mài với vi tính, ngoại ngữ... Thịnh thoảng có khi nhớ tiếng bìm bịp kêu báo bụi bờ nước lớn; cái xuống ba lá lúc lác cuộc đời..., lại phải cảnh tỉnh mình : mất phí thời gian hoài cổ, quê khó nghèo lây xa xôi quá rồi, bùn đất phải vuốt sạch bằng nước phôngtên kéo người ta cười. Lắm lúc trách mẹ cha để chỉ mình ra chốn thiếu thốn tứ bề không có tivi, đàn hát, nhạc hoạ để thua bạn bè, nay lại không có tiền cho con học thêm ngoại ngữ, mua máy vi tính... mà phải đi làm thêm cực nhọc, phạc phờ. Lỗi thật. nhưng thôi, giữ chí làm giàu để cháu con bớt khổ...

Đoạn đường chúng tôi lần dò cũng được bộn. Đoạn đường cụ trở về chắc cũng gần. Cái gốc còn lấp ló đâu trong chốn tâm linh.

Một lần nghe giọng cụ chân tình, chất phác ở Tao Đàn (dịp lễ 30 - 4). Ô lên với bè bạn : “*Sơn Nam !*”

Nhưng chợt xì hơi bởi không hiểu ý gì cụ lại khuyên người trẻ : “*Thôi lo học hành toán, lý, hoá, ngoại ngữ, tin học... chứ đừng làm thơ nữa. Đất nước đã nghèo mặt rệp vì văn chương thi phú như thế hệ chúng tôi...*” Có lẽ phút nào đó mỗi gối chồn chân, cái hồn mát của người già vô tình đổ lên lớp trẻ, âu cũng là một lời khuyên gọi phản biện (?). Vài người trẻ chúng tôi cãi nhau về chuyện đó. Cụ ơi, cái gốc, cái rễ có bị lung lay như thế không giữa cuộc đời ?...

... Chúng tôi có lúc cảm thấy mù mờ trong lựa chọn cái còn - mất giữa cuộc đời. Hình như có quá nhiều nguy hiểm để phân vân và trấn tĩnh chính mình. Có lúc trống lỗng máy móc tuôn tràn ngoại ngữ, bấm trên phím vi tính ngỡ mình đánh đàn tây. Cầm tiền nhiều khi thấy mặt tràn lên mắt. Đi hoài, đi hoài thấy cha mẹ xa trong mịt mờ đất nghèo. Ngửa cổ thấy mây không phải hình núi Thái Sơn, vầng sáng biển – chỉ thấy bấp tay kẻ mạnh vung lên đe dọa kẻ yếu, nghèo ; có cả hình tờ đôla, xe du lịch...

Các nhà văn hoá định nghĩa thì rối rắm, nhiều kê, chúng tôi thi cử, tranh đua, cần thì ráng thuộc. Cha mẹ tôi, anh chị làm nông, buôn bán của tôi chẳng hơi sức đâu nhú mắt, căng mảy với những định nghĩa đó.

Ngày nay người ta nói nhiều đến nội sinh, nội lực – cái cần để phát triển, giữ mình là nó. Cụ ơi, chúng tôi hình như yếu lắm, có chẳng từ mặc cảm cái nghèo, cái rách là lao cuồng điên đến đích giàu sang, bất chấp luật, lẽ. Nếu có ai hỏi “*Mày là ai ?*” – chưa đạt thành và còn quá yếu hẳn tôi chưa dám ngẩng mặt, vỗ ngực ồn ào rằng : “*Tôi, con người nông dân đói, nghèo !*”. Chưa hiểu gì về đất đồng sinh ra thì đừng đại xưng rằng : đồng hương nhà văn Sơn Nam.

... Nếu có một đơn đặt hàng rằng, cụ và các nhà văn hoá hãy làm gì để chuẩn bị nơi ươm mầm cho một nội lực phát sinh. Cụ sẽ trả lời ra sao, thưa người của “miệt vườn” ?

Cũng mong cụ đừng buồn nếu sách của cụ tôi mới chỉ đọc vài trang mỗi cuốn và gửi ở Thư viện Khoa học xã hội hơn một tháng rồi – số gửi 12.

Tôi phải học ngoại ngữ và làm thêm, thưa cụ !

**Nguyễn Văn Tiến Hùng**  
(sinh viên Trường Du lịch)

*Thư gửi một chú em không quen biết*

## Gốc rễ văn hoá và hiện đại

bùi mộng hùng

Chú Tiến Hùng,

Hẳn không là duyên thì là nợ, chưa biết duyên được bao nhiêu nhưng chắc rằng nợ quá nhiều. Tôi đỡ chừng chỉ vì cái nước phèn sông Trẹm lậm vào da vào thịt, vào xương vào tuỷ suốt cả thời thơ ấu cho nên đã nửa đời người uống nước phôngten vùng Paris rồi mà mới loáng thoáng nghe tới “ *phù sa sông nước* ” của cái miền Tây “ *sinh lây, chất chứa những âu lo, nghèo khó* ” là xoắn xang gan ruột.

### Một chút tình quê

Bữa được đọc bức thư ngỏ chú viết ở Sài Gòn đêm 7/9/95 đăng trong báo Tuổi Trẻ ngày 16/9/95 tôi đã bụng bảo dạ bỏ qua đi, coi như một chuyện qua đường cho rảnh. Nhưng sao cứ lẩn cấn như có gì không ổn. Hôm nay cầm lòng không đậu đành phải bật máy vi tính lên viết thư này cho chú. Và trước hết, xin xưng hô theo lối quê nhà, kêu chú là chú em. Về tuổi tác tôi nhỏ hơn nhà văn Sơn Nam chỉ ít năm.

Xét cho cùng, lòng dạ tôi xoắn xang vì vương chút tình đồng hương với chú và nhà văn Sơn Nam chỉ là một trong những nguyên do. Còn thêm lý do khác, ấy là chẳng biết cố ý hay vô tình chú đã chạm nọc đến những vấn đề căn bản cho thể hệ chú và vì vậy thiết thân cho cả dân tộc. Nào là “ *mặc cảm cái nghèo cái rách* ”, nào là “ *coi chừng mất gốc* ”, nào là câu hỏi ồm ồm, như đùa như thật : “ *... Nếu có một đơn đặt hàng rằng, cụ và các nhà văn hoá hãy làm gì để chuẩn bị nơi ươm mầm cho một nội lực phát sinh. Cụ sẽ trả lời ra sao, thưa người của ‘ miệt vườn ’ ?* ”

Nói chú đừng giận, quả thiệt tôi mừng khi đọc câu chú viết : “ *Lắm lúc trách mẹ cha để chỉ mình ra ở chốn thiếu thốn tú bề không có tivi, đàn hát, nhạc họa để thua bạn bè, nay lại không có tiền cho con học thêm ngoại ngữ, mua máy vi tính... mà phải đi làm thêm cực nhọc, phạc phờ* ”.

Mừng vì nhiều lẽ. Một là mừng chú uất ức, tủi hổ với cái nghèo. Uất hận tràn đầy bao nhiêu thì lối thoát càng gần trước mặt bấy nhiêu. Hai là mừng chú không đặt vấn đề riêng chỉ cho cá nhân chú mà còn nghĩ đến việc chung. Đồng ý với chú trên điểm này quá đi ! Đồng ý và mừng được thấy nơi người trẻ cái lý tưởng đi đến “ *đích cuối cùng là làm hiện rõ một Việt Nam hôm nay cho thế hệ sau chúng tôi* ”. Đáng mặt lý tưởng cho một công dân nước Việt Nam độc lập. Và chính vì vậy không thể không chạnh nhớ đến những hy sinh gian khổ của cả dân tộc để cất được cho các thế hệ hôm nay cái tủi nhục làm nô lệ ngoại bang. Cái tủi nhục đã canh cánh

bên lòng thế hệ chúng tôi trong bao năm trường, nặng nề vì không ít người trong chúng tôi tin tưởng rằng điều kiện tiên quyết để dân tộc vượt ra khỏi tình trạng nghèo hèn là phải cởi bỏ cho được cái ách nô lệ ấy. Tôi vẫn cứ cho rằng niềm tin này là có cơ sở nếu ta không chỉ lo cho số phận riêng cá nhân và gia đình mình mà còn nghĩ đến vận mạng chung của dân tộc, của đất nước.

Một vấn đề lớn cho sự sống còn của dân tộc đã giải quyết xong. Đất nước độc lập thống nhất rồi, cái nghèo, cái khổ làm tủi hổ day dứt. Trong mắt chú đó là vấn đề hàng đầu. Mỗi ưu tư rất chính đáng. Đi vào phân tích những nguyên nhân làm cho ta cứ mãi lết đệt nghèo hèn sẽ quá dài dòng. Chúng ta trở về với vài vấn đề mà theo tôi có trực tiếp liên quan đến con đường thoát ra cái nghèo hèn ấy : vấn đề gốc rễ văn hoá dân tộc, vấn đề đi vào hiện đại...

### Gốc với ta, ta với gốc

Thú thật với chú là tôi đã bật cười thấy chú nói giọng khiêu khích : “ *Còn ăn cơm bằng đũa, dạ thưa bằng tiếng Việt thì gốc vững trăn lo gì mất* ”. Một người nói ngang ba làng nói không lại. Nhưng điều này tôi nhận cho chú có phần phải đi. Vì trong thâm tâm tôi cũng nghĩ rằng ngôn ngữ, cách ăn lối uống là những nét căn bản của văn hoá một dân tộc. Rằng chẳng dễ gì mà một thể hệ sống trong lòng đất nước, dân tộc có thể một sớm một chiều mất gốc mất rễ được.

Tôi xin lấy ngay cái sự kiện chú và bạn bè cùng trang lứa với chú chẳng muốn “ *mất phí thời gian hoài cổ* ”, để “ *làm cái việc thời đại thúc bách phải làm là miệt mài với vi tính, ngoại ngữ...* ” để dẫn chứng. Gặp tình cảnh của chú, một người trẻ Mỹ, Đức hay Pháp có làm như vậy không nhỉ ? Kinh nghiệm một nửa đời lặn lội ở xứ người cho phép tôi nghĩ rằng đa số người trẻ Tây phương sẽ phản ứng khác hẳn. Và cái cung cách cứ học đi đã, học cho lấy được, miệt mài mà học nó chất chứa cái gì đặc sệt Việt Nam. Đến nao lòng.

Nói vậy chẳng phải để khen hay chê. Mà để cho thấy rằng cái phong cách ứng xử và suy nghĩ, sống và yêu, ăn mặc và hát hò, mơ ước và đấu tranh, nói chung là cái gốc văn hoá của dân tộc, nó tiềm tàng chất chứa trong chú, hồn nhiên như nước trong nguồn chảy ra, như tiếng nói mẹ đẻ... Muốn quên nó cũng chẳng được, mong gì mà lấy nước phôngten vuốt cho nó trôi đi. Vì nó đã ở trong mỗi người chúng ta từ thuở nằm nôi nghe mẹ ơ à ru con. Nó là một phần trong chú hiện nay và nó sẽ cùng chú bước vào tương lai.

Tất cả vấn đề là nó có sẽ thành gánh nặng trĩu kéo, cùm buộc chân chúng ta đi ? Hay là nó quyện được với tri thức hiện đại mà đơm hoa kết quả phô hương phô sắc. Hương sắc khác đời vì đượm vị đất, vị nước ta, vì nó phát sinh từ đại dương tập tục và thói quen di sản của cha ông, tổ tiên ta đời nọ truyền lại đời kia. Và chính vì vậy mà nó góp thêm hồng thêm thắm vào vườn hoa muôn sắc muôn hương của văn hoá loài người.

Ấy cũng phần lớn tùy thuộc vào cách ta nhìn gốc rễ văn hoá ấy như thế nào, ứng xử với nó ra sao. Ôm cứng lấy nó như một gốc khô trong quá khứ, xin lỗi nói như người quê miền Tây ta, thì được cái khỉ mốc gì.

Nhưng tại sao lại đi nhìn gốc rễ truyền thống như là một cực đối chọi, mâu thuẫn với hiện đại ? Cách nhìn ấy có cơ sở vững chắc hay không ?

## Mâu thuẫn và hổ tương

Chú lo miệt mài với vi tính, với ngoại ngữ. Chú và lớp người cùng thế hệ chú “ *phóng tầm mắt xuyên lục địa, thu nhận hết mọi cái hiện đại (thông tin, kỹ thuật, công nghệ và v.v...)* ”. Hoan hô. Chỉ xin ghé tai nhắc nhỏ một điều : tiếng Việt ta hay dùng từ kép, ông bà ta nói “ học hành ”, học thì phải đi đôi với hành. Nhưng dường như ta hay quên cái về “ hành ”, đánh rơi nó đâu mất. Chú là sinh viên trường Du lịch. Ngoại ngữ là cần thiết. Nhưng rồi sẽ *nói những gì đây ?* Bạn bè ngoại quốc của tôi không ít người đi thăm Việt Nam. Rất nhiều người than phiền rằng khi chán ngấy rồi những cảnh văn công đóng đám cưới, đình đám, hát hò dân ca, giã tạo chẳng qua mắt được ai có chút nhận xét tinh tế. Khi họ muốn hiểu biết thêm về con người về đời sống Việt Nam thật thì hướng dẫn viên bản xứ lại ù ù cạc cạc, mù tịt cả những điều mà người ngoại quốc biết trước khi thăm viếng đất nước ta. Mà nào họ có đòi hỏi gì cao xa cho cam. Chỉ cần chuyện thật, chuyện sống hàng ngày thôi. Như cách ăn thói uống của ta chẳng hạn. Hướng dẫn viên mà biết kể kể cách luộc thịt heo sao cho khi thái mỏng, miếng thịt cứ căng lên không co queo cuốn kèn, ăn vào miệng đã đậm lại dòn. Kiểu như Sơn Nam trong chuyện **Con Bầy Đưa Đò** hay ông Bầy Trăn trong **Chợ Đệm Quê Tôi** ấy mà, thì họ sẽ tròn xoe mắt.

Ấy, có đi vào thực hành mới thấy cái gốc văn hoá – ta xem thường vì nó nằm sẵn trong ta – là cần thiết, là quý tới đâu. Vi tính, công nghệ, kỹ thuật, ngoại ngữ... bản thân chúng chỉ là những phương tiện. Như cái cột sắt cắm dưới đáy biển trước khi được Tề Thiên cầm lên tay, chưa dùng được vào việc gì cho ra hồn. Thiếu “ nội lực ”, nói theo kiểu chú, thì học xong chúng nó cứ nằm chết cứng. Khá hơn một chút thì cạy vào chúng mà xách cặp theo người, lết đệt. Hoặc làm ra một cái gì lai căng ta chẳng ra ta, Tây chẳng ra Tây, lố lăng mà không đi tới đâu hết.

Cái sức mạnh biến nổi cái cột nằm dài dưới đáy biển thành cây gậy Tề Thiên muôn biến vạn hoá, đối với không ít người, chính là từ cái gốc văn hoá cha ông để lại. Đây là cội rễ của tình cảm sâu đậm dạt dào, điểm nhãn cho sáng mắt lên nhìn thấy rõ đâu là vấn đề thiết thân, phải tung những kỹ thuật gì ra mà giải quyết.

Những tháng này đang là thời gian Hội diễn văn nghệ mùa thu 1995 Paris. Báo chí nói nhiều đến vở **Hạn hán và cơn mưa** và tác giả dàn dựng nên nó Ea Sola. Cô gái này gặp người Việt thì bảo gọi cô là Thuý. Vốn cô cha Việt mẹ gốc Hung và Ba Lan, tuổi chỉ nhỉnh hơn thế hệ chú chút ít thôi. Khi xưa cô sống ở miền thượng nước ta, cho nên dùng tiếng vùng đó mà lấy tên là Ea, có nghĩa là nước, là sông. Cô học kỹ thuật vũ với Tây phương, với Nhật, rồi mày mò tìm lại cội rễ của mình qua nghệ thuật hát chèo tận vùng quê Thái Bình, suốt nhiều năm trường.

Các nhà phê bình nghệ thuật Tây phương đồng thanh chào mừng tài hoa mới nở mùa này Ea Sola – tờ nhật báo Pháp có uy tín toàn cầu, tờ Le Monde trong số phụ trang đặc

biệt về Hội diễn mùa thu 1995 đã không ngần ngại phê rằng vở balê đầu tay **Hạn hán và cơn mưa** một bước đạt ngay trình độ bậc thầy, và cho rằng Ea Sola, nghệ sĩ vô danh ngày khai trương Hội diễn, nghiêm nhiên lên đứng ngang hàng với những tên tuổi lớn.

Kỹ thuật ư ? Phải mà chẳng phải. Nghệ sĩ đã siêu việt kỹ thuật, khán giả nào cần biết rằng làn điệu tiết tấu ca nhạc là từ chèo mà ra, rằng đoàn vũ nữ gồm các cụ bà đồng quê Thái Bình tuổi từ năm mươi đến bảy mươi : Họ cảm nhận thẳng vào đáy lòng cái khắc nghiệt của thiên nhiên, thiêu đốt của nắng hạn, tầm tã của mưa bão, rên rỉ của côn trùng ếch nhái, cái nhọc nhằn khổ cực của con người. Họ thấy vũ nữ đẹp, đẹp những thân xác, những gương mặt hần phong sương đời đời gò lưng gặm mặt xuống luống cày mót lên hạt gạo, vật lộn với thiên nhiên, vật vã với cái sống cái chết của chồng, của con, của người thân yêu. Thân xác và gương mặt của các cô gái, các phụ nữ, các bà mẹ, các bà lão, Việt Nam đấy nhưng mà cũng là của người yêu, người em, người chị, người mẹ, một nơi đâu đây trên trái đất này, đã, đang, mãi mãi vật vã với thiên nhiên, với sống chết. Các nhà phê bình có lý khi họ coi Ea Sola Nguyễn Thuý là sứ giả văn hoá Việt Nam. Chỉ trong khoảng khắc cô đưa khán giả vào tới cội rễ dân tộc với một vở balê hiện đại, sử dụng những yếu tố văn hoá truyền thống thật, nhưng biến chúng thành một ngôn ngữ tân kỳ, truyền thẳng cho khán giả thấm thía cái cơ cực, hôm nay và muôn thuở của người phụ nữ quê ta.

Cũng trong Hội diễn này, có mấy nhà sáng tác nhạc trẻ Trung Quốc được các nhà phê bình xem là kiệt xuất. Những người này có người hiện sinh sống ở New York như Tan Dun (Đàm Thuấn), Ge Gan Ru (Cát Căn Nhu), người sinh sống ở Trung Quốc lục địa như Guo Wenjing (Quách Văn Kinh). Họ đều có một điểm chung là sáng tạo nên được nhạc mới lạ từ quan niệm đến thể hiện, tươi trẻ mà nồng cháy, làm cho người nghe không ngớt từ ngạc nhiên này đi đến ngạc nhiên khác, thán phục. Ngôn ngữ nhạc của họ hoà hợp được cái táo bạo của nhạc hiện đại với làn điệu truyền thống của thủy thủ, của dân ca, hội hè đình đám Trung Quốc. Khi sau buổi trình diễn, khán giả hoan hô yêu cầu tác giả Guo Wenjing ra mắt, ta thấy từ hậu trường bước ra cúi chào, một con người nhỏ thó, rụt rè. Khi ấy mới thấy thấm thía lời tuyên bố của anh chàng họ Quách này : “ *Vùng quê tôi, người thì nhỏ con mà sao khoẻ thế, vác nổi những kiện hàng to tướng : tôi muốn biểu thị sức mạnh bên trong của người dân quê tôi trong nhạc của tôi.* ”

Chú em có thể bảo rằng nãy giờ ông già lắm cảm nói toàn chuyện nghệ sĩ. Ừ thì cứ cho là nghệ thuật cần bắt nguồn vào gốc rễ đi, nhưng hiện đại là kỹ thuật là công nghệ, cần chi đến chuyện gốc rễ ?

Nếu nghĩ thế, thì chú em lại bé cái lắm ! Gốc rễ của chúng ta xét cho cùng là những câu hỏi, những phản ứng trước thiên nhiên, trước cuộc sống đã trở thành nề thành nếp, đời nọ truyền lại cho đời kia vì nề nếp đó giúp chúng ta thích ứng với các vấn đề mà môi trường, mà cuộc sống cứ trở đi trở lại không ngừng đặt ra cho các thế hệ nối tiếp nhau.

Chú em có biết chẳng Pasteur phát hiện ra vi sinh vật mở ra viễn tượng mệnh mông cho khoa học và kỹ thuật, chính là

vì ông ta đặt một câu hỏi thiết thân với cội rễ truyền thống làm rượu nho của quê hương ông : hiện tượng lên men rượu từ đầu mà ra ? Chú có biết chăng, một lý do Nhật phát triển rất sớm và rất mạnh công nghệ vi sinh và sinh hoá chính là để giải quyết những vấn đề truyền thống ăn uống đặt ra : tương, chao, dưa, muối... Các công nghiệp vi sinh, sinh hoá của Nhật là từ tương chao mà phát lên đấy chú ạ.

## Làm gì cho nội lực phát sinh

Chú thấy đấy, gốc rễ là một nguồn nội lực. Không ai từ lỗ nẻ chui lên mà nên người ngay. Không quá khứ thì hiện đại có ra gì, và tương lai sẽ là thứ tương lai ăn mày. Vì vậy tôi rất khoái câu hỏi của chú “... làm gì để chuẩn bị nơi ươm mầm cho một nội lực phát sinh ? ” Nhưng mà trở trêu làm chi chú em ơi, khi dân tộc ta thực sự cần “ một đơn đặt hàng... ” kiểu chú nói mà ngong ngóng chẳng thấy đâu là tầm hơi. Nhưng thôi, chẳng ai cấm được chúng mình ước mơ.

Đã có một thời các nhà văn hoá viện tổ tiên anh dũng từ Hùng Vương trở đi để cho dân tộc ta oai hùng vươn lên giành lại độc lập thống nhất từ trong tay những đối thủ mạnh bạo nhất thế giới kể từ xưa tới nay. Đó là việc cần thiết trong giai đoạn lịch sử ấy. Nay ta bước qua một giai đoạn khác. Mãi uốn ngược vênh mặt lên trời thì chẳng nhìn vào thực tại, biết mình và biết người. Mà cái đó chính là yêu cầu cấp thiết của giai đoạn ngày nay, của nước ta rộng mở, không còn nước nào là thù địch, chỉ có những đối tác. Nghĩa là bạn đấy và cũng là kẻ cạnh tranh khốc liệt với ta đấy.

Vì thế ta cần biết rõ ta. Biết cái phần hồn nhiên tiềm tàng trong ta, tức là cái truyền thống văn hoá. Chẳng mấy ai ý thức rằng nó là một yếu tố cốt lõi xui nên cung cách nhận định suy tư ứng xử mà ta xem là tự nhiên, có nghĩ như vậy, làm như thế mới là phải, là đúng. Chính vì thế mà ta cần tìm hiểu truyền thống trong sinh động thực tế của nó, trong những thiết chế xã hội, những con người, trong tác động vào tâm lý xã hội.

Chắc sẽ có người bảo rằng tiền bạc, thì giờ đâu mà phung phí vào chuyện chẳng sinh ra lợi ích gì như vậy. Tôi chỉ xin lấy một ví dụ trước mắt thôi, cái thói làm cầu tiêu trên sông rạch ở vùng Tây của ta ấy mà. Thời tôi còn niên thiếu, của vừa rơi xuống nước là đàn cá chọt xúm lại dùng dùng tranh nhau giành dật, chớp mắt không còn chút nào. Chẳng đẹp mắt, nhưng cách làm cổ truyền ấy có cơ sở vì thích nghi với khả năng chuyển hoá của thiên nhiên sông nước, khi mật độ người ở chưa đông lắm. Ngày nay, người ở nhiều hơn, môi trường đã biến đổi cho đến cá chọt cũng không còn. Nhưng mà, không chịu cất công tìm hiểu một cách toàn diện tác động giữa tập quán sinh sống, chăn nuôi, trồng trọt với môi trường rất đặc biệt của miền Tây, đề ra những biện pháp thích nghi với thói quen, với túi tiền của bà con, với thiên nhiên, thì chú thấy đó : Cấm làm cầu tiêu trên sông rạch thì cứ cấm, bà con đi tiêu ra đem gói lại quẳng xuống sông. Chỉ cực cho người dân, đâu lại hoàn đó !

Ta cần biết ta bao nhiêu thì cũng cần biết người bấy nhiêu. Ta biết gì về những nước cùng khu vực Đông Nam Á, nay cùng hội cùng thuyền với ta trong ASEAN, ta biết gì về phong tục, tập quán của họ, của người Hoa Kỳ, người châu

Âu ? Dù là chỉ đủ cho cái mục tiêu thiết cận làm ăn buôn bán với họ. Mà biết người chính lại là cái gương rọi cho ta biết rõ ta hơn. Khi ông cha ta đã chọn lọc những cung cách suy nghĩ và ứng xử với mình, với người với thiên nhiên đem làm thành nề nếp thành gốc rễ văn hoá đời này truyền cho đời kia thì đã cố tình phát triển một số khả năng. Nhưng cũng vì vậy mà để thui chột đi một số tiềm năng... Soi vào người ta mới sáng ra những thui chột trong ta.

Nhưng này, cái mục tiêu “ *đích cuối cùng là làm hiện rõ một Việt Nam hôm nay cho thế hệ sau chúng tôi* ” của chú lắm lắm coi vậy chớ mà sâu xa không ngờ đó chú em ạ. Làm rõ một Việt Nam khấm khá có ăn có chung đã đành, nhưng chú em chớ bắt bình cái “ *bắp tay kẻ mạnh vung lên đe dọa kẻ yếu, nghèo* ” đó là gì. Cái Việt Nam hôm nay có ăn nên làm ra thì cũng phải có chút công bằng xã hội mới không là rừng rú dã man chớ ! Chú cho phép tôi gọi cái yêu cầu công bằng đó là một trong những giá trị tinh thần của xã hội đi. Truyền thống văn hoá của ta có ý niệm công bằng nhưng đến cái khái niệm công bằng xã hội này thì lại mờ nhạt gần như không có gì. Ngày nay chính là lúc cần tiếp thu khái niệm đó và thể hiện nó trong thể chế trong đời sống, cho nó thành một yếu tố của di sản văn hoá thế hệ hôm nay để lại cho mai sau. Biết bổ sung cho gốc rễ văn hoá mình ngày càng phong phú bao nhiêu thì dân tộc hoà mình thích nghi vào thời đại thuận tiện bấy nhiêu. Để cho gốc rễ văn hoá sơ cứng trong những khái niệm lỗi thời, không chóng thì chầy dân tộc sẽ suy tàn lạc hậu.

Có điều là muốn đặt cơ sở lý thuyết vững chắc cho những giá trị tinh thần, muốn thể hiện chúng trong thể chế trong đời sống xã hội thì không thể thiếu hiểu biết về các hệ tư tưởng lớn của loài người. Chú đừng sợ tôi bay bổng vào những vùng mịt mù của tư tưởng. Xét cho cùng các hệ tư tưởng dù là Đông hay Tây, xưa hay nay, căn bản chỉ là cách đặt câu hỏi, phương pháp giải quyết các vấn đề đặt ra cho con người trong quan hệ với mình, với người, với xã hội, với thiên nhiên. Tôi mong được thấy trình bày một cách ngắn, gọn, rõ ràng và trung thực, ai ai có trình độ phổ thông cũng hiểu được, thấy được những điểm trội, những giới hạn, lệch lạc của các hệ tư tưởng lớn. Như cụ Cao Xuân Huy trong quyển **Tư tưởng Phương Đông** nhà xuất bản Văn học cho ra mắt mới mấy tháng nay. Cụ viết cách đây đã ba mươi năm rồi. Thời gian đủ cho hai thế hệ học giả tiến lên, thế mà trong thời gian ấy không thấy sách nào đáng mặt thay thế quyển sách nhỏ làm trong điều kiện thiếu thốn tư liệu này. Vậy mới biết học giả giáo điều hay học giả ba hoa nói bao nhiêu vấn đề tối thêm bấy nhiêu thì chẳng thiếu, nhưng các nhà thực học quán triệt vấn đề, nói ai nghe cũng hiểu ra là hiếm và đáng quý biết chừng nào. Nhất là vào cái thời điểm chúng ta cần được phổ thông tri thức về các hệ tư tưởng của loài người, để chọn lựa và xây dựng một số giá trị cho xã hội ngày nay.

Đang con húng ước mơ, chú cho phép tôi được tiếp tục mơ ước. Cũng chẳng có gì là quá đáng đâu. Cách đây đúng năm mươi năm, ước mơ của chủ tịch Hồ Chí Minh cho dân tộc ta là Độc lập, Tự do, Hạnh phúc. Đó cũng là ước mơ của toàn dân khi ấy. Nay đã độc lập rồi. Còn những phần kia?

Tại sao ngày nay không tiếp tục thể hiện cho đến cùng

# “Gốc ruộng” là điều tôi muốn giữ

Bạn Hùng mến !

Tôi không phải là người sinh ra trên vùng sông nước, ngược lại, tôi ra đời bên chân rặng núi Trường Sơn. Theo lời mẹ kể, mấy tháng đầu chào đời, tôi khóc suốt ngày, có lẽ do ảnh hưởng của những cơn gió Lào khô cháy. Cũng như bạn, gia đình tôi rất nghèo, làm ra một đồng là bao nhiêu mồ hôi nước mắt. Cũng như bạn, tôi căm ghét cái nghèo, tôi thèm được làm giàu, được hưởng thụ những tiện nghi đầy đủ. Và vì thế tôi bước chân vào Sài Gòn.

ước mơ của thế hệ đi trước và của chủ tịch Hồ Chí Minh ? Phần tôi, tôi tin tưởng rằng ước mơ to lớn bao nhiêu, cơ sở lý thuyết, thực hành của nó vững chắc bao nhiêu thì nội lực cuộn cuộn mạnh bấy nhiêu.

Paris 20 tháng 11 năm 1995  
bùi mộng hùng

## Tái bút

Làm con nhà nghèo trong một nước nghèo là một điều cơ cực. Ở xa, nói rằng là thông cảm thì cũng không khỏi ngượng ngập. Tuy nhiên xin được nhắc nhở hai chuyện vì tôi nghĩ có thể bổ ích cho người trẻ trong nước. Một là nói đến học ta có thói quen nghĩ đến trường học, sách vở. Quên mất trường đời. Mà chính cái trường đời mới là nơi tôi luyện nên người. Mấy nhà soạn nhạc Trung Quốc nói ở đoạn trên, họ say mê nhạc và dân ca địa phương tạo nên phần cá tính khác đời cho họ chính trong thời gian mười năm họ lao động nông thôn thời cách mạng văn hoá. Hai là đối với người trong nước vừa đi học vừa đi làm đường như là một cái gì không bình thường. Ở nước ngoài, học đại học và đi làm thêm kiếm sống là lối sinh sống của số lớn sinh viên. Điều đó cũng không cấm cản họ xem hát, đọc sách, chơi nhạc...

Vì vậy mà, xin thú thật tôi còn phân vân chưa rõ là đùa hay thật khi chú viết “ sách của cụ tôi chỉ đọc vài trang mỗi cuốn...” Dù sao thì tôi vin ngay vào có đó để nhấn nhủ bạn trẻ hãy đọc ít nhất là **Hương rừng Cà Mau** của Sơn Nam. Bạn sẽ được hưởng hương vị khác đời của một vùng đất nước, phải là con mắt của tấm lòng Sơn Nam mới nhận ra.

Ngoài ra, thế hệ tôi còn được nghe người địa phương vùng đất mới nói giọng “ con gù gục gịch trong bụi gau găm”, thế mà cũng cái thổ ngữ địa phương mộc mạc ấy, Sơn Nam biến thành văn, theo tôi thì sánh tày những áng văn của bậc sư viết văn xuôi của vùng nghìn năm văn hiến là Nguyễn Tuân. Nhưng đây là gia vị thêm riêng cho những người đồng điệu. Tôi nói với chú vì trong thâm tâm tôi nghĩ rằng trở trêu với Sơn Nam thì có, nhưng đó chính là vì chú là một người đồng điệu, chú Tiến Hùng ạ !

b.m.h.

Tôi không được điểm phúc như bạn để ngồi trên ghế giảng đường. Tôi đã thi rớt ! Bạn hãy nghĩ về một ngôi trường mà ở đó không một giáo viên toán lý hoá nào dám mở lớp dạy thêm vì chẳng có học sinh nào đủ tiền để mua các bộ sách luyện thi, chưa kể tiền học phí và thời gian để học thêm.

Hiện tại tôi đi làm phụ hồ lương mỗi ngày 18 000 đồng. Ở quê nhà tôi còn người mẹ và đứa em gái 17 tuổi học vẫn lớp năm. Thư của em tôi gửi lên viết : “ Anh Hai, em nói cái này cho anh mừng nghe. Một tuần lễ nay em đi biên số đề cho bà Tám dưới chợ, mỗi ngày được hai ba ngàn đồng. Còn buổi sáng thì em đi củi, về bán được 4 000 đồng. Ở nhà mẹ với em sống đủ rồi. Mai một anh đừng gửi tiền nữa nghe anh Hai, để dành tiền đi học thêm rồi thi lại, mẹ biểu vậy đó. Mà anh đừng uống rượu, cà phê chi hết nghe, mẹ biết là mẹ la đó. ” Bạn có biết “ đi củi ” là gì không. Một con dao, một sợi dây dù, leo 4km dốc núi (vì ở gần đã hết củi) rồi lựa những cành khô cỡ bắp tay trở xuống - chặt - bó - vác về... Tóm lại về hoàn cảnh gia đình, nhân thân, tôi cũng thuộc loại không may mắn chẳng kém gì bạn. Và nói một cách nào đó, tôi cũng được coi là dân quê, “ gốc ruộng ” như bạn. Duy có điều khác nhau rất rõ, chưa có khi nào tôi muốn lia bỏ gốc ruộng của mình.

Chính hình ảnh đôi núi chập chùng, ngôi nhà xập xệ, bóng dáng mẹ tôi, em tôi và những dòng thư gia đình là những gì thân thương, yêu quý nhất với tôi. Và tôi tin nhờ nó mà tôi vẫn đứng vững trong cảnh sống khó khăn hôm nay. Tôi chưa dám xài tiền vào bất cứ cái gì xa xỉ (dù thèm lắm, nhất là karaoke). Tôi muốn có tiền. Tôi muốn đi học, nhưng đồng tiền làm ra phải chính đáng chứ không được bắt lương. Và cuối cùng tôi mơ một ngày nào đó mình tốt nghiệp một trường đại học và về quê làm việc ngay nơi tôi sống, để có thể làm cái gì đó cho quê hương.

Bạn Tiến Hùng mến ! Những điều đó có nằm trong bản sắc dân tộc hay không ? Hay phải đợi đọc nhiều sách, biết đặc điểm, phong tục của vùng này vùng nọ mới là có gốc ?

Cuối cùng nhờ bạn chỉ dẫn giúp tôi phân biệt, chọn lựa đâu là “ lạc hậu ”, đâu là “ hiện đại thật ”, đâu là “ hiện đại giả ” để tôi bắt chước tự cảnh tỉnh mình rồi xuống kênh Nhiều Lộc rửa sạch bùn đất nhà quê cho có mùi thành phố, thiên hạ khỏi chê cười.

Và nếu có thể xin bạn thanh lý cho tôi mấy cuốn sách của cụ Sơn Nam với giá rẻ vì tôi không đủ tiền mua sách mới. Dù không rảnh để đọc cũng không nên nói như bạn đối với công sức một nhà văn lão thành đáng tuổi ông nội của mình. À điều này tôi cũng không hiểu có phải là “ văn hoá hiện đại ” hay không nữa ?

Và lần sau có viết báo xin bạn đừng dùng đại từ nhân xưng “ chúng tôi ” nữa nhé. Bởi ít nhất vẫn còn một thanh niên tự thấy không dám sánh vai với một sinh viên có tư duy “ hiện đại ” như bạn.

N.V.H.

(Dân Quảng Nam - Đà Nẵng, ăn ngủ tại  
công trường, địa chỉ không ổn định)

# Hạt gạo nhà Trời

Lê Bá Đẳng

**N**gười ở quê tôi – Bích La đông, Quảng Trị – hầu hết là dân quê. Ngoài chuyện cày cấy trồng khoai, trồng sắn, rau cỏ trong vườn, hầu hết chuyên nghề làm ruộng để sống. Từ đời cha đến đời con, từ đầu làng đến cuối xóm, hạt gạo là tất cả. Cho nên người ta tôn trọng hạt gạo như hạt ngọc nhà trời. Không được làm rơi một hạt gạo mà không nhặt lấy. Bao nhiêu ý nghĩ, bao nhiêu cầu nguyện đều quay về Trời :

*Lạy Trời mưa xuống*

*Lấy nước tôi uống*

*Lấy ruộng tôi cày*

*Lấy đầy bát cơm*

*Lấy rơm đun bếp*

Mà Trời đâu có lỗi tai. Trời đâu có nghĩ đến dân quê. Trời đâu có muốn chặn lại gió heo, gió Lào. Gió heo nó tàn bạo, nó làm cho bông lúa đang hé nở trở nên khô trụi. Hết gió heo lại có gió Lào. Gió Lào nó khô khan, nó nhức nhối, nó chen vào xương vào tuỷ, nó làm cho con người súc vật, cỏ cây xơ xác, nó đưa bụi bặm hay một chất gì như cát vàng trộn lẫn vào không khí. Nó làm cho mù mắt, gay thở.

Hết gió Lào lại nắng cháy, cây lúa nào còn sống sót lại thì chết đói, chết khát. Cho đến nước sông, nước giếng cũng chạy đi trốn.

Mất mùa là bởi ông Trời. Là chết đói. Bao nhiêu già trẻ, gái trai, ai ai cũng trông vào hạt gạo. Đối với dân quê, hạt lúa, hạt gạo là lẽ sống, là tất cả. Đã bao nhiêu lần tôi vui sướng, mọi người vui sướng nghe nói được mùa và cũng bao nhiêu lần, tôi đau khổ, mọi người cùng đau khổ vì mất mùa.

Nhiều khi mất mùa mấy năm liền. Bao nhiêu người dân quê, cần cù, lam lũ ngày đêm, không có đủ ăn, bỏ cả ruộng đồng, nhà cửa ra đi, phải đi ăn xin, ăn mày. Trẻ con xơ xác bỏ học bỏ hành. Ông già bà lão, da bọc lấy xương, áo quần rách rưới. Ngày ngày ăn khoai, ăn sắn, cỏ éo, lá cây. Cho đến chó mèo, trâu bò, gà vịt, cỏ cây cùng chung một số phận.

Vì vậy tôi không tin ở ông Trời nữa. Trời không có mắt, không có lương tâm.

Nhiều khi tôi muốn xin gặp ông Trời, để than thở cùng ông, mời ông xuống tận quê tôi để nhìn vào muôn loài muôn vật, đau khổ, thiếu thốn đến mức nào.

Có người lại bảo : không phải ông Trời mà là ma quỷ của người Chăm, họ trả thù vì ông cha chúng ta chiếm lấy đất của người Chăm rồi huỷ diệt cả một dân tộc. Hận thù mấy trăm năm vẫn còn đó và mãi mãi.

Dù sao đi nữa, ông Trời vẫn là ông Trời. Ông như bầy voi khổng lồ và tôi như con kiến. Tôi lại là nghệ sĩ, không có tài năng để ngăn cản được gió heo, gió Lào hay nắng hạn. Cũng không làm thế nào có ruộng, có nước để làm ra hạt gạo nuôi

sống bà con tôi. Trong các trường tiểu học, đại học ngày trước có ai dạy tôi có ý thức về lúa gạo, nước non, đời sống của bà con tôi đâu ? Hay chỉ chữ nghĩa, vẽ nắn và tô điểm cuộc đời mình là đủ.

Trời ơi ! Ông đã sinh ra tôi với trí óc, tấm lòng, vậy ông thừa biết : “ *Vỏ quýt dày thì có móng tay nhọn* ”. Tôi chỉ là nghệ sĩ dân quê, tôi làm ra những hạt gạo kỳ khôi chưa từng thấy. Gạo của tôi bằng đá, bằng gỗ, bằng đồng, bằng tre hay bằng bất quản thứ chi đi nữa, nhưng với tài nghệ, tấm lòng chứ không chịu ngồi không mà than thở.

Gạo của tôi, mỗi hạt là một tác phẩm mỹ thuật, tình người. Ai không tin cầm lấy, mua lấy mà xem. Gạo của tôi không phải là hạt ngọc nhà Trời để mà nhai, mà ăn, mà nuốt vào bụng, mà để sờ mó, ngắm nghía, ấp ủ như một cái gì chưa hề có.

Mời tất cả bà con xa gần, mời ông Trời, Thánh thần, ma quỷ xuống đây mà xem.

Từ nay nếu ông Trời không thương, người dân quê ngày đêm lam lũ, tát nước, cuốc cày, vun trồng cây lúa thì tôi làm ra thứ gạo này để mà sống, để cho có duyên, có nợ giữa người làm và người ngắm, người mua. Cuộc đời đâu chỉ có bó tay, ngồi khóc, hay đùa với trăng, hò reo với gió, bốn cột với gái non. Nhất định tôi không chịu đói, chịu ăn xin, ăn mày, ăn cắp, ăn trộm, hay lừa thầy dối bạn. Cũng không để cho ai khinh bỉ chê bai.

Ông Trời đã sinh ra tôi nghệ sĩ là như thế. Tôi cũng như cha ông tôi, bà con tôi và ai ai cũng biết kính trọng ông trời, sợ ông Trời ; nhưng từ nay tôi không để cho ông muốn làm chi cũng được.

“ *Vỏ quýt dày thì có móng tay nhọn* ” cơ mà và chính ông đã sinh ra tôi với tâm hồn nghệ sĩ, với trí óc tấm lòng dân quê. Như thế xin ông đừng trách móc. Tôi không bán gạo tôi bằng cân, bằng thúng, bằng lương mà từng hạt một.

Hạt gạo của tôi có thể lớn như trứng gà, trái xoài, trái mít, cái gối, cái lu đất, không đi thẳng vào dạ dày, nổi nồm, nổi bầy mà vào bàn tay, trí óc, trái tim của những ai yêu thích cái đẹp có ý nghĩa, tình người. Ai có bàn tay mềm dẻo thì xoa, thì mó thì sờ cho đã. Mà càng xoa, càng sờ lại càng thấm thía bề trong, láng bóng bề ngoài.

Chưng nó lên, đặt nó giữa bàn, hay chen nó vào giường ngủ, lúc nóng nó mang lại chút mát mẻ, lúc lạnh nó mang lại ít hơi ấm, lúc lẻ loi nó mang lại tình người, lúc đầy đủ nó mang lại chút tình nhân đạo. Hạt gạo của tôi đem lại cái ấm cúng cho bàn tay mềm dẻo của những ai muốn có cái cảm xúc lạ lùng trong lương tâm, trí óc. Nó sẽ đem lại chút ấm no, vui đẹp, hạnh phúc cho dân quê vùng tôi.

Mỗi hạt là một tí tình người, là một tí mỹ thuật tầm thường, nhân đạo, không lối lảng, trí thức, huyền bí mà tự nhiên chia sẻ cho những ai đang cần để sống. Không đường mòn, không lý thuyết chính trị viển vông.

Cái lợi lộc của hạt gạo này sẽ mang lại đũa bôn, học hành cho bọn trẻ con, cười cười nói nói giữa ông già bà lão và vui sống cho quê tôi.

Tôi bán mấy hạt gạo của tôi là để đền bù lại cái mất mùa vì gió heo, gió Lào, nắng hạn, vì ông Trời không có lương tâm.



## Nhìn lại và chiêm nghiệm...(tiếp theo trang 12)

Tương tự như vậy, đảng đã xử lý sáng suốt, đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới chính trị và đổi mới kinh tế. Đã đến lúc có thể mô tả lại quá trình này chính xác hơn. Xét trên tổng thể đường lối chính trị, đảng ta đã bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới tư duy chính trị với những đổi mới sâu sắc về tư duy và quan điểm chính trị trong việc hoạch định các đường lối, chính sách lớn về đối nội, đối ngoại, tù kinh tế, xã hội đến văn hóa, quốc phòng, an ninh đến tổ chức cán bộ ... Như vậy, ngay từ đầu quá trình đổi mới, đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị đã gắn bó chặt chẽ với nhau. Không có sự khởi đầu về đổi mới tư duy chính trị thì đã không có mọi sự đổi mới khác. Song đảng ta đã đúng khi tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế-xã hội, tạo tiền đề cần thiết giữ vững ổn định chính trị, khôi phục, tạo dựng lòng tin của nhân dân, tạo điều kiện vật chất để đổi mới thuận lợi các mặt khác của đời sống xã hội ; trên lĩnh vực đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị là những vấn đề rất cần thiết nhưng cũng rất phức tạp, nhạy cảm và những sai lầm do vội vã thường phải trả giá rất đắt, có khi không cách nào cứu vãn được, chúng ta đã đi những bước thận trọng, giải quyết được những vấn đề cấp bách nhất và đã nghiên cứu rõ. Nhưng khi điều kiện đã chín muồi thì phải quan tâm ngay đến nhiệm vụ đổi mới sâu sắc hơn hệ thống chính trị, song vẫn luôn luôn chọn khâu cấp bách để tập trung giải quyết trước. Hiện nay, chúng ta đang đặt lên hàng đầu nhiệm vụ cải cách một bước nền hành chính nhà nước là theo tinh thần như thế. Đó là bước đi đúng đắn.

Những kết luận kịp thời của hội nghị trung ương 6 khóa VI về 5 nguyên tắc của công cuộc đổi mới, sự bác bỏ kiên quyết của ban chấp hành trung ương khóa VI tại các hội nghị trung ương 7, 8 đối với những mầm mống đầu tiên về đa nguyên chính trị xuất hiện trong đảng, những nghị quyết trung ương phân tích và nhân định sắc bén và kịp thời về tình hình Liên Xô, Đông Âu vào những năm cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90, việc thông qua cương lĩnh, chiến lược, điều lệ đảng tại đại hội VII, việc nhà nước ta thông qua hiến pháp mới năm 1992, việc chỉ rõ thời cơ đồng thời chỉ ra 4 nguy cơ ở hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ và nhiều nghị quyết, quyết định lớn khác của đảng và nhà nước trong 4 năm của nhiệm kỳ khóa VII ... là những thể hiện xuất sắc bản lĩnh chính trị vững

➔ Tôi tức giận, tôi hờn oán ông Trời, nhưng rồi tôi sực nhớ mấy lời nói của người xưa : “ *Mày tự giúp mày đi đã rồi ông Trời giúp thêm sau* ” .

Vậy nếu quả thật như vậy : ông giúp thêm sau cho tôi thì tôi rủ bà con tôi, làng nước tôi làm thêm những hạt gạo lớn như con trâu, cái nhà, béo như con voi, đồ sộ như cái đình làng. Hoa cỏ mọc lại khắp đường sá, ruộng vườn, chim chóc nô đùa hò hát, tất cả đem lại một niềm vui sống đầy tình cảm yêu đương giữa chốn đồng quê cỏ cháy ở quê tôi.

Như vậy tôi biết ơn ông. Ông đúng là ông TRỜI – THẬT.

Lần này ông có lý và tôi đang tin rằng ông đang tìm đủ mọi cách để thử thách, đào tạo ra tôi một nghệ sĩ chân chính chăng ?

Tôi xin cảm tạ, cúi lạy ông và tôi sẽ truyền nghề lại cho dân quê vùng tôi nếu ông cho phép.

Lê Bá Đảng (2.1995)

vàng, nhạy bén của đảng ta. Đó là quyết tâm nhất quán thực hiện đổi mới toàn diện, đồng bộ, ngày càng sâu sắc mọi mặt của đời sống xã hội, không dao động trước mọi khó khăn nảy sinh trong quá trình đổi mới ; mặt khác là sự vững vàng, kiên định và sự sáng suốt nhạy bén tuyệt vời của đảng ta đã cảnh giác gạt bỏ kịp thời mọi mưu toan đưa công cuộc đổi mới đi trệch khỏi mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa mà chúng ta lựa chọn, ở những thời điểm có tính chất bước ngoặt.

– Sự nghiệp cách mạng của nước ta do đảng cộng sản lãnh đạo, đảng ta là đảng cầm quyền. Những thắng lợi và thành tựu, những thất bại và tổn thất của cách mạng đều gắn liền với trách nhiệm của đảng. Trong quá trình đổi mới đất nước, đảng đã soát xét lại nghiêm túc những sai lầm và yếu kém của mình. Đặt vấn đề đổi mới và chỉnh đốn đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo lên ngang tầm đòi hỏi của xã hội trong giai đoạn mới, giữ vững và phát huy được vai trò lãnh đạo của đảng trong điều kiện đảng cầm quyền lãnh đạo nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một nhiệm vụ rất mới mẻ, khó khăn, đòi hỏi tìm tòi, khám phá. Đây chính là lĩnh vực mà các thế lực chống đối tập trung sức, tìm mọi cách khai thác tác động. Kinh nghiệm ở nhiều nước cho thấy phương pháp của họ thường là reo rắc hoài nghi, bôi nhọ công lao của đảng, xóa nhòa những cống hiến hy sinh của người cộng sản, khuyếch đại sai lầm của đảng đi đến vu khống đảng, đổi trắng thay đen, biến đảng thành kẻ gây ra mọi tội lỗi ; “ chứng minh ” đảng nay đã hết vai trò lịch sử ; đòi bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao vai trò cá nhân đi đến vô hiệu hóa trên thực tế vai trò lãnh đạo của tập thể, của tổ chức đảng ; từ đòi hạ thấp vai trò và thu hẹp phạm vi lãnh đạo của đảng, tiến lên đòi phi chính trị hóa các lực lượng vũ trang và cơ quan chuyên chính, phi chính trị hóa nhà nước, cuối cùng đòi chính thức tước bỏ vai trò lãnh đạo của đảng ; thực hiện đa nguyên chính trị, xem đảng chỉ là một lực lượng chính trị như mọi lực lượng chính trị khác, đòi khôi phục và xây dựng mới những đảng phái đủ màu sắc, và như đã xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới, khi cần thì không ngại ngăn cấm hẳn đảng cộng sản hoạt động và truy bức đảng.

Đảng ta nhận thức rõ nguy cơ này, đã xác định trong giai đoạn hiện nay lãnh đạo kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng đảng là nhiệm vụ then chốt, rất coi trọng tổng kết công tác xây dựng đảng, coi trọng củng cố đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, chăm lo rút kinh nghiệm đổi mới phương thức lãnh đạo của đảng đối với cơ quan nhà nước, đoàn thể nhân dân ; vừa kiên quyết ngăn chặn mọi khuynh hướng làm xói mòn vai trò lãnh đạo của đảng vừa hết sức tìm tòi đổi mới, nâng cao trình độ sự lãnh đạo của đảng. Đây là một nhân tố rất quan trọng nữa đã bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới.

Công cuộc đổi mới của đảng ta, nhân dân ta phù hợp yêu cầu của quy luật khách quan và chiều hướng của thế giới, đó là cơ sở sâu xa cho phép đổi mới giành được thắng lợi. Song sự lãnh đạo vững vàng sáng suốt của đảng cùng với tinh thần cách mạng sáng tạo và chịu đựng hy sinh đáng khâm phục của nhân dân ta là những nhân tố trực tiếp quyết định cho sự nghiệp đổi mới của nước ta trong hơn 10 năm qua đã vượt qua được những thử thách, sóng gió, giành được những thắng lợi đáng tự hào hôm nay.

# EA SOLA với, **HẠN HẠN VÀ CƠN MƯA** MIỀNG

Mở màn có phong, cảnh núi mờ trong mây. Dưới chân núi hiện rõ một chiếc nón, như ma, bởi không có hình người, chỉ thấy lơ mờ một cái gì trắng trắng di động. Phản ứng của người xem là nổi da gà, vì cảm xúc chó không phải vì sợ — cái xúc cảm tự nhiên của người nhận ra cái nón Việt Nam chó không phải nón Thái Lan, Tàu hay Miến Điện.

Rồi cái nón lơ lửng ấy chậm chậm đi vô, âm thầm có ánh sáng đi kèm. Im lặng một phút rồi tiếng trống cái diu dặt nổi lên, khi mạnh khi lời. Hai bên cánh gà rất đông người từ từ tiến ra, cứ một vài bước lại dừng. Trong số đám đông lơ nhố ấy, có những người mặc áo quần nhà quan. Khi đoàn người tiến hết ra giữa sân khấu thì khán giả mới nhìn rõ là có hai mươi sáu người bằng hình nộm do mười ba cụ mang ra (cụ thú mười bốn thường xuất hiện đơn lẻ). Cho nên cũng trong đám đông lơ nhố ấy, thật xúc động làm sao khi nhìn mười ba khuôn mặt chơn chất không phấn son, da sạm nắng, mắt long lanh, diềm nhiên nhìn xuống khán giả phần đông là ngoại quốc. Bây giờ thì ánh sáng sau núi rực lên màu vàng ngát của mặt trời xú nóng. Tiếng hát từ hậu trường văng vẳng : ... *Tổ tiên tôi mở cõi từ xưa*, thì các cụ nâng cao hình nộm lên, làm người xem nghe lạnh lạnh ở xương sống và hai mắt nặng trĩu cay cay.

Sau khúc *hát sử* khoảng vài chục câu thì đèn tắt, vũ công đi vào và phong núi cũng được kéo lên. Từ đây sân khấu do hai màu đen trắng ngự trị. Phong trong cùng màu trắng, tấm thảm dưới chân loại đặc biệt để có thể tạo tiếng động cho các điệu múa, cũng màu trắng. Hai bên cánh gà màu đen. Màu sắc của sân khấu Nhật Bản. Sân khấu trống vắng khô khan nhưng không gây cho người xem cảm giác khó chịu. Hai người hát chèo và ngâm thơ là Phạm Văn Mẫn (diễn viên đoàn chèo Thái Bình, đóng vai Mặt trời) trong áo thụng gấm đen, và Thanh Hoài (diễn viên Nhà hát chèo Trung ương, đóng vai Bà Mưa) trong áo thụng nhung đen và khăn vành đen (khăn vành đen ! chưa bao giờ thấy, trừ khăn đóng của các ông). Tất cả tạo ra một vẻ trân trọng, nghiêm trang và giản dị đặc biệt.

Vũ công tiến ra, nón che úp không thấy mặt, áo bà ba trắng quần đen, chân đất, trên người khoác tấm ny lông trong. Tiếng ngâm vọng ra :

*Bà cúi lom khom tìm gì trong đất ?  
Đất soi bà vạ vết chân chim...*

Bà tìm gì ? Chắc chắn không phải tìm những gì sót lại

của nền văn minh vật chất trong những đồng rác khổng lồ của Mỹ. Chắc chắn cũng không phải bà tìm kiếm kho tàng của công tước Monte-Cristo để một ngày nào đó phục thù. Vậy thì bà tìm gì, một nắm xương chồng hay con trai vùi thân nơi nào đó vì tổ quốc ? Hay bà tìm gì, một củ khoai còn sót vùi trong đất hay hạt gạo nằm sót trên đồng đem về nuôi cháu ? Bà đi, dấu bà tìm gì, hình ảnh đầu cúi thấp, hai tay xới đất tìm kiếm âm thầm nhẩn nhục của bà cũng gây vô vàn xúc cảm.

Sau màn này, vũ công trở ra sân khấu không còn nón và áo mưa, tó quần khăn vành dây nhung đen. Đến đoạn ngâm Kiều :

*Nghìn năm trên đất nước này  
Quên sao được cánh cò bay la đà...*

Thông thường khi nghe ngâm thơ, khán giả chỉ mong cho người ngâm dài hơi, càng ngân nga càng thích. Ấy thế mà người xem lần này chỉ mong sao người ngâm ngắn hơi đi một chút, bớt ngân nga đi một chút. Bởi lẽ giản dị là cú hai câu thì các cụ mới đổi thế đứng một lần, mà có phải đứng bình thường đâu : các cụ chống một chân ra sau và ngửa hẳn người lên trời. Người xem chỉ lo, lỡ có cụ nào mỗi chân sụm xuống thì sao ? Rồi có đoạn các cụ lại phải gục mặt chúc đầu xuống đất, hai tay buông thông. Cái thế này ai mà bị bệnh chóng mặt áp huyết thấp thì chết ! Ấy thế mà cụ nào cũng bình chân như vại !

Rồi sau bao nhiêu lần hết nắng tới mưa, hết mưa lại nắng, con người vì lẽ này lẽ khác chia ly xa cách nhau, người ta sống trong chờ đợi mỗi mòn rồi đi tìm nhau :

*Phận người điêu đứng  
Vấn tẩm thân sắt son đi tìm  
Cái bóng hình...*

Các cụ rút trong túi áo bà ba ra mỗi người một tấm hình chĩa ra phía khán giả. Các cụ hỏi người đối diện với cái nhìn khẩn trương, van nài, tha thiết. Tôi muốn tìm người này này, hình nó đây, bà con có biết nó ở đâu không ? Nếu biết thì làm ơn mách dùm. Tôi tìm nó muốn huyệt hơi. Các cụ nhắc đi nhắc lại động tác này nhiều lần, lúc nào cũng bức xúc như lúc nào.

Rồi (tìm mãi không ra), từ góc trái sân khấu, ánh đèn chiếu vào một cụ, cụ cười. Nụ cười trông mới hồn nhiên và giản dị làm sao ! Tiếp theo là các cụ khác quay mặt lại phía khán giả, trên môi đã sắp sẵn nụ cười. Cái cười mà tổ tiên các cụ đã có trên môi từ bao thế kỷ, cái cười triết nhân, cái cười chấp nhận, cái cười mà thi sĩ thường gọi là “ tiếng khóc khô ”. Người ta thấy những hàm răng đen giữa đôi môi không son, người ta thấy những cơ mặt dãn ra trên làn da không phấn. Một nụ cười kéo dài như vô tận, một nụ cười chất phác, đằm thắm, hiền lành, không đầu. Nụ cười không có bắt đầu và cũng không có hồi kết thúc. Các cụ cười, trong im lặng, thế thôi.

Rồi trong cuộc kiếm tìm gian truân vô vọng ấy, các cụ trở nên mù loà hay nhìn đời bằng đôi mắt khác. Khi các cụ quay lại phía khán giả lần nữa thì trên mắt mỗi người đã mang đôi kiếng đen. Các động tác được phô diễn một cách gãy gọn, chính xác, không thừa không thiếu. Người ta thấy từ sau lưng những cánh tay co lên và hạ xuống một cách kín đáo nhẹ

nhàng, tuyệt không một cánh tay nào tách ra khỏi sườn.

Cuối cùng, mọi người cùng nằm xuống và ai cũng chú mắt vào một người còn múa. Khi tiếng trống dào dạt nổi lên thì các cụ khác đứng dậy với mái tóc đã xoả tung, gây một ngạc nhiên thích thú. Tóc ai cũng dài khỏi hông và có mái đầu đã bạc...

Đại khái vở múa là thế. Cái làm nổi bật ở đây là phải nhìn thấy tận mắt trên sân khấu ngoại quốc, những người đàn bà nông dân diễn tả kiếp sống của mình. Lần đầu tiên người ta thấy những vũ công là những bà già, trẻ nhất là 55 và già nhất là 76 tuổi. Những người mà ngoài giờ tập múa ra là về đi cấy. Vậy mà không phải điệu múa bông, múa bóng, lên đồng, lại là điệu múa tân thời, nhạc kịch cơ ! Cũng là lần đầu tiên người ta thấy những vũ công không bước đi bằng những đôi chân uốn éo hay những bờ vai làm duyên làm dáng. Ở đây là những đôi vai võ tu vẫn thường bắt gặp trên con đường làng và những đôi chân tất bật vẫn thường bước trên đê trên ruộng. Các cụ múa với hai bàn tay trần, không được phụ giúp bởi cánh quạt xoè hay cái mùi xoa hay cái nón. Không một nữ trang hay xiêm y hoá trang giúp sức, ở đây người múa chỉ có một tấm lòng chân thành được diễn ra trên thân hình què mùa với đôi tay đồng áng. Lần đầu tiên người xem không thấy những đôi hài thêu hay những đôi giầy cao gót, chỉ với những ngón chân Giao Chỉ bám bước trên sinh lầy và chắc suốt đời chưa hề biết mùi da thuộc. Cũng là lần đầu tiên người ta không nghe những cái tên rất kêu như Uyên Uyên, Diễm Diễm, Ngà Ngà, Ngọc Ngọc, mà là những cái tên rất " dân gian " của vùng châu thổ Sông Hồng như Trịnh Thị Ngăm, Ngô Thị Nhum, Ngô Thị Thóp, Bùi Thị Rước...

Toàn thể điệu múa chỉ bằng những động tác đơn giản mộc mạc như các sinh hoạt hằng ngày đã diễn tả tất cả cái lặng lẽ, nhẩn nhục, lão tàn và hy sinh của người đàn bà. Chính trong điệu múa đã làm toát ra được những điều cao khiết ấy. Chính trong điệu múa đã dẫn ta về bờ ao góc ruộng, về với thiên nhiên. Chính điệu múa đã thể hiện lên cái gọi là bao nhiêu ngàn năm văn hiến của một dân tộc cần cù chịu đựng, chịu đựng từ cái khó khăn của cuộc sống hằng ngày, từ những khó khăn do tranh chấp giữa người với người, đến những khó khăn do thất thường của thiên nhiên đem lại. Chính điệu múa đã nhắc nhở ta những cái mà với tiến bộ kỹ thuật bây giờ, con người có khuynh hướng quên đi : đó là sự gần gũi, sự giao cảm, sự tương thông cần thiết giữa con người với đất trời và vạn vật. Vào cái thời mà chương trình dự báo thời tiết là cái gì chưa thành thai, những kết hợp khoa học dù rất giản dị như giáo khoa thư rằng " nước từ sông ngòi ao hồ bốc lên thành mây, mây gặp lạnh đông lại thành mưa " cũng còn xa lạ, thì con người chỉ quen thuộc có ông trời. Nắng mãi không mưa cho mùa màng tươi tốt ư, thì ta cầu lạy xin trời tưới xuống cho ít nước !

Ea Sola đã đưa tiếng động lên sân khấu múa Việt Nam. Tiếng động đây tạo ra bằng những bàn chân cố ý bước ồn ào xao xát hơn để diễn tả một khoảnh khắc hỗn mang của trời đất, tiếng côn trùng, tiếng mưa, tiếng gió... và cả tiếng lòng ! Cũng trong phần âm thanh, khi trời mưa, ta nghe rõ ban đầu mưa thánh thót rơi từng hạt, rồi tuôn xối xả. Có cái, có thể là người viết bài này không nghe rõ lắm thì xin lỗi trước, nhưng

tiếng mưa lúc mạnh thì hình như là rơi từ máng xối bằng tôn ? Mà cả khung cảnh và chủ đề bài múa là thôn dã ?

Ngoài ra, phần bộ gõ với tiếng trống đại, trống chầu, chập choã, mõ... đã đóng vai trò chính và tuyệt vời trong âm thanh của *Hạn hán* và *Con mưa*. Tiếng gió vuốt ve hay giận dữ, tiếng côn trùng nỉ non hay táo tác, phô diễn lòng người nông dân quyết cấy cày trong cơn hạn hán... đã được diễn tả một cách điêu luyện qua sinh tiền, phách, tang trống... tất cả đều truyền đạt đến khán giả một cảm giác sống động và hoà nhập vào khung cảnh.

Cuối cùng, sau một giờ mười lăm phút diễn, cả đoàn tu đạo diễn đến vũ công, người hát và ban nhạc... nhận hơn 5 phút vỗ tay nồng nhiệt của khán thính giả. Lúc đó thì mới nhận ra người ba lần xuất hiện từ góc trái sân khấu, hai tay húng mưa, đi chầm chậm vào góc phải bên trong, với vẻ cô đơn trong chiếc áo tú thân màu dưa cải muối, áo lót màu rượu chát (đó là những màu sắc duy nhất) là Ea Sola — một nữ đạo diễn trẻ đẹp đã làm xúc động khán giả Châu Âu và làm rạng danh cho nền nghệ thuật Việt Nam nói riêng và cho dân Việt nói chung.

Nhưng Ea Sola là ai ?

*Tên đầy đủ của người con gái ấy là Nguyễn Thuỷ Ea Sola. Ea, tiếng Êđê là dòng nước : chị sinh ra và lớn lên ở Lâm Đồng. Tôi không rõ Sola ngữ nguyên là gì, ta có thể đọc trong đó cái ý mặt trời, ánh nắng. Cái tên tiền định cho chủ đề Nước và Mặt trời của vở múa. Cha (người Việt) và mẹ (gốc Hung, Ba Lan và Do Thái) gặp nhau ở Pháp khi cha du học. Theo mẹ sang Pháp, Ea sống tự lập, theo nghĩa bóng và cả nghĩa đen : trên hè đường Paris, có lần Ea Sola đã đứng một mình, đứng im suốt 7 giờ đồng hồ. Đứng im như để gào thét bằng thân thể của mình (...) Chị không biểu diễn, nhưng người qua đường coi là chị biểu diễn, và ném tiền tán thưởng ! Cuối thập niên 70 là nhà kịch múa Forge Royale, là trường phái múa buto của nghệ sĩ Nhật Tanaka Min, rồi khoá đào tạo ở Trung tâm Mỹ (Paris), rồi với Grotowski ở Ý.*

*Mấy dòng sơ lược về con đường nghệ thuật của Ea Sola là cần thiết, để bạn đọc biết rằng Hạn hán và Con mưa là một vở múa hiện đại, chứ không phải là một chương trình múa dân tộc cải biên của một đoàn Bông Sen. (Kiến Văn, báo Diễn Đàn số 45, tháng 10.1995).*

*Hạn hán và Con mưa* do thi sĩ Nguyễn Duy sắp đặt lời thơ và bậc thầy về đánh trống chèo cổ Đỗ Tùng phụ trách chính về phần nhạc cụ.

*Hạn hán và Con mưa* đã được trình diễn mùa xuân tại Bỉ ba ngày 25, 26 và 27 tháng 5, tại Đức hai ngày 30 và 31 tháng 5, sang mùa thu, sau Rouen (Pháp), Lisbonne (Bồ Đào Nha), đã trình diễn từ ngày 8 đến ngày 13.11 trong chương trình Nghệ thuật mùa thu tại trung tâm văn hoá Georges Pompidou. Sang tháng 5.1996, Đoàn Ea Sola sẽ trở lại châu Âu, trình diễn tại Anh, trước khi lưu diễn ở Hoa Kỳ.

Trong khuôn khổ bài báo, xin được phép miễn trích những lời ca tụng của báo chí các nước này cũng như báo chí Việt Nam.

MIẾNG

Paris, 18.11.1995

# nghe, đọc nhạc việt trên đất pháp

lưu ý bút  
E.M. Hoanna

Ngày 11 tháng 5.1995, Nhà truyền thanh Pháp dành một giờ cho Đặng Thái Sơn độc diễn piano. Mở đầu chương trình là bài *Biến hoá* trên một đề tài nhạc dân gian Việt Nam *Em đi đâu ?* của Đỗ Hồng Quân. Tiếp theo là sáu bài của Maurice Ravel.

Thật kỳ lạ, có lẽ chưa từng thấy tại Pháp : một nhạc phẩm Việt, loại biến hoá trên một đề tài Việt, tác giả là Việt, do người Việt trình diễn. Nhận xét thú nhất : sao chỉ thấy có Diễn Đàn thông báo trong hai tháng liền ?

Bài thảo luận tùy bút này chỉ nói về nhạc Việt, vài điểm có liên quan tới nhạc Việt. *Nhạc* nói ở đây là âm nhạc *dùng ký âm quốc tế* ; và mối liên quan thể hiện qua tên bài, ý nghĩa, hoặc tinh thần Việt. Và sẽ không nói tới một bài nào, dù ngắn hay dài, nổi tiếng hay không, mà do một nhóm người chung sức, giúp đỡ tác giả, sửa chữa, thêm bớt để trở thành một nhạc phẩm mang tên một mình tác giả. Ý nghĩa tối cao của sáng tạo thuần khiết là do *một khối óc, một bàn tay*.

Nhạc có liên quan tới Việt Nam đã có hơn ba phần tư thế kỷ. Có lẽ không ai quên ca khúc *Cô bé Bắc Kỳ (La petite Tonkinoise)*. Ai được nghe *Thuý Vân, Thuý Kiều* của Barthélemy Alata (1), ngoài người Pháp và một thiếu niên “ bản xứ ”, môn đệ của nhạc sư đó ?

Khoảng 15, 20 năm vừa qua, khắp trên đất Pháp, băng, đĩa nhạc Việt tràn ngập các tiệm bán. Thỉnh thoảng có diễn nhạc do người Việt trình bày.

Nếu gạt bỏ các băng, đĩa nhạc nhẹ, xu thời, “ lai ”, “ mất gốc ”, nhạc ca chiếm một phần lớn. Sót lại là nhạc cổ truyền với các nhạc cụ hoàn toàn dân tộc. *Nhạc thuần túy* (2) cực kỳ hiếm.

Trong lĩnh vực nhạc ca, một số lớn có giá trị trong điệu ca đều được giới thính giả *quốc nội* và *hải ngoại* quý mến. Một số cực nhỏ có đậm tính dân tộc. Có thể coi đó là những vàng ngọc quý, vì chúng thấm nhuần, đi sâu vào tâm hồn, rung động trái tim không chỉ của người Việt. Theo thăm dò, một số người Pháp và ngoại quốc rất ưa và mến những bài ca có cá tính *sprech-gesang* (3). Nói chung, họ tiếc là những bài đó không được khai thác rộng hơn, sâu hơn để trở nên những *kunstslied* (4). Không lạ chi là các bài đó có mặt trong phần lớn các băng đĩa. Cũng không ngạc nhiên là một ca sĩ hát trong nhiều băng đĩa khác nhau. Không những mỗi lần hát một cách, mà phần nhạc đệm cũng khác, nhạc cụ cũng đổi. Phần đệm đôi khi chững, lệch lạc, tương phản, hoặc dùng những nhạc cụ thù nghịch với tinh thần, ý nghĩa của nhạc, của lời, làm mờ đục, ô uế, bôi nhọ vàng ngọc tinh khiết. Thực lòng, đôi khi nghe, phân tích, như muốn hét lên, đòi ngừng sự tàn sát, phá hoại những kho tàng quý báu. Mong sao các tác giả lên tiếng phản đối, ngăn cấm ai đã bôi nhọ nhạc phẩm của mình. Mong sao các thính giả có can đảm vút các băng, đĩa làm hại tâm hồn mình.

Trừ khi, đôi bên, ai thấy “ nghe được ”, “ cũng xuôi tai ”, hoặc “ như thế cũng là hay rồi ”...

Ngoài một phần cực lớn ca khúc lẻ loi một vài chục giây đồng hồ tới vài phút, một số nhỏ lấy danh nghĩa “ *trường ca* ”. Trường ca, hay nói nôm na : một bài dài, hay cực dài, tất nhiên không phải là một chuỗi bài ngắn, đem gộp lại rồi gọi tên là trường ca. Trong các từ điển có trường sơn, trường cửu, trường sinh, trường giang, trường kỳ, trường chinh... nhưng không một từ điển nào cho ý nghĩa có sự ngắt quãng và chấp nối. *Wald-märchen* của Gustav Mahler không ngừng trong 30 phút có lẽ chưa gọi là một trường ca.

Trong lĩnh vực nhạc ca, ngoài những tên tác giả nổi tiếng, quen thuộc, mấy ai biết Hải Linh, Vũ Văn Tuynh, Ngô Duy Linh. Trong địa hạt nhạc thuần túy, mấy ai biết Tôn Thất Tiết. Nhắc lại mấy tên tác giả và mấy nhạc phẩm sau đây chỉ lấy làm thí dụ.

Đọc và phân tích 87 trang tập thơ-ca hợp xướng viết trên các bài thơ trữ tình của Hàn Mạc Tử chúng tôi một thành công lớn của Hải Linh trong sự lấy âm thanh hoà kết với thơ và thấy rõ một tâm hồn chất phác, tinh khiết của tác giả. Ai nấy đều rõ sự khó khăn của viết nhạc cho lời thơ, trái với sự viết lời cho nhạc. Hải Linh đã vượt khỏi sự khó khăn đó. Không những thế, ta có cảm tưởng như Hải Linh không “ nặn ”, cố kỉnh gò ép từng câu nhạc, không tìm kiếm những hoà âm, phức điệu ngoài của tạo hoá, thiên nhiên. Hoặc nói cách khác, của vĩnh viễn. Ai thoát khỏi luật đó ? Nghe đâu Hải Linh còn là tác giả hàng trăm bài ca mà ít người biết tới. Cũng nghe đâu không một cộng đồng Công giáo Việt Nam trên khắp năm châu không hát bài hợp xướng mừng Giáng sinh của Hải Linh.

Cố gắng tìm băng, đĩa nhạc trong đó có bản của Vũ Văn Tuynh viết trên bài thơ *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư mà không thấy. Đọc nhạc phẩm đó viết cho giọng nam cao và hợp xướng nam (5) thấy đưa tâm hồn tới những chân trời yên ắng, xa vắng, hiền dịu. Phần nhì của nhạc phẩm là hát duối (6) làm rai rắc một nỗi buồn man mác, nhưng xán lạn, cao siêu. Nghe đâu Vũ Văn Tuynh còn viết rất nhiều ca nhạc phẩm đầy giá trị sâu đậm, cao khiết.

Đọc Ngô Duy Linh trong những tác phẩm viết cho hợp xướng từ 3, 4 giọng tới 7, 8 giọng cho thấy một nền tảng vững chắc trong phức điệu (7) mà không nặng nề. Trái lại, nhạc Ngô Duy Linh có sức mạnh dâng hồn lên những bờ bến cao xa.

Trong nước cũng như ngoài nước, ai biết nhạc phẩm *Thuý Lâm Vô* trong lĩnh vực nhạc thuần túy ? Mấy ai biết người sáng tác nhạc phẩm đầy giá trị siêu nhiên đó là Tôn Thất Tiết ? Hãnh diện sao cho tác giả khi thấy nhạc của mình ra cả ngoài biên giới Pháp.

Nghe Trương Tăng (qua đời khoảng 5, 6 năm nay) đọc tấu đàn bầu bài *Sơn tinh Thủy tinh* thấy là tác giả có táo bạo lớn. Tăng có cho biết là cũng đã dùng ký âm quốc tế, nếu không bài nhạc đó không có chỗ trong bài này. Xưa kia, Paganini đã táo bạo viết cả một xônát *Napoléon* trên một dây sol của violông. Thực là một táo bạo chưa từng thấy. Có lẽ viết cả một truyện dài cho đàn bầu đọc tấu trong non hai phút là một táo bạo không bờ bến. Đọc Trương Tăng trong *Vết thương... Đường hoa* có phần pianô đệm (thật là hiếm có, vì phần cực lớn các bản ca được đăng trong các tạp chí đều chỉ có phần ca) thấy rõ một con người

E.M. HOANNA là bút hiệu của một nhà soạn nhạc và nhạc lý Việt Nam sinh sống ở Pháp. Ông đã từng viết (phê bình, thảo luận, nghiên cứu) cho tạp chí của Nhạc viện quốc gia cao cấp Paris. Đây là lần đầu tiên, tác giả viết cho *Diễn Đàn*.

“hiền hậu, kín đáo, nhã nhặn, hiền lành, khiêm tốn”. Nét hát, hoà âm đơn giản. Không rõ một con người như vậy, nếu còn sống, có bằng lòng để bất cứ ai giới thiệu các bản nhạc khác của mình. Mong sao được đọc, hoặc nghe bài viết cho sáu phương cầm (8) để thoả tính tò mò, vì tới nay mới được đọc tác phẩm *Pastels* của Roger Boutry viết cho năm phương cầm (9).

Một tác giả có tiếng từ lâu năm cho biết quan niệm của mình ước muốn khi viết xong các nhạc phẩm cho cả một ban nhạc giao hưởng sẽ thuê dàn nhạc đánh cho mình nghe rồi sửa chữa ! Lịch sử nhạc trên thế giới qua các thế kỷ chưa bao giờ thấy có một thí dụ kỳ quặc như vậy. Mà cũng chưa từng thấy một dàn nhạc giao hưởng với một nhạc trưởng, vì tiền (mặc dầu có thể tới hàng trăm ngàn đôla), hạ thấp để đánh cho tác giả nghe, rồi sau khi tác giả sửa chữa, lại đánh lại ! Sinh viên sáng tác, thí sinh sáng tác, giám khảo sáng tác quốc gia và quốc tế, sáng tác gia từ nhạc phẩm viết cho một nhạc cụ, đến một bản giao hưởng 1000 người (10), chưa ai thuê người chơi hộ để sửa chữa hoặc cho điểm. Thật kỳ cục.

Đọc các chương trình diễn nhạc của các nhạc sĩ viôlông, pianô, đàn gió, đàn dây, đàn gõ, ca sĩ Việt Nam, thấy một số lớn ghi là đã được giải thưởng quốc tế. Thế mà so với các nước khác, tổng số nhạc công và ca sĩ Việt Nam không lớn. Nếu tò mò tính tỉ số được giải, chắc Việt Nam chiếm kỷ lục ! Đáng vui mừng, hân hoan, hãnh diện. Hoặc hoài nghi, hoang mang.

Thỉnh thoảng một số nhạc sĩ biểu diễn (11) có trình độ cao đẹp đã đặt vào chương trình biểu diễn một bài thuần túy Việt. Thật là một điều đáng nói, đáng để ý, đáng khuyến khích, đáng khen. Tiếc sao dư âm của các bài đó hầu như không có. Phần lớn bị coi như những món ăn mở đầu.

Nói tới đây, không khỏi trách Nhà truyền thanh Pháp khi giới thiệu buổi diễn pianô ngày 11.5.1995, hoặc qua Nhà truyền thanh, trách ban tổ chức đã dài lời giới thiệu người diễn nhạc, mà quên sự quan trọng là nhạc, là người sinh đẻ ra nhạc. Ravel, dĩ nhiên không cần lời giới thiệu. Nhưng chỉ ngắn ngủi vài câu về tác giả Đỗ Hồng Quân : người Việt, sinh năm 1957, năm 1992 đã sống ở Paris, cũng là nơi sáng tác ra bài *Em đi đâu ?* Hơn nữa, bài biến hoá trên một đề tài nhạc dân gian Việt lại là bài sáng tạo đầu tiên trên đất Pháp. Không cú gì người Việt Nam, mà chắc chắn người Pháp và ngoại quốc cũng mong biết nhiều hơn nữa về tác giả. Đó là nhận xét thứ nhì.

Trong số nhạc sĩ Việt Nam *mang chuông đi đánh xứ người*, có lẽ lần đầu tiên có một đoàn đã đạt tới kết quả cao, đẹp : đó là đoàn nhạc gõ Phù Đổng.

Nhạc gõ (12) khai sinh từ khi con người bắt đầu có mặt trên trái đất. Tới thế kỷ 20, nhạc gõ được coi là nhạc “thực thụ” như tất cả các thể loại nhạc dụng cụ khác. Nếu không là thế thì đoàn Phù Đổng không có chỗ trong bài này. Chỉ cần kể các nhạc sĩ đã viết cho nhạc gõ như Stravinsky, Milhaud, Boulez, Weber, Delécluse, Berio, Kochan, Kurtag, Shinohara, Take-mitsu... thì thấy quan trọng của nhạc gõ hiện đại. Ngoài kỹ thuật, trình diễn, đoàn Phù Đổng còn có một vài điểm mà khắp trên thế giới không một đoàn nào của bất cứ một loại nhạc cụ nào có được (13).

Trên đất Pháp hiếm được đọc — được nghe thì hầu như không — các nhạc giao hưởng, hoà diễn ba, bốn, năm dàn (14) hoặc nhạc mô tả, nhạc thuật (15) của tác giả Việt Nam.

Trong những dịp được đọc và phân tích các tác phẩm dài và lớn của tác giả trong nước, thấy rõ các tác giả có nghề. Không lạ chi, một số lớn đã học sáng tác tại Nga và mấy nước Đông Âu. Nhưng không khỏi phân vân : nhạc Việt đó chẳng ? ai viết ? viết

cho ai ? vì khi đọc và phân tích, có cảm tưởng như đọc một nhạc phẩm Đông Âu đầu thế kỷ 20, mặc dù đâu đó cũng có một chút, một câu nhạc nửa dân gian, nửa đô thị Việt Nam.

Tuy nhiên, vì tình nghĩa đồng bào, vì tôn trọng tác phẩm, không thể phán đoán dứt khoát, e có thể tổn hại danh dự tác giả. Chỉ dám phân vân, hoài nghi, cho đến ngày được biết :

(...) *Tác phẩm nhạc giao hưởng của Việt Nam thì nhiều lắm, các nghệ sĩ Việt Nam và các (grands) professeurs đã sáng tác ra những bản giao hưởng mà khi chơi, hoặc nghe, có thiếu hàng đống nốt, các tác giả cũng không biết.*

(...) *Những ai có tác phẩm nghe có vẻ tốt thì đều được giáo sư tây sửa chữa rất nhiều. Kiểu này mỗi ông sang Tây (liên Xô) đều để ra một tác phẩm mà 9 phần là Tây Nga sửa chữa.*

(...) *Những người không học được đàn, hoặc đang học nhưng không học nổi thì họ đều chuyển sang học khoa lý, sáng, chỉ...*

(...) *Tác phẩm giao hưởng cho cảm giác như có điều gì sai trái với con người.*

(...) *Trong loại giao hưởng thỉnh thoảng cho vài câu nhạc dân ca cho nó tây-ta trộn vào để thành nền âm nhạc hiện đại Việt Nam.*

Các trích đoạn nguyên văn kể trên chỉ có giá trị của người đã viết. Và lấy trong một tài liệu “sống” nhận được năm 1994. Tác giả là người trong nghề lâu năm, đã du học tại Tây Âu, trình độ cao, sinh sống, hoạt động ở bên nhà, tính tình thẳng thắn, không thành kiến, không tu vi.

Bỗng nhiên *Diễn Đàn* thông báo trong hai số Đỗ Hồng Quân, tác giả bản viết cho pianô độc diễn : *Biến hoá trên một đề tài nhạc dân gian Việt Nam* “Em đi đâu ?”.

Biến hoá trên một đề tài Việt ? Thể loại biến hoá không mới lạ. Từ thế kỷ thứ 6 trong các bản ca grêgô (16) cho tới thời cận đại, hầu như tất cả các nhà soạn nhạc đều dùng thể loại này. Tóm tắt là một đề tài, hoặc một ý nhạc ngắn được tác giả biến hoá ra muôn mặt, muôn màu, muôn trạng thái. Dầu đa dạng vẫn không ra ngoài ý của đề tài. Giới thiệu những lâu đài vĩ đại trong thể loại đó như *Les variations Goldberg* (Bach), *Les 33 variations sur un thème de Diabelli* (Beethoven), *Variations symphoniques* (Franck), *Varations sur un thème de Paganini* (Rachmaninoff)... và cũng có biến hoá không đề tài của Schönberg.

Đỗ Hồng Quân đã tôn trọng thể cách cổ điển : trình đề tài trước hết. Và hơn nữa, đã tôn trọng tinh thần Việt : trình đề tài một cách sáng sủa, đơn sơ, mộc mạc, thỉnh thoảng có một vài nốt nhạc như có phách đưa đẩy, đánh nhịp. Đề tài chấm dứt bằng âm át (17). Nhiều bản nhạc dân gian Việt Nam đều chấm dứt bằng âm át, khác với nhạc Tây phương, như để đặt một dấu hỏi, hoặc để nối sang một quãng khác. Mấy âm át trong nhạc phẩm của Đỗ Hồng Quân, ngoài sự giữ đúng tinh thần Việt Nam và lễ lối Tây phương, còn thể hiện được ý “đi đâu ?”. Sau một giây lặng thinh như tự hỏi, một loạt biến hoá trong khoảng non sáu phút đã thấy “Em” qua bao trạng thái, bão táp, mưa sa, trong huy hoàng, tráng lệ cũng như trong những lúc cô đơn, âu sầu, lẻ loi, âm thầm... Thính giác cho thấy, nếu điệu thức hoặc giọng điệu là ré thứ với một dấu giáng (18), có một biến chuyển đưa tới điệu thức hoặc giọng điệu mi thứ với sáu dấu giáng. Hoặc nói một cách thông thường, biến chuyển đã đi rất xa. Đi rất xa, nhưng tai nghe không thấy chướng.

Mặc dầu bao biến chuyển, qua bao trạng thái, ý chính của đề tài vẫn hiện diện, ngay khi chỉ có một chút hình dung trong một vài nốt nhạc lẻ loi. Mấy âm át chấm dứt bài. Chấm dứt nhưng âm át cho đầy hứa hẹn.

(xem tiếp trang 32)

Vũ Thư Hiên

# miền thơ ấu

Bây giờ sáng chủ nhật nào hai cô cháu cũng đi lễ cùng nhau. Trước đó, tôi hay đi với các anh Cu Nhớn, Cu Bé hoặc chị Phương. Chúng tôi bao giờ cũng đi lễ sớm, từ khi còn tối đất, để còn về kịp buổi chợ. Cô tôi bán thuốc viên ở chợ làng.

Tôi thích những buổi lễ sớm ấy, khi bóng đêm đang nhạt dần, con đường trước cổng nhà tôi bỗng nườm nượp bóng người và vang lên những lời chào hỏi niềm nở. Vào giờ ấy, thật đáng tiếc là chỉ có vào giờ ấy, làng tôi bỗng trở thành một gia đình. Mọi người đều bộc lộ lòng yêu thương đối với nhau, và trong thâm tâm có để người ta chỉ mong cho nhau sự tốt lành. Chuông nhà thờ đổ hồi, vang vang, xua đuổi những mảng đêm cuối cùng còn cố thủ trong những ngõ hẻm, những tán lá rậm, những bụi cây thấp um tùm đầy gai góc. Nghe chuông gọi, ánh ban mai nhợt nhạt bay lên từ phương Đông, tô xanh dần bầu trời mỗi phút một mất đi màu tím. Những vì sao muộn chìm vào trong ánh sáng của một ngày mới. Trước gác chuông cao lồng lộng, những người đi lễ rẽ xuống những bậc đá rộng thênh thang dẫn tới mặt nước còn u tối của cái ao nhỏ để rửa chân cho sạch trước khi bước vào ngôi nhà của Chúa. Mặt nước tối nuốt chửng những bóng đen đi xuống với nó rồi lại nhả ra cho con đường lát gạch sáng lên dưới chân gác chuông.

Bước mấy bậc lên thềm cao của nhà thờ, tôi thành kính khụy gối, đưa tay lên làm dấu. Bên mỗi cửa vào có một bông hoa đá trong đựng nước mát, có lẽ là nước mưa, gọi là nước thánh. Nhúng mấy đầu ngón tay chum lại vào đó, tôi đưa mấy ngón tay ướt lên trán, làm dấu lần nữa tôi bước theo cô tôi vào bên trong ngôi nhà của Chúa, ở đó đàn chiên của Người đang rì rầm cầu nguyện. Cô Gái bỏ tôi đi tới khu vực dành cho các bà, còn tôi thì tìm tới khu vực trẻ con. Anh Cu Nhớn và Cu Bé đã ngồi đấy; hai anh không bao giờ đi muộn hơn tôi. Tôi ngồi xuống bên cạnh anh Cu Nhớn, chấp hai tay lại, ngược mắt nhìn lên bàn thờ Chúa.

Bóng tối mờ mờ ngự trị trong nhà thờ. Ít phút sau một *thầy già* cầm cây sào dài trên có mồi lửa chậm chạp đi thấp từng cây bạch lạp lớn trên bàn thờ, dưới chân các bức tượng, rồi đến các bức tượng trong các toà gắn trên các cột, các ảnh thánh treo dọc nhà thờ. Nhà thờ sáng dần lên cùng với mỗi ngọn bạch lạp được thấp và tiếng cầu nguyện cũng to dần khi đàn chiên Chúa đông thêm. Chuông nhà thờ lại đổ hồi báo tin lễ sớm bắt đầu.

Trên bàn thờ to lớn chiếm gần hết đầu hồi của ngôi nhà Chúa, lộng lẫy ánh vàng của các toà như nhẹ bồng bởi ánh sáng lung linh của lửa bạch lạp, ở chính giữa là Chúa Giê-su

Ki-ri-xi-tô khắc khổ và ưu tư, Đức Mẹ hiền hậu và khoan dung, kế bên là các thánh tông đồ: ông thánh Phê-rô với chiếc chìa khoá mở cửa Thiên đường đeo trước bụng, ông thánh Giu-se đầu hói, người cầu bầu cho bộ lạc thợ mộc và chông của Đức Mẹ, ông thánh Gia-cô-bê, ông thánh Gio-an Bao-ti-xi-ta, ông thánh Ba-tô-lô-mê-ô... Các thánh tông đồ, theo Sấm truyền dẫn tích, ngày một đông đảo, vì vậy ngoài vị trí trên bàn thờ chính, các vị còn phải đứng trong các toà nhỏ hơn được đóng vào cột, được treo trên tường. Với vẻ mặt nghiêm trang đầy suy tư, các thánh có vẻ như không chú ý tới những lời nguyện cầu nhao nhao của đám con chiên đen đặc phía dưới. Các con chiên thì, để bắt các vị phải nghe cho rõ những lời van xin của mình, mỗi lúc một la to hơn nữa những bài kinh cầu của họ.

Lễ bắt đầu với hai *cậu* (hai đứa con trai làm công việc giúp cha hành lễ) trong bộ áo đen thùng thình và áo khoác trắng viền đăng ten bao bọc cả ngực và lưng, kính cẩn bưng bình hương và chén lễ, từ bên trong của nách ở đầu hồi bước ra. Theo sau hai *cậu* là *cha già*, hoặc *cha xứ*, trong bộ áo lễ màu tím lấp lánh kim tuyến với hình thêu thánh giá vàng óng rất lớn ở lưng. Hai *cậu* đặt bình hương và chén lễ lên bàn thờ rồi lùi lại quỳ xuống trong khi cha tiến lên làm dấu thánh. Ông ngẩng cao mái đầu đội mũ lễ cũng thêu kim tuyến lên, giơ hai tay hướng về tượng Chúa Giê-su và các thánh rồi nói một tràng dài bằng tiếng la-tinh rồi quay lại đám con chiên, làm dấu ban phước lành cho họ. Những từ la-tinh lạ tai nhưng rất trang trọng sang sảng bay lướt trên đầu đám đông lúc này im phăng phắc đáp vào mái nhà thờ, rơi xuống và lập tức chìm ngấm trong tiếng cầu nguyện một lần nữa lại nổi lên như sóng cồn.

Trong tuổi thơ, tôi đã say mê những buổi đi lễ. Chẳng bao lâu tôi đã trở thành một đứa trẻ *siêng năng sự đạo* đúng như lòng cô tôi nguyện ước.

- Thôi thì bố mày hồng, nhà này còn được mày, cháu ạ.

Bà ôm tôi vào lòng, nói với tôi. Đó là khi nào bà yêu tôi lắm. Bình thường bà không ôm tôi vào lòng. Giữa hai cô cháu bao giờ cũng có một bức tường lạnh lẽo.

Về sau này, tôi hiểu ra rằng tôi đã say mê đạo Chúa và trở thành đứa trẻ ngoan đạo chính là vì cái gì.

Lễ diễn ra trong cảnh bài trí uy nghi lộng lẫy, trong tiếng ác-mô-ni-um trầm bổng, trong tiếng hát trong trẻo của những giọng đồng ấu ngân nga ngợi ca Chúa của muôn loài. Nhà thờ hơi mờ tối với vòm mái âm u được chiếu sáng bởi rất nhiều ngọn nến lung linh lửa ấm làm tăng thêm vẻ tôn nghiêm và huyền bí của ngôi nhà Chúa Cứu Thế, nơi hoàn toàn chẳng có gì dính dấp với cuộc sống trần tục, với những bận rộn không đâu, những niềm vui nho nhỏ và những đau khổ vẩn vơ so với cái hạnh phúc vĩnh hằng trên nước Thiên Đàng mà Chúa hứa.

Tôi mê tính chất sân khấu của đạo Thiên Chúa đến nỗi lập tức biến nó thành trò chơi.

Cùng với anh Cu Nhớn và anh Cu Bé, tôi bày một bàn thờ ở góc nhà, trên cái bàn con, rồi đặt lên đó tượng Đức Chúa Giê-su Lái Tim cao bằng cút rượu. Để tượng là một viên gạch, còn vật trang trí là đủ thứ hoa mà chúng tôi có thể kiếm được, đâm bụi hái ngoài hàng rào, hoa trúc giọng từ vườn sau, hoa đại ở vườn trước và cả hoa cứt lợn ở vạt cỏ ven bờ ao. Là kẻ khởi xướng trò chơi, tôi được chiếm vai quan trọng nhất và được biểu diễn nhiều nhất là vai cha đạo. Anh

Cu Nhón và anh Cu Bé nuốt nước bọt nhường cho tôi vai đó. Để trở thành cha, tôi lấy tấm chăn sợi đỏ có sọc đen ở hai đầu của cô Gái, khoác lên mình ; anh Cu Nhón khéo tay dán lên đó cây thánh giá bằng giấy báo xát nghệ. Mũ của cha là một cái đầu dong gạo được dán lên trên đủ mọi thứ giấy màu loè loẹt trông rất ngoạn mục. Hai cậu giúp lễ — anh Cu Nhón và anh Cu Bé — cũng trong những quần áo tự tạo như thế, hai tay thành kính chấp trước ngực, cầm hai cây bấc trắng vuốt giả làm bạch lạp.

Y hệt như ở trong nhà thờ, thoạt đầu hai cậu trang nghiêm từ trong buồng cô Gái bước ra. Tôi theo sau, vừa đi vừa túm góc cái chăn sợi bông bình cứ nhất định xoã xuống lê lét trên mặt đất. Đứng trước bàn thờ, tôi làm dấu thánh rồi quay lại với đàn chiên tưởng tượng, tôi giơ hai tay chĩa về Chúa trên lời, như một cha chính cống.

— Mian tòm kho cà kho cá kho.o.o...! Miăn miho mihen mi chết bỏ kẻ nhà mi... A-me.e.e.n.n...!

Tôi lấy giọng nghiêm trang trầm bổng để đọc câu kinh latin mà tôi học mót ở những kẻ báng bỏ đạo Chúa.

Buổi lễ kết thúc ở đó. Chúng tôi chưa kịp chia sẻ với nhau niềm vui thành công thì cô Gái không biết từ đâu đã nhảy bổ vào, cái phất trần lăm lăm trong tay.

Chúng tôi không nghe thấy tiếng bà gọi công. Hoặc chúng tôi quá mải mê nên không nghe thấy, hoặc bà tự mở được cổng (bà biết cách tự mở), nhưng bà đã vào được nhà đứng vào lúc chúng tôi hành lễ.

— Giê-su Ma-ri-a ! — nữ thần trừng phạt của chúng tôi hét lên, lạc cả giọng — Chúng mày chết với tao, quân báng bỏ !

Hai cậu giúp lễ rúm người lại, run như cày sậy.

Tôi lúng túng trong chiếc áo lễ định co cẳng chạy thì giẫm phải góc chăn, ngã lăn chiêng. Lập tức trận mưa phất trần đổ rào rào xuống người chúng tôi.

Trận đòn của con chiên mẫu mực đánh con chiên ghê thực là khủng khiếp.

### Ngòi bút VŨ THƯ HIÊN

Qua các tài liệu về vụ án Hoàng Minh Chính - Đặng Kim Giang - Vũ Đình Huỳnh, người ta biết Vũ Thư Hiên là một trong những nạn nhân của vụ đàn áp 1967, và biết ông là con trai trưởng của cụ Vũ Đình Huỳnh, nguyên bí thư của chủ tịch Hồ Chí Minh, nguyên vụ trưởng Vụ lễ tân Bộ ngoại giao. Người ta cũng biết ông là nhà văn. Song độc giả nước ngoài hiếm có ai đã được đọc văn ông.

Sau 9 năm bị giam cầm, tác phẩm duy nhất được công bố của Vũ Thư Hiên là *Miền thơ ấu* do Nhà xuất bản Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh phát hành vào thời điểm văn học được "cởi trói" (1988). Song, khoảng đầu thập niên 1960, độc giả miền Bắc đã quen thuộc với ngòi bút Vũ Thư Hiên qua truyện ngắn *Đêm mùa xuân* (1962) và bản dịch *Bông hồng vàng* (tiểu thuyết của Pautovsky).

Sinh năm 1933 tại Hà Nội, nguyên quán ở xã Trung Lao, Trục Ninh, Nam Hà, Vũ Thư Hiên xuất thân từ một gia đình đạo gốc, nhưng cha ông đã sớm tham gia Thanh niên cách mạng rồi Đảng cộng sản. Khi cha bị tù (thực dân), cậu bé Hiên được gửi về quê (một làng Công giáo *toàn tông*) sống với chị của cha (cô Gái). Một thời thơ ấu, một miền đất lạ, được làm sống lại qua ngòi bút trong sáng và dí dỏm của tác giả : đây là mấy trang trích từ *Miền thơ ấu* (giải thưởng Hội nhà văn 1989).

Anh Cu Nhón và anh Cu Bé cũng bị, nhưng nhẹ hơn tôi. Cô Gái còn để phần cho bác Hai Thực. Với tôi, bà thẳng cánh đánh. Khắp người tôi đầy lằn roi. Cửa đáng tội, ở đoạn đầu trận đòn, cái áo lễ đã tỏ ra phép lạ của nó. Cán phất trần của cô Gái giáng xuống chỉ gây ra những tiếng bồm bộp. Nó giảm nhẹ rất nhiều hiệu quả hình phạt. Nhưng cô Gái rồi cũng hiểu ra phép lạ của tấm chăn. Bà lột phăng nó ra và tiện thể cả cái quần của tôi. May cho tôi, cô Gái đã thấm mệt và những đòn giáng xuống mông cũng không còn được nặng tay.

Cô Nhung nghe tiếng chúng tôi khóc, lật đật chạy sang. Đến khi bà khóc cùng với chúng tôi, cô Gái mới ngừng tay.

Cô Nhung dắt chúng tôi về nhà bác Hai Thực. Cô Gái sang theo, mách bác Hai Thực ; bác Hai Thực tiếp tục quần thảo với hai anh tôi.

— Tội nghiệp cháu tôi ! — cô Nhung thều thào, cái miệng không còn răng của bà trể ra, mắt bà đỏ hoe — Ai lại đại vậy, cháu ? Sao lại dám báng bỏ làm vậy ? Cô Gái đánh cháu là phải, cháu hu thì phải đánh, nhưng đánh thế vậy thì quá sức lẽ mình. Yên, yên cô xoa cho.

Bàn tay nhẵn nhéo của bà xoa đều trên người tôi. Mùi đầu quất thần hắc đến cay mũi. Một giọt nước mắt đục lã ra khỏi con người mờ tối của cô Nhung, rơi trên ngực tôi, làm dịu đi rất nhiều cảm giác đau đớn. Tôi thổn thức, ôm chặt lấy bà.

— Lúc cô bé, cô có bị đánh không cô ? — Tôi hỏi bà khi cơn đau lắng xuống.

— Có chứ ! — cô Nhung chép miệng, tay vẫn không ngừng xoa cho tôi — Trẻ con bao giờ chả bị đòn. Bà sinh ra cô ấy, bà đánh luôn. Ông ít đánh, nhưng đã đánh thì đánh rất dữ.

— Ông có đánh bác Hai không ?

— Bác cũng bị ông đánh. Có lần, ông đánh từ giường trên lăn xuống giường dưới. Lạy ông, ông cũng không tha. Lạy Chúa tôi, cái trận ấy ông đánh mới dữ làm sao !

Giọng đều đều, như khi bà đọc kinh, cô Nhung dẫn tích về trận đòn mà bác Hai Thực phải chịu khi còn là trẻ con. Như mọi câu chuyện của bà, nó nhạt nhẽo, không có sinh khí, nhưng nó xoa dịu những vết đau, cả ngoài da và trong lòng.

Tôi giân Đức Chúa Giê-su vô cùng.

Trong trận đòn ghê gớm của cô Gái đổ xuống đầu chúng tôi, ông có mặt ở đó, ông nhìn thấy hết, nhưng ông chỉ đứng ỳ ra, lặng lẽ và khoe khoang chỉ vào trái tim đỏ chói đang bốc lửa trên ngực ông mà chẳng hề làm lấy một nửa phép lạ nào để cứu tôi. Mà tôi đã tin tưởng ở ông biết mấy, tôi đã cầu nguyện biết bao nhiêu để xin được ông che chở phần hồn cùng là phần xác.

Tôi dang thẳng cánh tay đập Đức Chúa Giê-su Lái Tim vào lưng vách. Bức tượng đất nung vỡ tan, để lại những vệt bụi đỏ trên vách và nhiều mảnh vỡ dưới đất.

Vì quá sợ hãi, anh Cu Nhón đã làm một hành động phản bội đối với tôi — anh đi mách cô Gái. Nhưng trái với sự chờ đợi của anh Cu Nhón, cô Gái khiếp sợ đến thất sắc, đến rụng rời chân tay. Bà ngồi bệt xuống ngay chỗ mà bà nghe được tin dữ, úp mặt vào đầu gối mà khóc hu hu.

Anh Cu Nhón chẳng hiểu sao, trốn biệt. Nhưng cô Gái tìm ra anh. Không hề hỏi những chi tiết của vụ phạm tội, bà cởi hầu bao cho anh hẳn một hào.

— Cháu chó nói với ai nhá ! bà năn nỉ — Cả thầy mẹ

cháu, cả cô Nhung, chớ. Im tấp, nghe chưa ?

– Thưa cô, vâng ạ.

– Vậy cháu kêu tên Chúa mà thề đi !

Trong mười điều răn có một điều cấm kêu tên Đức Chúa Lời vô cớ. Nhưng đây là một cớ lớn, trọng đại, chẳng thể mà cô Gái đã hành động khác hẳn thường ngày, anh Cu Nhón liền làm dấu thánh mà thề sẽ giữ kín điều bí mật khủng khiếp nọ.

Sau khi dàn xếp với anh Cu Nhón, cô Gái cũng không quên cho tôi một trận. Trận này so với trận trước còn dữ hơn rất nhiều, nhưng cô Gái cẩn thận đã đánh tôi ở gần chuồng lợn, cách xa tai hàng xóm. Tôi không được phép ra khỏi nhà cả tuần.

– Tao sẽ giả mẹ mày ! — cô Gái rít lên, đay nghiến tôi — Thằng vô đạo đốn đời, thằng chết sa Hoả Ngục, tao sẽ tống mày đi cho khuất mắt để khỏi ô danh nhà đạo gốc. Ôi, thằng quý, con cháu của Sa-tăng, của Luy-xi-phi !

Bà đến quỳ hàng nửa buổi trước toà Đức Mẹ để tạ tội vì trong nhà bà có một thằng cháu hư đốn đến thế.

Vì chuyện đó, việc xưng tội lần đầu của tôi phải hoãn lại. Mặc dầu luật đạo cấm không được giấu giếm điều gì khi xưng tội, nhưng tội của tôi quá ư gớm ghiếc, nên cô Gái quyết định để nó chìm vào quá khứ. Bà tin rằng mặc dầu cha có nghĩa vụ giữ kín tội lỗi mà con chiêng xưng với mình, nhưng rất có thể ông sẽ nổi nóng đến mức ông sẽ lên toà giảng mà rao to cho cả làng được biết cháu bà Gái đã làm việc gì. Cô tôi không chịu đựng nổi mối nhục lớn đến như vậy.

Anh Cu Nhón đã giữ lời thề với cô Gái. Nhưng anh bản khoăn.

– Chú phạm tội trọng. — Anh nói, giọng rất đúng đắn, hệt như một người lớn — Cô Gái cho tôi một hào là để tôi đừng nói tội của chú cho ai biết. Tôi nể cô, nhưng như vậy là tôi cũng phạm tội. Khốn cô bắt tôi kêu tên Chúa mà thề rồi, tôi sẽ không nói ra đâu. Có điều, chú cầm lấy đồng hào cô đưa cho tôi. Tôi cầm, tội tôi nặng thêm.

Anh đưa cho tôi đồng hào. Rõ ràng, anh Cu Nhón đã phải trải qua một cuộc đánh nhau dữ dội với bản thân. Tôi nhìn thấy trong mắt anh nỗi buồn và sự tiếc rẻ. Nhưng anh cương quyết đưa nó cho tôi. Tôi rất thích đồng hào, nhưng cử chỉ của anh Cu Nhón làm cho tôi lây cái sợ của anh.

Sau một hồi lâu nhùng nhằng, cái đầu bị thịt của tôi đã cho ra một sáng kiến. Tôi rủ anh Cu Nhón dùng hào đó mua *sâu bà Cơ* và hai chúng tôi sẽ ăn chung. Tội thì đã tội rồi, anh Cu Nhón cũng phải nhận như vậy, nhưng nếu chia nó làm hai thì hiển nhiên sẽ nhẹ hơn. Chúng tôi thết cả anh Cu Bé lẫn chị Phương, họ cũng sẽ gánh đỡ chúng tôi một phần tội cũng nên.

Anh Cu Nhón ngần ngừ. Nhưng rồi anh xiêu lòng trước lý lẽ của tôi. Và tất nhiên, trước cả sự căm dỗ của *sâu bà Cơ*.

Thời gian trôi qua, tôi không thấy mình bị Đức Chúa Giê-su trừng phạt. Hoặc giả ông độ lượng, không thêm chấp trẻ con, hoặc giả ông cũng không linh thiêng như người ta khẳng định. Dù sao thì sau vụ này, quan hệ giữa tôi và Chúa cũng đã bị rạn nứt.

**Vũ Thư Hiên**

(trích từ *Miền thơ ấu*, Nhà xuất bản Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 1988)

**nghe, đọc nhạc việt....**

(tiếp theo trang 29)

Trong nhiều cách biến hoá, Đỗ Hồng Quân đã dùng loại biến hoá khuếch trương (19) là loại nhiều mỹ thuật, nhiều “khoa học”, và cũng là loại khó nhất, so với biến hoá trang điểm (20) chẳng hạn.

Về kỹ thuật pianô, bài của Đỗ Hồng Quân chỉ có thể dành cho ai có trình độ cao.

Em. Em đi đâu ?

Dù em có đi đâu, Đông, Tây, Nam, Bắc, em có đi lên trời, xuống biển, em có qua bão táp, mưa sa, em có sống trong cô đơn, lạnh lẽo, trong huy hoàng, phú quý, tráng lệ, em đã trở về, đầy hứa hẹn, em, con người dân gian Việt Nam. Em vẫn là em.

Phải chăng tinh thần, ý nghĩa của nhạc phẩm đó là như thế.

Em đi đâu ? Một thành công. Một viên đá vững chắc, đẹp của âm nhạc Việt Nam.

**E. M. Hoanna**

(1) Nhạc sư pianô và nhà soạn nhạc, người Pháp. Đã hoạt động tại Hà Nội. Nhiều sáng tác của ông có liên quan tới Việt Nam. Trở về Pháp, ông có trình diễn bản *Thuý Vân*, *Thuý Kiều*.

(2) *Musique pure*, tức là nhạc không lời, không ca.

(3) Không có danh từ Pháp tương ứng. Tạm dịch *mélodie parlée*.

(4) Không có danh từ Pháp, tạm dịch *mélodie artistique*. Một trong những đặc điểm của *kuntslied* là lấy nhạc để bình luận, giải thích, tô điểm, nâng đỡ... phần ca, mà không phải là đệm. Giá trị ngang với phần ca. Brahms, nhất là Mahler, khai thác loại này một cách rất “khoa học”, rất mỹ thuật.

(5) *Voix de ténor et chœur d'hommes*.

(6) Canon.

(7) Polyphonie.

(8) Harpe. Trong nhiều từ điển và sách nhạc Việt Nam gọi là hạc cầm. Phải chăng hạc là biến âm của harpe ? Hay phải chăng hình dạng cây đàn gọi hình chim hạc ? Chim hạc, từ điển Việt-Pháp dịch là *flamant*, *grue*. Mà *grue* nghĩa bóng là gái điếm.

(9) Roger Boutry, nhà soạn nhạc danh tiếng của Pháp. Một trong số rất hiếm những người viết nhạc cho 5 phượng cầm. Viết cho phượng cầm và đại phong cầm (*orgue*) đặt ra rất nhiều khó khăn. Một nhạc sư ở Nhạc viện quốc gia cao cấp Paris có nói mỗi lần viết cho phượng cầm, ông phải uống... aspirine cho đỡ nhức đầu ! Trên thế giới, không quá 10 người đã sáng tác cho 6 phượng cầm.

(10) *Symphonic* số 8, thường gọi là *Symphonic des Mille* của Gustav Mahler.

(11) *Artiste-interprète*.

(12) *Percussions*.

(13) Xem bài dài (tiếng Pháp) của cùng tác giả nói về Đoàn Phù Đổng đăng trên tập san của Nhạc viện quốc gia cao cấp Paris (số tháng 10.1990). Bạn đọc muốn có bản chụp, xin liên lạc bằng Fax tới số (33 1) 48 36 75 71.

(14) *Musique symphonique*, trio, quatuor, quintette.

(15) *Poème symphonique*. Nhạc thuật là một bản kể một chuyện. Thí dụ *Danse macabre* (Saint-Saëns), *Une nuit sur le Mont Chauve* (Borodine), *Shéhérazade* (Rimsky-Korsakov)... *Symphonic fan-tastique* (Berlioz), *Tableaux d'une exposition* cũng coi như nhạc thuật. *La mer*, *Les nuages* (Debussy) mặc dầu thuộc loại ấn tượng, cũng có một phần thuật. Con voi, con voi (Nguyễn Xuân Khoát), đoạn bảo tở trong *Symphonic pastorale* (Beethoven) là nhạc mô tả.

(16) *Chants grégoriens*.

(17) *Dominante* (nốt thứ năm của thang âm).

(18) *Ré mineur avec un bémol*, *Mi bémol mineur avec six bémols*.

(19) *Variation amplificatrice*.

(20) *Variation décorative*.